UBND XÃ LAI KHÊ **PHÒNG VĂN HOÁ - XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1235/TB-VHXH	*Lai Khê, ngày 02 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO

Công khai danh sách đối tượng hưởng chính sách trợ cấp xã hội, người có công với cách mạng tháng 10/2026

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/08/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội; Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội và mức phí chi trả trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ CP ngày 21/7/ 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Lai Khê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa - Xã hội xã;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-UBND xã Lai Khê ngày 22/12/2025 của UBND xã Lai Khê về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 23/01/2026; Quyết định số 758/QĐ-SNV ngày 20/5/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng về việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện chính sách chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Phòng Văn hoá - Xã hội xã thông báo công khai danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng đối với người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội tháng 01/2026 cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai

- Danh sách người có công với cách mạng và thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng 633 người; tổng kinh phí chi trả 1.931.848.615 đồng *(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*.

- Danh sách đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng 2.457 người; tổng kinh phí chi trả 2.465.670.000 đồng *(chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*.

- Tổng số đối tượng chi trả 3.090 người; tổng kinh phí chi trả 4.397.518.615 đồng *(Bốn tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu năm trăm mười tám nghìn sáu trăm mười lăm đồng)*.

- Các trường hợp tăng, giảm, điều chỉnh mức hưởng trong trong tháng 34 người, trong đó: người có công 14 người, đối tượng bảo trợ xã hội 20 người *(chi tiết tại Phụ lục III, Phụ lục IV kèm theo)*.

2. Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã.
- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã Lai Khê.
- Thông báo trên hệ thống truyền thanh cơ sở.

3. Thời gian niêm yết

Từ ngày 02/10/2026 đến hết ngày 12/11/2026.

4. Tiếp nhận ý kiến phản ánh

Trong thời gian niêm yết, tổ chức, cá nhân có ý kiến phản ánh, kiến nghị về danh sách, mức hưởng của đối tượng đề nghị gửi trực tiếp hoặc bằng văn bản về Phòng Văn hóa - Xã hội xã Lai Khê; địa chỉ: thôn Lai Khê, xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng; điện thoại: 0973760794 (*đồng chí Đinh Thị Hậu, chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội xã*).

5. Tổ chức thực hiện

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã tổ chức niêm yết, đăng tải công khai; tiếp nhận, tổng hợp ý kiến phản ánh, tham mưu Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết theo quy định; báo cáo kết quả niêm yết với Ủy ban nhân dân xã.

- Đề nghị Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp đăng tải Thông báo trên Trang thông tin điện tử xã; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã phối hợp đăng tải trên hệ thống truyền thanh xã.

- Đề nghị Trung tâm Phục vụ hành chính công xã phối hợp niêm yết Thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

Phòng Văn hoá - Xã hội xã thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân được biết./.

Nơi nhận:
- TT: ĐU, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXH.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. LẠI KHÊ - T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Ngọc Tiệp

Phụ lục I
DANH SÁCH CHI TRẢ TRỢ CẤP HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THÁNG 10/2026

(Kèm theo Thông báo số: 1235 /TB-VHXH ngày 02/10/2026 của Phòng Văn hoá - Xã hội xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
1	Bùi Khắc Dũng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
2	Bùi Hữu Phố	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
3	Bùi Khắc Uyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
4	Nguyễn Văn Thú	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
5	Bùi Bách Thơm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
6	Bùi Duy Phạm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.323.000		2.323.000	Chuyển khoản	
7	Bùi Duy Ngọc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
8	Bùi Văn Huy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
9	Phan Đình Hưng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.144.000		2.144.000	Chuyển khoản	
10	Bùi Bách Hiển	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.024.000		4.024.000	Chuyển khoản	
11	Nguyễn Đức Chiên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.862.000		2.862.000	Chuyển khoản	
12	Tăng Tự Cận	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
13	Bùi Khắc Bôn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
14	Bùi Duy Đích	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
15	Bùi Ngọc Thức	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	6.436.000		6.436.000	Chuyển khoản	
16	Tăng Tất Quí	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.809.000		5.809.000	Chuyển khoản	
17	Lê Văn Vượng	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
18	Bùi Khắc Dũng	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
19	Phạm Ngọc Hưng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
20	Bùi Hữu Liết	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
21	Bùi Thị Thường	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
22	Bùi Thị Thanh	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
23	Bùi Thị Vân	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
24	Bùi Thị Sáu	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
25	Bùi Thị Nhẫn	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
26	Lê Thị Mát	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
27	Bùi Thị Chín	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
28	Nguyễn Đức Điệp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
29	Bùi Duy Đích	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
30	Nguyễn Đức Khoa	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
31	Bùi Hữu Ngừng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
32	Bùi Văn Nga	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
33	Lê Văn Thịnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
34	Bùi Đỗ Bảo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
35	Bùi Đỗ Toàn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
36	Tăng Bá Đạm	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
37	Bùi Hữu Tiến	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
38	Bùi Thị Hồng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
39	Bùi Bá Điềm	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT	2.838.000		2.838.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
40	Tăng Tiến Vinh	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT	2.838.000		2.838.000	Chuyển khoản	
41	Bùi Duy Long	Quân nhân xuất ngũ từ 17 đến dưới 18 năm CT	3.097.000		3.097.000	Chuyển khoản	
42	Bùi Duy Đích	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
43	Lê Văn Thịnh	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
44	Bùi Văn Thanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
45	Nguyễn Đức Cao	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.950.000		2.950.000	Chuyển khoản	
46	Lê Thanh Việt	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
47	Bùi Duy Thuật	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
48	Bùi Văn Thanh	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
49	Tăng Văn Mến	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
50	Bùi Thị Bẩy	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
51	Bùi Thị Tính	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
52	Bùi Thị Ba	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
53	Phạm Thị Ngân	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
54	Bùi Thị Ưng	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
55	Bùi Thị Làn	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
56	Nguyễn Thị Chanh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
57	Bùi Văn Phương	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
58	Bùi Công Thành	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
59	Bùi Hữu Bê	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.289.000		4.289.000	Chuyển khoản	
60	Bùi Duy Lương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
61	Bùi Khắc Sự	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
62	Bùi Bách Tân	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.144.000		2.144.000	Chuyển khoản	
63	Bùi Duy Sìu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
64	Bùi Đắc Dĩnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.411.000		2.411.000	Chuyển khoản	
65	Bùi Huy Chúc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
66	Bùi Hữu Bùng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.505.000		2.505.000	Chuyển khoản	
67	Tăng Tự Bình	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
68	Bùi Bá Chèng	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
69	Bùi Hữu Bê	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
70	Bùi Khắc Thành	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
71	Bùi Công Thành	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
72	Tăng Tự Bình	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
73	Bùi Duy Sìu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
74	Bùi Huy Chúc	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
75	Bùi Duy Lương	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
76	Bùi Thị Tám	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
77	Nguyễn Thị Đào	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
78	Bùi Thị Bống	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
79	Bùi Thị Tý	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
80	Bùi Thị Lê	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
81	Bùi Thị Thảnh	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
82	Nguyễn Thanh Hiên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
83	Bùi Công Tích	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.561.000		4.561.000	Chuyển khoản	
84	Bùi Duy Bảo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.839.000		3.839.000	Chuyển khoản	
85	Bùi Đăng Sự	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
86	Bùi Thị Bé	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
87	Bùi Văn Tiệp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
88	Lê Hồng Lân	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
89	Trịnh Đức Hạnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
90	Đào Quang Tuân	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
91	Bùi Tiến Vinh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
92	Trịnh Văn Toản	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.862.000		2.862.000	Chuyển khoản	
93	Bùi Quang Tế	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.399.000		3.399.000	Chuyển khoản	
94	Đỗ Huy Thể	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
95	Đào Quang Sáu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.132.000		3.132.000	Chuyển khoản	
96	Trần Quang Phương	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	6.343.000		6.343.000	Chuyển khoản	
97	Đào Quang Nên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
98	Nguyễn Văn Khương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
99	Lê Văn Hoà	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
100	Nguyễn Văn Chúc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
101	Nguyễn Văn Đồng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
102	Phan Đình Đông	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
103	Đoàn Hữu Nghĩ	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	6.343.000		6.343.000	Chuyển khoản	
104	Đào Quang Đại	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên	8.639.000		8.639.000	Chuyển khoản	
105	Nguyễn Văn Tại	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
106	Kiều Doãn Xoan	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
107	Đào Quang Tuân	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
108	Trịnh Đức Vinh	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%	3.627.000		3.627.000	Chuyển khoản	
109	Đào Quang Lực	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
110	Nguyễn Đức Cường	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
111	Trịnh Lam Thông	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
112	Nguyễn Đức Hải	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
113	Nguyễn Văn Lạc	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
114	Đỗ Hồng Minh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
115	Nguyễn Ngọc Khuê	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
116	Nguyễn Đức Đưa	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
117	Vũ Thị Đoan	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%	5.329.000		5.329.000	Chuyển khoản	
118	Nguyễn Thị Lợi	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
119	Trần Thị Viện	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
120	Nguyễn Thị Nhợi	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
121	Lê Thị Mẽ	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
122	Nguyễn Thị Vây	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
123	Nguyễn Thị Nụ	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
124	Nguyễn Thị Nhỡ	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
125	Đào Thị Hào	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
126	Đào Thị Phương	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND	5.020.000		5.020.000	Chuyển khoản	
127	Nguyện Thị Hộ	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
128	Nguyễn Thị Tám	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
129	Bùi Thị Loan	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
130	Nguyễn Thị Huệ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
131	Phạm Thị Dung	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
132	Bùi Thị Lợi	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
133	Nguyễn Thị Tâm	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
134	Bùi Thị Nhã	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
135	Trịnh Đức Toản	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
136	Đào Quang Sáu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
137	Nguyễn Hữu Cần	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
138	Đỗ Huy Thể	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
139	Đào Quang Đại	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
140	Trịnh Đức Vinh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
141	Lê Văn Thành	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
142	Nguyễn Hồng Thanh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
143	Nguyễn Văn Luân	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
144	Đào Quang Nguyên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
145	Nguyễn Đức Binh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
146	Lê Văn Dương	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
147	Nguyễn Đức Chiến	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
148	Đào Thị Hà Ly	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
149	Đỗ Thị Thảnh	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
150	Nguyễn Thị Tý	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
151	Trịnh Thị Hồng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
152	Mạc Thị Hằng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
153	Nguyễn Thị Thanh	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
154	Đỗ Văn Huân	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT	2.966.000		2.966.000	Chuyển khoản	
155	Đỗ Văn Diên	Quân nhân xuất ngũ từ 18 đến dưới 19 năm CT	3.227.000		3.227.000	Chuyển khoản	
156	Nguyễn Hồng Thanh	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
157	Trần Quang Phương	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
158	Phạm Văn Đức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
159	Hoàng Giang Long	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%	5.329.000		5.329.000	Chuyển khoản	
160	Lê Thị Khân	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
161	Nguyễn Thị Sẻ	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
162	Hoàng Giang Long	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
163	Nguyễn Thị Mai	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
164	Bùi Quang Lực	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
165	Nguyễn Văn Quảng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
166	Trần Trung Triều	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
167	Bùi Đức Lượng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
168	Tạ Minh Tiến	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
169	Nguyễn Huy Lạo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.144.000		2.144.000	Chuyển khoản	
170	Bùi Xuân Định	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
171	Nguyễn Đức Long	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.411.000		2.411.000	Chuyển khoản	
172	Trần Văn Xuyên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.399.000		3.399.000	Chuyển khoản	
173	Tạ Văn Xiếu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.969.000		1.969.000	Chuyển khoản	
174	Nguyễn Khắc Vũ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
175	Lê Văn Trần	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
176	Hoàng Đình Thịnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
177	Nguyễn Đức Thiệp	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
178	Phan Văn Tách	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
179	Nguyễn Quý Phong	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
180	Nguyễn Ngọc Oanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
181	Đỗ Xuân Ngạn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
182	Trần Văn Lạc	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
183	Nguyễn Xuân Khu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
184	Nguyễn Văn Khoản	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
185	Nguyễn Văn Khoái	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	5.185.000		5.185.000	Chuyển khoản	
186	Vũ Đình Keo	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
187	Tạ Văn Hiến	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
188	Nguyễn Khắc Chi	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
189	Lương Văn Cần	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
190	Nguyễn Trọng Cương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
191	Nguyễn Quý Bừng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
192	Lê Văn Biên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
193	Tạ Văn Bầm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
194	Tạ Văn Bàm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.934.000		3.934.000	Chuyển khoản	
195	Nguyễn Hữu Động	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.862.000		2.862.000	Chuyển khoản	
196	Đặng Quang Đại	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
197	Nguyễn Huy Minh	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	6.343.000		6.343.000	Chuyển khoản	
198	Phạm Chí Mùa	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	
199	Tạ Đình Khang	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	6.343.000		6.343.000	Chuyển khoản	
200	Tạ Văn ích	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên	8.639.000		8.639.000	Chuyển khoản	
201	Lương Văn Giới	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
202	Nguyễn Minh Thoa	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
203	Nguyễn Hữu Tỉnh	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
204	Lê Anh Toàn	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
205	Trần Quang Hạp	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
206	Bùi Trọng ảnh	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
207	Hoàng Vũ Sự	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
208	Đặng Văn Thơm	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%	3.627.000		3.627.000	Chuyển khoản	
209	Nguyễn Hữu Sàng	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%	3.627.000		3.627.000	Chuyển khoản	
210	Phạm Văn Đảng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
211	Trần Văn Châm	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
212	Nguyễn Khắc Vũ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
213	Tạ Văn Chẫm	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
214	Bùi Đức Lượng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
215	Trần Duy Nghĩa	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
216	Nguyễn Đức Mẽ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
217	Đặng Xuân Lộc	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
218	Nguyễn Quý Triệu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
219	Hoàng Văn Thành	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
220	Tạ Minh Tiến	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
221	Nguyễn Văn Công	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
222	Nguyễn Thừa Tải	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.552.000		1.552.000	Chuyển khoản	
223	Nguyễn Xuân Hoàng	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.848.000		1.848.000	Chuyển khoản	
224	Nguyễn Thị Nguyên	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
225	Nguyễn Thị Nhu	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
226	Phạm Thị Khuyên	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
227	Tô Thị Bé	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
228	Bùi Thị Nhằng	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
229	Trịnh Thị Nhượng	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
230	Nguyễn Thị Vy	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
231	Tạ Thị Thên	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
232	Lê Thị Sỹ	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
233	Nguyễn Thị Lan	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
234	Tạ Văn Bôn	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
235	Nguyễn Thị Hằng	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
236	Nguyễn Thị Ngọc	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
237	Phạm Thị Khép	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
238	Nguyễn Thị Lưu	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
239	Nguyễn Thị Năm	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
240	Bùi Thị Nhâm	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
241	Hoàng Thị Thảnh	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
242	Vũ Thị Coi	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
243	Nguyễn Thị Tâm	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
244	Lê Thị Sủng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
245	Phạm Thị Chi	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
246	Trần Thị Lùn	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
247	Phạm Thị Phương	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
248	Nguyễn Thị Thía	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
249	Nguyễn Văn Khoái	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
250	Nguyễn Thị Út	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
251	Lê Xuân Tá	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
252	Nguyễn Xuân Hoàng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
253	Nguyễn Văn Khoái	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
254	Nguyễn Hải Long	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
255	Hoàng Vũ Nhủ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
256	Bùi Duy Phong	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
257	Tạ Văn Chiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
258	Phan Văn Tách	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
259	Lê Anh Toàn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
260	Tạ Văn Bầm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
261	Đỗ Xuân Ngạn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
262	Nguyễn Đức Thiệp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
263	Nguyễn Quý Bừng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
264	Nguyễn Xuân Khu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
265	Tạ Đình Khang	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
266	Vũ Đình Keo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
267	Bùi Đức Lượng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
268	Trần Thị Ảnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
269	Tạ Văn Sang	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
270	Trần Trung Hội	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
271	Tạ Quang Trung	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
272	Lê Văn Vững	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
273	Nguyễn Văn Hữu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
274	Hoàng Văn Hạnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
275	Tô Văn Hưng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%	6.358.000		6.358.000	Chuyển khoản	
276	Lê Văn Giảng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
277	Hoàng Vũ Đức	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
278	Tạ Văn Trọng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
279	Bùi Thị Nhan	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
280	Đặng Xuân Nên	Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT	2.966.000		2.966.000	Chuyển khoản	
281	Nguyễn Xuân Chiến	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
282	Nguyễn Văn Thịnh	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
283	Bùi Đức Tự	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
284	Tạ Văn Bàm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
285	Lê Thị Nhi	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
286	Ngô Thị Miên	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
287	Dương Danh Đợi	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
288	Trần Công Rinh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.505.000		2.505.000	Chuyển khoản	
289	Phạm Thị Thơ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
290	Nguyễn Văn Chỉnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
291	Nguyễn Khắc Vỹ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
292	Nguyễn Quang Vận	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
293	Nguyễn Quí Vạn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
294	Nguyễn Danh Vào	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
295	Nguyễn Hữu Thanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
296	Nguyễn Hữu Thông	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.918.000		4.918.000	Chuyển khoản	
297	Trần Công Tản	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.969.000		1.969.000	Chuyển khoản	
298	Nguyễn Văn Soạn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
299	Nguyễn Hữu Sơn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
300	Nguyễn Văn Oánh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
301	Dương Danh Nở	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
302	Nguyễn Khắc Nam	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
303	Đào Văn Hến	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.144.000		2.144.000	Chuyển khoản	
304	Lương Đình Hính	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
305	Nguyễn Danh Chính	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
306	Nguyễn Văn Chuyển	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
307	Nguyễn Văn Cảnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
308	Nguyễn Danh Biên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
309	Nguyễn Danh Bay	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
310	Nguyễn Xuân Bản	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.217.000		3.217.000	Chuyển khoản	
311	Nguyễn Văn Tre	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	6.794.000		6.794.000	Chuyển khoản	
312	Nguyễn Văn Phương	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
313	Nguyễn Văn Ngọc	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	6.343.000		6.343.000	Chuyển khoản	
314	Nguyễn Khắc Hoạch	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	
315	Nguyễn Quốc Bì	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	
316	Nguyễn Hữu Thoại	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên	8.639.000		8.639.000	Chuyển khoản	
317	Nguyễn Ngọc Biên	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
318	Nguyễn Danh Chính	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
319	Phạm Văn Oanh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
320	Nguyễn Thế Hoà	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
321	Nguyễn Danh Thèo	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
322	Dương Danh Chính	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
323	Nguyễn Quý Thi	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
324	Lương Đình Chót	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
325	Dương Danh Đợi	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
326	Dương Danh Dẫu	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
327	Nguyễn Văn Thấy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
328	Nguyễn Hữu Chương	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
329	Vũ Bá Tiến	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
330	Nguyễn Danh Thắng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
331	Nguyễn Danh Tình	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.280.000		2.280.000	Chuyển khoản	
332	Phạm Khắc Huynh	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.280.000		2.280.000	Chuyển khoản	
333	Nguyễn Thị Tươi	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
334	Nguyễn Thị Vang	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
335	Nguyễn Thị Chịt	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
336	Nguyễn Thị Nghĩ	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
337	Nguyễn Thị Mùa	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
338	Đặng Thị Miền	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
339	Nguyễn Thị Gái	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
340	Nguyễn Thị Bung	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
341	Nguyễn Thị Bẩy	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
342	Đào Thị Chỉ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
343	Nguyễn Khắc Sửu	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
344	Nguyễn Thị Duyệt	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
345	Nguyễn Thị Đưa	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
346	Nguyễn Thị Lồng	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
347	Nguyễn Thị Nhàng	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
348	Nguyễn Thị Điệu	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
349	Nguyễn Thị Viết	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
350	Trần Thị Đúc	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
351	Nguyễn Quý Nấn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
352	Nguyễn Khắc Kén	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
353	Đăng Văn Nhút	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
354	Nguyễn Khắc Thung	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
355	Nguyễn Danh Tám	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
356	Đỗ Văn Chiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
357	Nguyễn Duy Tình	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
358	Dương Danh Chùng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
359	Nguyễn Văn Cảnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
360	Nguyễn Quý Vạn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
361	Nguyễn Công Tư	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
362	Nguyễn Văn Lồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
363	Nguyễn Văn Soạn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
364	Nguyễn Xuân Bản	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
365	Nguyễn Văn Thước	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
366	Nguyễn Văn Bôn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
367	Nguyễn Văn Chuyển	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
368	Dương Danh Gang	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
369	Nguyễn Văn Đượng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
370	Dương Danh Đợi	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
371	Nguyễn Khắc Hân	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
372	Trần Công Rinh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
373	Nguyễn Văn Chữ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
374	Trần Công Tiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
375	Nguyễn Danh Thăng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
376	Lương Đình Hính	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
377	Nguyễn Văn Bổn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
378	Đào Văn Chạc	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
379	Nguyễn Danh Nụ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
380	Nguyễn Danh Mon	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
381	Nguyễn Khắc Dũng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
382	Nguyễn Văn Niên	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
383	Nguyễn Danh Ba	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
384	Trần Công Trượng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
385	Nguyễn Quý Đoàn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
386	Nguyễn Quý Từ	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
387	Hoàng Văn Cỏn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
388	Nguyễn Quý Quân	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
389	Nguyễn Danh Trung	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
390	Nguyễn Thị Thuê	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
391	Nguyễn Đạt Thu	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
392	Nguyễn Đạt Thi	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
393	Đặng Thị Hải	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
394	Hoàng Văn Vân	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
395	Nguyễn Thị Tâm	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
396	Nguyễn Danh Nhuân	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
397	Nguyễn Văn Hưng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
398	Nguyễn Danh Cách	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT	2.838.000		2.838.000	Chuyển khoản	
399	Nguyễn Quý Thân	Quân nhân xuất ngũ từ 18 đến dưới 19 năm CT	3.227.000		3.227.000	Chuyển khoản	
400	Nguyễn Khắc Hoạch	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
401	Nguyễn Văn Cương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
402	Phí Thị Đấu	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
403	Nguyễn Thị Phú	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
404	Hoàng Thị Phúc	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
405	Nguyễn Văn Cương	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
406	Hoàng Văn Ngân	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
407	Nguyễn Quang Chỉnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
408	Nguyễn Thị Rà	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
409	Nguyễn Thị Thìn	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
410	Đặng Đình Toàn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
411	Trần Công Sơn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
412	Trần Thị Thuỷ	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
413	Trần Công Trung	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
414	Nguyễn Ngọc Khởi	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.561.000		4.561.000	Chuyển khoản	
415	Nguyễn Hữu Quế	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
416	Nguyễn Văn Thật	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
417	Nguyễn Khắc Lương	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
418	Nguyễn Thị My	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
419	Nguyễn Thị Trấu	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
420	Nguyễn Danh Lĩnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
421	Nguyễn Văn Quảng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
422	Trần Công Văn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
423	Trần Công ý	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
424	Nguyễn Khắc Vang	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
425	Vũ Đình Tiến	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%	5.329.000		5.329.000	Chuyển khoản	
426	Nguyễn Thị Bày	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
427	Nguyễn Mạnh Hà	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
428	Nguyễn Danh Dói	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
429	Trần Công Ý	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
430	Trần Thị Thức	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND	5.020.000		5.020.000	Chuyển khoản	
431	Nguyễn Thị Chiều	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
432	Lương Thị Thơm	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
433	Nguyễn Thị Chuyên	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
434	Nguyễn Sỹ Toàn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
435	Vũ Xuân Vịnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
436	Ngô Xuân Diệp	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.024.000		4.024.000	Chuyển khoản	
437	Nguyễn Thị Phú	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.839.000		3.839.000	Chuyển khoản	
438	Phạm Văn Thu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
439	Lê Văn Tưởng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
440	Nguyễn Bá San	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.304.000		3.304.000	Chuyển khoản	
441	Võ Văn Phẳng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
442	Phạm Văn Nhường	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
443	Phạm Quang Ngải	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
444	Phạm Xuân Ly	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
445	Nguyễn Văn Long	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
446	Lê Thanh Lâm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.918.000		4.918.000	Chuyển khoản	
447	Vũ Khao	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.411.000		2.411.000	Chuyển khoản	
448	Vũ Văn Hệ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
449	Nguyễn Kim Hanh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.862.000		2.862.000	Chuyển khoản	
450	Phạm Văn Hồng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.561.000		4.561.000	Chuyển khoản	
451	Nguyễn Bá Hữu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.113.000		4.113.000	Chuyển khoản	
452	Nguyễn Văn Danh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
453	Phạm Văn Chưng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
454	Nguyễn Ngọc Cây	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
455	Nguyễn Xuân Bẩy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
456	Ninh Văn Miên	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	
457	Bùi Hữu Cầu	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	
458	Trần Văn Đãn	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên	8.639.000		8.639.000	Chuyển khoản	
459	Nguyễn Văn Lanh	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%	3.627.000		3.627.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
460	Đào Quang Chỉnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
461	Trịnh Thị Lộc	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
462	Nguyễn Văn Tiến	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
463	Nguyễn Văn Vường	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
464	Nguyễn Hữu Cược	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
465	Nguyễn Văn Ngần	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
466	Phạm Quang Ngải	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
467	Vũ Văn Vịnh	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
468	Đỗ Văn Hàm	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
469	Trần Quang Vụ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
470	Trần Văn Ngữ	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
471	Phạm Văn Vần	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
472	Nguyễn Sỹ Toàn	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
473	Ngô Văn Diệp	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
474	Ninh Văn Tạ	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%	5.329.000		5.329.000	Chuyển khoản	
475	Nguyễn Thành Hưng	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.552.000		1.552.000	Chuyển khoản	
476	Nguyễn Thị Sử	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
477	Trịnh Thị Xuân	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
478	Tạ Thị Ba	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
479	Nguyễn Thị Thơm	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
480	Vũ Thị Ba	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
481	Bùi Thị Xong	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
482	Nguyễn Thị Xuân	Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
483	Lê Thị Lụa	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
484	Nguyễn Thị Hoãn	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
485	Nguyễn Thị Nụ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
486	Nguyễn Thị Nỹ (lý)	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
487	Vũ Quyết Chiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
488	Phạm Văn Nhường	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
489	Phùng Văn Vinh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
490	Phạm Văn Chu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
491	Phạm Đăng Văn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
492	Phạm Văn Vùng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
493	Phạm Văn Trọng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
494	Đỗ Văn Ty	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
495	Nguyễn Văn Danh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
496	Đỗ Huy Giới	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
497	Nguyễn Văn Tiến	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
498	Ninh Văn Thiêm	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
499	Nguyễn Đình Nhiễu	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
500	Nguyễn Văn Sự	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
501	Nguyễn Văn Đức	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
502	Vũ Hồng Ly	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
503	Lê Tiến Tuấn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
504	Nguyễn Thị Mạnh	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
505	Hoàng THị Hiền	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
506	Nguyễn Thị Tâm	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
507	Lê Văn Thuấn	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
508	Ninh Văn Tuyến	Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT	2.838.000		2.838.000	Chuyển khoản	
509	Phạm Văn Tâm	Công an xuất ngũ từ 19 đến dưới 20 năm CT	3.348.615		3.348.615	Chuyển khoản	
510	Vũ Văn Diềm	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
511	Nguyễn Văn Vi	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
512	Ninh Văn Tạ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.667.000		3.667.000	Chuyển khoản	
513	Nguyễn Văn Quang	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
514	Phạm Văn Bộ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
515	Trần Minh Xiêm	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
516	Nguyễn Hồng Việt	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
517	Nguyễn Văn Viên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.969.000		1.969.000	Chuyển khoản	
518	Đỗ Văn Tưởng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
519	Ninh Văn Re	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
520	Đinh Văn Minh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
521	Phạm Văn Khánh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
522	Nguyễn Hồng Bạch	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.950.000		2.950.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
523	Vũ Minh Sáng	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	
524	Phạm Văn Mạc	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	
525	Nguyễn Văn Vi	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
526	Ngô Hải Đăng	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
527	Bùi Thị Hiền	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
528	Nguyễn Thị Bát	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
529	Tiêu Thị Tý	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
530	Nguyễn Thị Hồng	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
531	Nguyễn Thị Thẹ	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
532	Nguyễn Thị Cuộn	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
533	Vũ Thị Huệ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
534	Đinh Văn Minh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
535	Nguyễn Văn Vớt	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
536	Đinh Thị Hoa	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
537	Phạm Văn Mạc	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
538	Nguyễn Văn Nhiệm	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.552.000		1.552.000	Chuyển khoản	
539	Vũ Văn Thưởng	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
540	Nguyễn Thị Mưu	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
541	Phạm Hữu Chiến	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
542	Nguyễn Hữu Ngoan	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
543	Trần Thị Thưa	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
544	Vũ Thị Deo	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
545	Nguyễn Văn Lộng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
546	Ninh Văn Cư	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.053.000		2.053.000	Chuyển khoản	
547	Phạm Đức Tằm	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	6.343.000		6.343.000	Chuyển khoản	
548	Phạm Văn Nuôi	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
549	Nguyễn Trường Giang	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
550	Vũ Thị Chính	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
551	Nguyễn Đức Trọng	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
552	Nguyễn Thị Nga	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%	5.329.000		5.329.000	Chuyển khoản	
553	Phạm Thị Đính	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
554	Nguyễn Đức Trọng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
555	Phạm Thị Huế	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
556	Vũ Thị Hương	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
557	Vũ Khắc Tuyển	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
558	Trần Văn Chức	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
559	Phạm Đức Vỹ	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
560	Ninh Văn Triệu	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
561	Vũ Văn Thính	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.469.000		4.469.000	Chuyển khoản	
562	Nguyễn Duy Nhiên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.839.000		3.839.000	Chuyển khoản	
563	Hoàng Văn ái	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
564	Trần Văn Cuối	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
565	Đào Quang Văn	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
566	Nguyễn Văn Nhâm	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.848.000		1.848.000	Chuyển khoản	
567	Nguyễn Thị Thái	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
568	Nguyễn Thị Min	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
569	Ngô Thị Yến	Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND	5.020.000		5.020.000	Chuyển khoản	
570	Nguyễn Thị Bình	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
571	Phạm Thị Tha	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
572	Nguyễn Thị Xinh	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
573	Vũ Thị Chọt	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
574	Ninh Thị Thất	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
575	Vũ Văn Giáp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
576	Nguyễn Văn Hải	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng	10.107.000		10.107.000	Chuyển khoản	
577	Bùi Thị Khuy	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ĐBN ở gia đình	3.582.000		3.582.000	Chuyển khoản	
578	Trịnh Xuân Chữ	BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%	3.627.000		3.627.000	Chuyển khoản	
579	Nguyễn Song Toàn	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
580	Nguyễn Văn Ước	BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%	5.329.000		5.329.000	Chuyển khoản	
581	Nguyễn Hữu Điều	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
582	Vũ Văn Xuyến	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.969.000		1.969.000	Chuyển khoản	
583	Nguyễn Văn Uyên	TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%	5.450.000		5.450.000	Chuyển khoản	
584	Nguyễn Văn Hồng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
585	Nguyễn Văn Hồng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
586	Nguyễn Văn Chau	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
587	Nguyễn Thị Ngọc	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
588	Vũ Thị Khi	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
589	Phạm Xuân Ly	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
590	Nguyễn Thị Hiên	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
591	Phạm Minh Vy	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
592	Phạm Văn Tự	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
593	Nguyễn Văn Tuấn	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
594	Nguyễn Văn Tuấn	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.132.000		3.132.000	Chuyển khoản	
595	Ngô Thị Mẫn	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
596	Nguyễn Đức Chinh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.862.000		2.862.000	Chuyển khoản	
597	Vũ Thị Dinh	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
598	Vũ Văn Quỳnh	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	4.827.000		4.827.000	Chuyển khoản	
599	Vũ Văn Ca	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
600	Vũ Văn Ca	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
601	Nguyễn Mạnh Cường	BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	4.622.000		4.622.000	Chuyển khoản	
602	Phạm Hữu Vy	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
603	Vũ Văn Sinh	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
604	Phạm Đức Hà	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
605	Phạm Đức Vượng	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
606	Bùi Thị Lự	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
607	Nguyễn Bá Cư	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%	4.964.000		4.964.000	Chuyển khoản	
608	Vũ Văn Thành	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	1.673.000		1.673.000	Chuyển khoản	
609	Vũ Xuân Báo	BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	2.911.000		2.911.000	Chuyển khoản	
610	Vũ Thị Tìm	Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
611	Đào Anh Thuyền	TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên	9.000.000		9.000.000	Chuyển khoản	
612	Ngô Văn Tiển	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
613	Đoàn Quang Diệu	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.552.000		1.552.000	Chuyển khoản	
614	Vũ Văn Tự	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.878.000		1.878.000	Chuyển khoản	
615	Ngô Văn Chón	Tuất 1 liệt sỹ	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
616	Phạm Huy Liên	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.770.000		2.770.000	Chuyển khoản	
617	Trần Văn Đản	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
618	Trần Văn Đản	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	2.236.000		2.236.000	Chuyển khoản	
619	Phạm Văn Trọng	TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	3.399.000		3.399.000	Chuyển khoản	
620	Nguyễn Hữu Doanh	TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%	1.552.000		1.552.000	Chuyển khoản	
621	Trần Thị Tỉnh	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
622	Vũ Xuân Báo	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	3.542.000		3.542.000	Chuyển khoản	
623	Vũ Thị Tuyết	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
624	Nguyễn Tiến Mải	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
625	Bùi Thị Bí	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
626	Nguyễn Thị Kim	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
627	Bùi Thị Cư	Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	

STT	Họ và tên	Đối tượng	Mức trợ cấp	Truy lĩnh (Nếu có)	Tổng số tiền	Hình thức nhận	Ghi chú
628	Nguyễn Quốc Toản	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%	2.120.000		2.120.000	Chuyển khoản	
629	Vũ Thị Tuyến	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
630	Nguyễn Thị Thành	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
631	Nguyễn Thị Mần	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
632	Đỗ Thị Tính	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	1.565.000		1.565.000	Chuyển khoản	
633	Vương Thị Duệ	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	2.789.000		2.789.000	Chuyển khoản	
	Tổng cộng		**1.931.848.615**		**1.931.848.615**		

Phụ lục II
DANH SÁCH CHI TRẢ TRỢ CẤP XÃ HỘI HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI THÁNG 10/2026

(Kèm theo Thông báo số: 1235 /TB-VHXH ngày 02/10/2026 của Phòng Văn hoá - Xã hội xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1.2	**Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng**				**2.100.000**		**2.100.000**
1	10753116000001	Nguyễn Minh Lâm	17/03/2016	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
2	10756112000001	Nguyễn Quốc Hùng	01/01/2012	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
2.0	**Người từ 16-22 tuổi đang đi học không có nguồn nuôi dưỡng**				**1.050.000**		**1.050.000**
1	10756209000002	Nguyễn Thi Thắm Tươi	04/05/2009	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
4.1	**Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 01 con**				**7.000.000**		**7.000.000**
1	10753280000002	Bùi Thị Hiền	28/08/1980	04 - Thôn Quyết Tâm	700.000		700.000
2	10753282000002	Nguyễn Thị Huyền	01/02/1982	04 - Thôn Quyết Tâm	700.000		700.000
3	10756276000002	Nguyễn Thị Ngân	12/01/1976	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
4	10759284000002	Nguyễn Thị Nết	20/08/1984	06 - Vũ xá	700.000		700.000
5	10759275000003	Phạm Thị Nguyệt	21/01/1975	06 - Vũ xá	700.000		700.000
6	10759283000003	Lương Thị Nguyệt	20/02/1983	06 - Vũ xá	700.000		700.000
7	107632000001	Phạm Thị Sen	16/09/1992	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
8	10753264000004	Bùi Thị Tuyến	01/01/1964	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
9	10759275000002	Nguyễn Thị Bé	30/12/1975	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
10	10759277000001	Hoàng Thị Lan	23/08/1977	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
4.2	**Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 02 con**				**5.600.000**		**5.600.000**
1	10753279000001	Tăng Thị Ngát	01/01/1979	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
2	10753283000004	Bùi Thị Kim Xoa	06/12/1983	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
3	10759279000002	Tạ Thị Nụ	11/06/1979	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
4	10759292000001	Nguyễn Thị Nhương	06/06/1992	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
4.3	**Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 03 con**				**12.600.000**		**12.600.000**
1	10762285000001	Nguyễn Thị Nhung	19/05/1985	03 - Thôn Giữa	2.100.000		2.100.000
2	10756281000005	Nguyễn Thị Tươi	04/08/1981	05 - Thôn Thanh Liên	2.100.000		2.100.000
3	10759288000002	Nguyễn Thị Hường	25/07/1988	06 - Vũ xá	2.100.000		2.100.000
4	10762179000002	Nguyễn Danh Cần	14/10/1979	07 - Thôn Bắc	2.100.000		2.100.000
5	107700000001	Đào Thị Linh	14/10/1990	07 - Thôn Bắc	2.100.000		2.100.000
6	10762184000005	Nguyễn Quang Mạnh	02/09/1984	07 - Thôn Bắc	2.100.000		2.100.000
4.4	**Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 04 con**				**2.800.000**		**2.800.000**
1	107794000001	Trần Thị Vân Anh	03/09/1994	14 - Tuấn Hưng	2.800.000		2.800.000
4.11	**Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con**				**700.000**		**700.000**
1	10762194000001	Nguyễn Văn Ngọc	07/09/1994	03 - Thôn Giữa	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
4.12	**Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con**				**1.400.000**		**1.400.000**
1	10756286000003	Nguyễn Thị Yến	10/05/1986	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
4.13	**Người đơn thân nghèo đang nuôi 03 con**				**2.100.000**		**2.100.000**
1	107791000001	Phạm Thị Oanh	03/12/1991	16 - Việt Hưng	2.100.000		2.100.000
5.3	**(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định**				**830.280.000**	**5.920.000**	**836.200.000**
1	00107620000022	Bùi Bách Ba	01/01/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
2	10753220000002	Bùi Thị Ba	01/01/1920	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
3	10753242000003	Bùi Thị Ba	01/01/1942	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
4	10753244000005	Bùi Thị Bẩy	01/01/1944	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
5	00107630000016	Nguyễn Thị Bé	01/01/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
6	00107630000018	Tăng Thị Bé	24/04/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
7	10753240000008	Bùi Thị Bống	16/08/1940	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
8	00107620000019	Bùi Đỗ Căn	05/02/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
9	10753240000006	Bùi Thị Chốc	01/01/1940	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
10	10753237000006	Bùi Thị Dẻo	05/10/1937	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
11	00107630000024	Bùi Thị Dói	01/01/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
12	00107616000007	Bùi Duy Dưỡng	17/03/1946	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
13	00107630000033	Bùi Thị Đang	02/08/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
14	00107635000004	Bùi Thị Đáng	01/07/1955	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
15	00107627000009	Bùi Thị Đoàn	12/08/1947	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
16	10753226000002	Tăng Thị Được	01/01/1926	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
17	00107628000010	Tăng Thị Ghi	01/01/1948	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
18	00107630000091	Bùi Thị Giáp	26/10/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
19	10753147000001	Bùi Bách Hiển	10/09/1947	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
20	00107616000008	Nguyễn Đức Hồng	12/03/1946	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
21	10753140000003	Nguyễn Văn Huyên	01/01/1940	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
22	00107626000006	Bùi Thị Lê	01/01/1946	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
23	10753240000002	Lê Thị Liêm	01/01/1940	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
24	00107630000014	Bùi Thị Liên	01/01/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
25	10753237000005	Nguyễn Thị Lối	01/09/1937	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
26	00107630000036	Ngô Thị Luân	01/01/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
27	00107631000052	Bùi Thị Lún	20/06/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
28	10753230000004	Bùi Thị Lữ	01/05/1930	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
29	00107631000050	Phạm Thị Lương	24/06/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
30	10753142000001	Bùi Duy Lương	01/01/1942	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
31	00107631000013	Bùi Thị Lựu	01/01/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
32	10753243000001	Bùi Thị Mai	01/03/1943	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
33	10753238000007	Bùi Thị Miến	01/01/1938	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
34	10753229000003	Bùi Thị Mùi	01/01/1929	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
35	00107619000033	Bùi Thế Nam	02/02/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
36	00107626000008	Phạm Thị Nậm	01/01/1946	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
37	00107629000047	Bùi Thị Nở	05/01/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
38	10753238000002	Bùi Thị Nụ	01/01/1938	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
39	00107620000064	Bùi Thị Nga	20/08/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
40	00107627000013	Bùi Thị Nga	05/04/1947	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
41	00107630000011	Bùi Thị Nga	01/01/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
42	00107631000035	Bùi Thị Ngơi	01/01/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
43	00107619000012	Bùi Đăng Nguồn	17/08/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
44	00107626000005	Nguyễn Thị Nhiên	21/09/1946	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
45	00107630000085	Bùi Thị Nhiên	20/08/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
46	00107620000066	Bùi Bách Phan	04/04/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
47	10753236000004	Bùi Thị Phương	01/01/1936	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
48	10753135000001	Nguyễn Đức Quân	04/02/1935	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
49	00107631000029	Tăng Thị Quý	02/02/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
50	107585000001	Bùi Đỗ Quyền	01/01/1945	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
51	10753230000002	Bùi Thị Sáu	01/01/1930	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
52	10753240000007	Bùi Thị Suốt	01/01/1940	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
53	10762198000023	Nguyễn Thị Sử	10/05/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
54	00107629000053	Bùi Thị Sửu	07/09/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
55	10753130000002	Bùi Khắc Tắng	20/05/1930	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
56	10753231000002	Bùi Thị Tẽo	01/01/1931	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
57	10753141000002	Bùi Công Tích	01/01/1941	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
58	00107619000015	Bùi Công Tiền	20/04/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
59	10753140000002	Bùi Duy Tiêu	01/01/1940	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
60	10753138000002	Bùi Công Tính	25/10/1938	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
61	10753235000002	Bùi Thị Tính	01/01/1935	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
62	00107627000007	Bùi Thị Toán	01/01/1947	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
63	00107628000009	Bùi Thị Toát	01/02/1948	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
64	10753130000001	Bùi Đắc Tư	08/07/1930	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
65	00107618000005	Bùi Văn Tự	10/09/1948	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
66	10753235000003	Bùi Thị Tý	01/01/1935	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
67	10753234000002	Bùi Thị Thán	01/01/1934	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
68	10753237000002	Bùi Thị Thanh	01/01/1937	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
69	10762198000021	Bùi Văn Thanh	15/04/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
70	00107629000002	Bùi Thị Thành	03/02/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
71	00107629000004	Bùi Thị Thơ	02/03/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
72	10753140000004	Nguyễn Văn Thú	11/06/1940	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
73	00107630000026	Bùi Thị Thuỷ	01/01/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
74	00107630000078	Tăng Thị Út	01/01/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
75	10753148000001	Bùi Khắc Uyên	24/04/1948	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
76	10753244000006	Bùi Thị Vân	01/01/1944	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
77	10753239000001	Bùi Thị Xen	01/01/1939	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
78	00107615000003	Tăng Tất Yên	04/07/1945	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
79	10762198000015	Nguyễn Thị Bé	02/02/1951	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
80	00107630000106	Nguyễn Thị Bình	06/10/1950	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
81	10768232000007	Vũ Thị Bốn	07/02/1932	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
82	10768130000004	Ngô Văn Chón	15/02/1930	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
83	10768242000013	Nguyễn Thị Chuốt	12/07/1942	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
84	10768240000003	Nguyễn Thị Dấu	01/01/1940	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
85	10768234000007	Vũ Thị Deo	20/10/1934	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
86	10768142000004	Ngô Xuân Diệp	10/05/1942	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
87	10768123000003	Nguyễn Đức Hào	18/02/1943	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
88	00107620000061	Nguyễn Bá Hữu	20/08/1950	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
89	10768237000010	Nguyễn Thị Lanh	01/01/1937	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
90	10768240000002	Hà Thị Liễn	12/11/1940	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
91	00107631000044	Nguyễn Thị Loan	01/01/1951	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
92	10768243000009	Phạm Thị Mão	20/02/1943	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
93	00107628000030	Ninh Thị Mừng	01/01/1948	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
94	10768242000014	Nguyễn Thị Mưu	01/10/1942	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
95	10768135000004	Vũ Văn Nở	04/07/1935	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
96	10768243000013	Vũ Thị Nga	04/07/1943	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
97	00107735000003	Phạm Văn Nghĩa	01/05/1945	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
98	10768127000001	Nguyễn Văn Nguyệt	01/01/1927	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
99	10768230000014	Nguyễn Thị Oanh	01/01/1930	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
100	10768138000007	Nguyễn Tấn Phát	07/07/1938	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
101	10756205100005	Nguyễn Bá San	25/09/1951	02 - Thôn Cam Thượng	740.000	740.000	1.480.000
102	00107631000043	Phạm Thị Sâm	01/04/1951	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
103	10768139000007	Vũ Văn Tập	01/01/1939	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
104	00107630000089	Nguyễn Thị Toan	27/10/1950	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
105	10768237000011	Vũ Thị Thanh	11/06/1937	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
106	10768238000012	Trần Thị Thân	01/01/1938	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
107	10768238000015	Vũ Thị Thìn	17/11/1938	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
108	00107630000054	Nguyễn Thị Thọ	01/01/1950	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
109	00107616000019	Nguyễn Văn Vát	20/12/1946	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
110	00107618000016	Vũ Xuân Vịnh	16/02/1948	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
111	00107619000016	Nguyễn Văn Vớt	26/06/1949	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
112	00107620000072	Nguyễn Xuân Bản	10/10/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
113	00107618000026	Nguyễn Danh Bảng	15/11/1948	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
114	10762238000011	Nguyễn Văn Bảng	12/06/1938	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
115	10762244000003	Nguyễn Thị Bẩy	01/01/1944	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
116	00107631000012	Lương Thị Bôn	01/01/1951	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
117	10762236000005	Nguyễn Thị Bông	01/01/1936	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
118	00107630000062	Vũ Thị Can	01/01/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
119	00107629000044	Dương Thị Chậm	05/08/1949	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
120	10762242000005	Nguyễn Danh Chính	05/12/1942	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
121	00107630000065	Nguyễn Thị Chớ	05/04/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
122	00107616000024	Nguyễn Văn Chử	15/02/1946	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
123	00107630000004	Trần Thị Duyệt	01/01/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
124	10762139000002	Nguyễn Thị Đắc	01/01/1939	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
125	00107630000070	Phí Thị Đấu	01/01/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
126	10762135000002	Nguyễn Danh Đẩy	01/01/1936	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
127	10762242000004	Trần Công Đê	01/01/1942	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
128	00107630000071	Nguyễn Thị Điệu	01/01/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
129	00107634000012	Nguyễn Thị Điệu	05/06/1954	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
130	10762238000004	Nguyễn Danh Đoan	01/01/1938	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
131	10762243000005	Nguyễn Thị Gái	01/01/1943	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
132	10762130000002	Nguyễn Danh Hiếu	01/01/1930	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
133	10762235000003	Nguyễn Thị Kẽ	02/05/1936	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
134	00107627000028	Lương Thị Kỉnh	01/01/1947	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
135	10756205100001	Nguyễn Quý Khác	22/09/1951	03 - Thôn Giữa	740.000	740.000	1.480.000
136	10762136000003	Nguyễn Thị Khanh	01/01/1936	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
137	00107630000006	Nguyễn Thị Khương	01/01/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
138	10762240000004	Nguyễn Danh Lam	01/01/1940	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
139	00107619000007	Nguyễn Văn Lập	03/03/1949	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
140	00107620000050	Nguyễn Văn Luận	25/05/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
141	10762198000010	Nguyễn Danh Moon	02/02/1951	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
142	10762238000012	Nguyễn Văn Năm	01/08/1938	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
143	00107626000030	Nguyễn Thị Phú	03/02/1946	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
144	00107616000005	Nguyễn Thị Rúc	03/07/1946	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
145	10762198000014	Nguyễn Văn Soạn	08/03/1951	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
146	00107615000009	Trần Công Tạc	15/09/1945	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
147	00107620000049	Trần Công Tiến	28/05/1950	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
148	10762241000008	Nguyễn Văn Tu	01/08/1941	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
149	00107615000008	Lương Đình Tuyên	20/08/1945	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
150	00107631000036	Trần Thị Tư	01/01/1951	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
151	10762232000004	Nguyễn Thị Tý	01/01/1932	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
152	107625000001	Vũ Thị Thái	21/06/1945	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
153	10762141000005	Nguyễn Quý Thạnh	08/10/1941	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
154	10762239000002	Nguyễn Văn Thấy	01/01/1939	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
155	00107629000035	Nguyễn Thị Thoa	20/08/1949	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
156	00107631000045	Nguyễn Thị Thụ	02/05/1951	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
157	00107628000002	Nguyễn Thị Thường	13/04/1948	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
158	00107616000002	Nguyễn Danh Trịnh	01/01/1946	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
159	00107619000031	Nguyễn Danh Vào	01/01/1949	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
160	10762239000003	Nguyễn Thị Vì	01/01/1939	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
161	10762233000008	Nguyễn Danh Vinh	12/04/1933	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
162	10753244000003	Bùi Thị Bé	01/01/1944	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
163	00107629000003	Bùi Thị Bình	15/08/1949	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
164	00107616000013	Nguyễn Hữu Bùng	01/01/1946	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
165	10753238000005	Bùi Thị Đang	01/01/1938	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
166	00107620000012	Bùi Duy Điêm	01/01/1950	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
167	10753231000004	Bùi Thị Hảo	01/01/1931	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
168	00107627000010	Bùi Thị Hiền	12/01/1947	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
169	10753228000004	Bùi Thị Hoãn	01/01/1928	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
170	00107620000011	Bùi Đỗ Hoành	02/05/1950	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
171	00107626000016	Bùi Thị Hợi	01/01/1946	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
172	00107626000011	Bùi Thị Lan	01/01/1946	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
173	10753143000002	Bùi Hữu Liết	07/03/1943	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
174	00107630000100	Tăng Thị Mai	21/12/1950	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
175	00107628000008	Bùi Thị Nội	22/07/1948	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
176	00107628000017	Lê Thị Ngăn	02/08/1948	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
177	00107618000006	Bùi Văn Nguyệt	01/04/1948	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
178	00107626000012	Bùi Thị Như	01/01/1946	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
179	10753141000004	Bùi Duy Phan	01/01/1941	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
180	00107630000022	Bùi Thị Phương	03/03/1950	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
181	10753239000004	Bùi Thị Quất	25/07/1939	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
182	00107626000014	Bùi Hữu Sành	20/08/1946	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
183	10753232000001	Bùi Thị Tám	01/05/1932	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
184	00107629000010	Nguyễn Thị Tẹo	15/10/1949	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
185	00107627000011	Bùi Thị Tốn	20/12/1947	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
186	10753231000003	Bùi Thị Tý	01/01/1931	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
187	00107629000009	Bùi Thị Thiết	01/01/1949	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
188	00107616000009	Bùi Bách Thơn	05/10/1946	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
189	00107630000017	Phạm Thị Thuy	01/01/1950	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
190	10753242000002	Tăng Thị Uân	01/01/1942	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
191	10753240000004	Bùi Thị Vân	01/01/1940	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
192	00107631000032	Nguyễn Thị Bắc	07/01/1951	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
193	10756132000001	Nguyễn Ngọc Bích	06/05/1932	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
194	10756236000005	Nguyễn Thị Bích	10/10/1936	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
195	00107630000090	Phạm Thị Canh	20/10/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
196	10756238000005	Trần Thị Cốc	08/02/1938	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
197	10756234000005	Nguyễn Thị Cúc	01/05/1934	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
198	10756243000003	Phạm Thị Cúc	06/05/1943	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
199	00107628000014	Tạ Thị Cươm	06/06/1948	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
200	10756141000003	Nguyễn Đình Chản	01/01/1941	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
201	10756143000001	Nguyễn Quang Chiến	19/05/1943	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
202	00107620000077	Trần Văn Chồi	23/11/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
203	10756130000004	Nguyễn Đức Điệp	20/02/1930	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
204	00107630000013	Nguyễn Thị Đông	17/07/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
205	10756236000003	Nguyễn Thị Đúng	03/03/1936	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
206	00107619000014	Nguyễn Minh Đư	08/06/1949	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
207	00107629000050	Nguyễn Thị Hải	12/06/1949	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
208	00107618000013	Nguyễn Đức Hiền	25/03/1948	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
209	00107620000055	Nguyễn Đức Khang	21/04/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
210	00107618000009	Nguyễn Xuân Khích	20/06/1948	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
211	00107616000027	Lê Thị La	01/02/1946	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
212	10756138000003	Nguyễn Mạnh Liêm	04/07/1938	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
213	10756240000011	Lê Thị Mẽ	16/08/1940	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
214	00107630000031	Lê Thị Nâng	20/01/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
215	10756243000002	Trần Thị Nụ	20/02/1943	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
216	10756233000002	Nguyễn Thị Nghì	05/10/1933	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
217	00107629000055	Phạm Thi Nghĩa	23/08/1949	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
218	00107630000021	Trần Thị Ngợi	12/06/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
219	10756240000013	Nguyễn Thị Nguộn	20/08/1940	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
220	00107627000015	Nguyễn Thị Nguyên	20/10/1947	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
221	00107631000028	Bùi Thị Nhã	01/01/1951	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
222	10756240000006	Nguyễn Thị Phiêm	06/02/1942	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
223	00107595000005	Nguyễn Thị Phiên	27/05/1945	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
224	10756244000004	Tô Thị Phương	25/05/1944	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
225	10756145000001	Trịnh Hồng Quang	12/12/1945	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
226	00107619000009	Mạc Văn Sập	01/01/1949	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
227	10756242000004	Bùi Thị Sửu	12/10/1942	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
228	00107625000007	Nguyễn Thị Tèo	25/08/1945	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
229	00107630000092	Bùi Thị Tính	07/10/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
230	10762198000035	Nguyễn Đức Tỵ	11/07/1951	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
231	00107616000014	Nguyễn Hồng Thanh	06/03/1946	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
232	00107626000029	Lương Thị Thanh	11/02/1946	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
233	10756140000002	Trần Huy Thanh	01/02/1940	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
234	00107630000012	Vũ Thị Thành	02/06/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
235	00107630000079	Nguyễn Thị Then	06/04/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
236	00107620000069	Trần Văn Thìn	09/09/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
237	10756230000012	Bùi Thị Thuấn	15/01/1930	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
238	10756142000003	Trần Trọng Thủy	09/12/1942	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
239	10756234000003	Nguyễn Thị Thường	15/01/1934	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
240	00107618000007	Nguyễn Thế Trình	28/12/1948	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
241	10756232000005	Nguyễn Thị Ứng	16/07/1932	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
242	00107630000020	Vũ Thị Vân	02/02/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
243	00107617000011	Lê Hồng Viễn	08/04/1947	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
244	00107628000013	Đinh Thị Xoa	20/04/1948	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
245	00107630000035	Tăng Thị Xuyên	01/01/1950	05 - Thôn Thanh Liên	740.000		740.000
246	10762198000033	Bùi Trọng Ảnh	01/08/1951	06 - Vũ xá	740.000		740.000
247	10759239000003	Lê Thị Bích	01/01/1939	06 - Vũ xá	740.000		740.000
248	10759240000004	Nguyễn Thị Bối	25/01/1940	06 - Vũ xá	740.000		740.000
249	00107617000034	Lương Văn Cần	01/01/1947	06 - Vũ xá	740.000		740.000
250	00107631000059	Nguyễn Thị Cói	21/07/1951	06 - Vũ xá	740.000		740.000
251	00107626000027	Vũ Thị Cư	01/01/1946	06 - Vũ xá	740.000		740.000
252	00107627000033	Vũ Thị Châm	10/08/1947	06 - Vũ xá	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
253	10759137000002	Phạm Văn Đẳng	01/01/1937	06 - Vũ xá	740.000		740.000
254	00107626000028	Đặng Thị Gái	17/05/1946	06 - Vũ xá	740.000		740.000
255	10759235000003	Nguyễn Thị Gắng	01/01/1935	06 - Vũ xá	740.000		740.000
256	10759242000001	Nguyễn Thị Giai	01/01/1942	06 - Vũ xá	740.000		740.000
257	00107620000042	Lương Hùng Giới	26/03/1950	06 - Vũ xá	740.000		740.000
258	00107631000011	Nguyễn Thị Giữa	01/01/1951	06 - Vũ xá	740.000		740.000
259	10759240000006	Dương Thị Huyền	20/08/1940	06 - Vũ xá	740.000		740.000
260	00107619000028	Vũ Đình Keo	15/02/1949	06 - Vũ xá	740.000		740.000
261	10759143000001	Lê Văn Lạc	01/01/1943	06 - Vũ xá	740.000		740.000
262	10759237000006	Phạm Thị Liệc	19/11/1937	06 - Vũ xá	740.000		740.000
263	00107628000037	Nguyễn Thị Liên	01/12/1948	06 - Vũ xá	740.000		740.000
264	10759238000006	Vũ Thị Lý	04/06/1938	06 - Vũ xá	740.000		740.000
265	00107617000028	Đặng Thị May	10/10/1937	06 - Vũ xá	740.000		740.000
266	10759232000004	Nguyễn Thị My	06/04/1932	06 - Vũ xá	740.000		740.000
267	00107630000076	Nguyễn Thị Nga	10/06/1950	06 - Vũ xá	740.000		740.000
268	00107630000103	Đặng Thị Nga	01/01/1950	06 - Vũ xá	740.000		740.000
269	10759239000007	Nguyễn Thị Ngàn	06/09/1939	06 - Vũ xá	740.000		740.000
270	10759225000002	Đặng Thị Nghịn	16/04/1925	06 - Vũ xá	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
271	00107655000002	Nguyễn Thị Nguyệt	30/04/1945	06 - Vũ xá	740.000		740.000
272	00107630000068	Bùi Thị Ngừng	06/03/1950	06 - Vũ xá	740.000		740.000
273	10756205100003	Bùi Thị Nhâm	24/09/1951	06 - Vũ xá	740.000	740.000	1.480.000
274	10759229000002	Đặng Thị Như	01/01/1929	06 - Vũ xá	740.000		740.000
275	10759144000004	Nguyễn Hữu Phác	12/07/1944	06 - Vũ xá	740.000		740.000
276	00107630000066	Trần Thị Phen	02/02/1950	06 - Vũ xá	740.000		740.000
277	10759240000005	Nguyễn Thị Phụng	01/01/1940	06 - Vũ xá	740.000		740.000
278	10759125000001	Đặng Văn Sự	23/07/1925	06 - Vũ xá	740.000		740.000
279	10759238000008	Phạm Thị Tâm	22/06/1938	06 - Vũ xá	740.000		740.000
280	00107630000073	Nguyễn Thị Tân	01/01/1950	06 - Vũ xá	740.000		740.000
281	00107616000021	Lê Anh Toàn	16/10/1946	06 - Vũ xá	740.000		740.000
282	10759228000003	Phạm Thị Tòng	30/05/1928	06 - Vũ xá	740.000		740.000
283	00107627000031	Nguyễn Thị Thái	19/05/1947	06 - Vũ xá	740.000		740.000
284	00107629000041	Nguyễn Thị Tho	08/03/1949	06 - Vũ xá	740.000		740.000
285	10762198000022	Hoàng Vũ Tho	15/04/1951	06 - Vũ xá	740.000		740.000
286	00107630000069	Nguyễn Thị Thơ	20/02/1950	06 - Vũ xá	740.000		740.000
287	10759234000001	Trần Thị Trà	01/01/1934	06 - Vũ xá	740.000		740.000
288	00107620000051	Lê Văn Trần	02/08/1950	06 - Vũ xá	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
289	10759137000004	Đặng Văn Viên	20/07/1937	06 - Vũ xá	740.000		740.000
290	10759230000010	Nguyễn Thị Viễn	13/04/1933	06 - Vũ xá	740.000		740.000
291	00107618000029	Nguyễn Khắc Vũ	14/01/1948	06 - Vũ xá	740.000		740.000
292	00107615000012	Đặng Cao Xô	15/09/1945	06 - Vũ xá	740.000		740.000
293	00107630000002	Nguyễn Thị Ba	01/01/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
294	10762238000010	Đặng Thị Ba	01/01/1938	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
295	10762237000005	Nguyễn Thị Bạo	01/01/1937	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
296	10762233000002	Nguyễn Thị Bé	01/01/1933	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
297	00107631000006	Nguyễn Danh Boong	01/01/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
298	00107629000040	Nguyễn Thị Can	01/01/1949	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
299	00107615000007	Nguyễn Quý Cường	18/09/1945	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
300	10762241000004	Đào Văn Chạc	01/01/1941	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
301	10762133000004	Đào Thị Chỉ	01/01/1933	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
302	00107620000003	Nguyễn Quang Chinh	06/04/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
303	10762244000004	Nguyễn Thị Chinh	01/01/1944	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
304	00107627000032	Nguyễn Thị Chịt	18/06/1947	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
305	10762138000001	Nguyễn Thị Chuột	01/01/1938	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
306	00107628000045	Nguyễn Thị Dạch	01/01/1948	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
307	10762237000003	Nguyễn Thị Dầu	01/01/1937	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
308	00107626000023	Nguyễn Thị Diềm	01/01/1946	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
309	10762198000028	Nguyễn Khắc Dũng	24/05/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
310	10762141000002	Ngô Văn Đơ	01/01/1941	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
311	00107630000074	Vũ Thị Đơn	01/01/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
312	00107620000056	Nguyễn Khắc Được	13/08/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
313	10762244000002	Trần Thị Gạch	01/01/1944	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
314	10762244000008	Nguyễn Thị Gái	01/01/1944	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
315	00107630000077	Đoàn Thị Hà	22/05/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
316	10762231000001	Nguyễn Thị Hằng	01/01/1930	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
317	00107628000036	Vũ Thị Hân	01/01/1948	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
318	107630000001	Nguyễn Khắc Hân	30/04/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
319	00107620000046	Nguyễn Quý Hiến	07/08/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
320	00107618000030	Lương Đình Hính	01/01/1948	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
321	107618000001	Nguyễn Khắc Hoạch	01/01/1948	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
322	00107631000008	Nguyễn Thị Hoài	01/01/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
323	10762243000006	Vũ Thị Hoan	20/07/1943	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
324	10762143000004	Nguyễn Quý Hưng	11/10/1943	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
325	107655000001	Nguyễn Thị Hường	01/01/1945	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
326	10762140000004	Nguyễn Ngọc Khởi	15/05/1940	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
327	10762139000003	Nguyễn Thị Lan	30/09/1939	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
328	10762132000002	Nguyễn Thị Lận	01/01/1932	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
329	10762220000001	Nguyễn Thị Liệng	01/01/1925	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
330	00107620000007	Nguyễn Văn Liệu	16/01/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
331	00107631000003	Nguyễn Thị Lồng	01/01/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
332	10762142000004	Ninh Thị Luy	01/01/1942	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
333	00107630000003	Nguyễn Thị Mai	01/01/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
334	10762241000005	Đặng Thị Miền	01/01/1941	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
335	10762141000004	Nguyễn Thị Mọc	19/10/1941	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
336	10762244000005	Phạm Thị Mong	01/01/1944	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
337	10762235000004	Nguyễn Thị Mơ	01/01/1935	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
338	10762238000006	Đào Thị Mơ	01/01/1938	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
339	10762198000019	Nguyễn Thị Mùa	01/01/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
340	10762237000007	Nguyễn Thị My	10/07/1937	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
341	00107629000043	Nguyễn Thị Mỳ	01/01/1949	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
342	10762229000001	Nguyễn Thị Mỵ	01/01/1929	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
343	00107626000003	Nguyễn Thị Năm	01/01/1946	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
344	00107620000005	Nguyễn Thị Niềm	01/01/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
345	10762238000008	Nguyễn Thị Nở	01/01/1938	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
346	10762238000013	Đặng Thị Nở	19/09/1938	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
347	00107630000059	Lê Thị Nữ	24/06/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
348	10762234000004	Nguyễn Thị Nga	01/01/1936	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
349	00107617000030	Nguyễn Quý Ngân	07/03/1947	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
350	00107619000002	Hoàng Trọng Ngân	21/09/1949	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
351	00107631000038	Nguyễn Thị Ngân	05/02/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
352	00107620000008	Nguyễn Đình Nghe	07/05/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
353	10762238000007	Nguyễn Thị Ngợi	01/01/1938	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
354	10762232000008	Nguyễn Thị Nhần	01/01/1936	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
355	10762144000004	Trần Công Nhị	14/04/1944	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
356	107644000001	Đặng Văn Nhút	05/12/1944	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
357	10762233000006	Đặng Thị Oanh	01/01/1935	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
358	00107618000004	Nguyễn Quý Phanh	01/01/1948	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
359	10762239000005	Nguyễn Danh Phận	10/11/1939	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
360	00107618000003	Nguyễn Quý Phênh	01/01/1948	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
361	00107619000027	Nguyễn Khắc Quỹ	22/09/1949	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
362	10762134000002	Nguyễn Khắc Quý	01/01/1934	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
363	10762234000003	Nguyễn Thế Quỳnh	01/01/1934	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
364	00107617000002	Nguyễn Văn Rềnh	01/01/1947	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
365	00107631000009	Nguyễn Thị Sáo	10/01/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
366	10762249000001	Nguyễn Thị Sẻn	12/05/1949	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
367	10762133000003	Nguyễn Khắc Sửu	01/01/1933	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
368	10762143000002	Nguyễn Quý Tản	01/01/1943	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
369	00107619000030	Đặng Đình Toàn	08/03/1949	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
370	107628000001	Vũ Thị Tùy	01/01/1948	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
371	00107629000034	Nguyễn Thị Tuyết	20/05/1949	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
372	00107616000003	Nguyễn Công Tư	10/01/1946	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
373	10762227000001	Nguyễn Thị Tưởng	01/01/1927	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
374	10762233000005	Nguyễn Thị Tý	01/01/1933	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
375	00107631000007	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
376	00107626000002	Nguyễn Thị Thi	01/01/1946	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
377	00107627000025	Nguyễn Thị Thuấn	01/10/1947	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
378	10762198000009	Nguyễn Văn Thuấn	01/01/1951	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
379	00107620000006	Nguyễn Thị Thủy	01/01/1950	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
380	10762144000002	Đặng Văn Thực	01/01/1944	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
381	00107619000005	Nguyễn Khắc Vang	01/01/1949	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
382	10762233000001	Nguyễn Quang Vận	01/01/1933	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
383	00107627000005	Nguyễn Thị Vụt	01/01/1947	07 - Thôn Bắc	740.000		740.000
384	00107620000071	Nguyễn Danh Ba	10/10/1950	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
385	10762138000002	Nguyễn Thị Bao	25/06/1938	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
386	10762236000003	Nguyễn Thị Bày	01/01/1936	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
387	10762241000006	Đào Thị Bung	01/01/1942	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
388	10762138000003	Dương Thị Bứa	12/08/1938	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
389	00107631000040	Nguyễn Thị Cắc	20/03/1951	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
390	10762198000011	Nguyễn Văn Cương	02/03/1951	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
391	10762235000005	Nguyễn Thị Cháy	01/01/1935	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
392	10762198000006	Phạm Khắc Chinh	01/01/1951	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
393	10762143000003	Nguyễn Hữu Chuyền	01/01/1943	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
394	00107620000004	Nguyễn Văn Chuyển	01/01/1950	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
395	00107617000005	Nguyễn Văn Doanh	14/07/1947	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
396	10762242000001	Nguyễn Thị Doanh	01/01/1942	08 - Thôn Đông	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
397	10762230000003	Dương Thị Dung	01/01/1930	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
398	10762233000004	Nguyễn Thị Đẩy	01/01/1933	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
399	10762142000001	Nguyễn Thị Đích	01/01/1942	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
400	00107630000061	Nguyễn Thị Đua	01/01/1950	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
401	00107617000025	Nguyễn Danh Đức	01/01/1947	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
402	10762244000007	Nguyễn Thị Êm	01/01/1944	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
403	00107630000005	Trần Thị Gái	01/01/1950	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
404	10762225000002	Nguyễn Thị Gái	01/01/1925	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
405	10762227000005	Nguyễn Thị Gái	01/01/1929	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
406	10762240000006	Vũ Thị Hải	06/10/1940	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
407	00107619000004	Nguyễn Thị Hồng	10/06/1949	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
408	10762132000001	Nguyễn Thị Kim	01/01/1932	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
409	10762141000001	Bùi Thị Khánh	01/01/1941	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
410	10762236000002	Dương Thị Lọc	01/01/1936	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
411	00107631000061	Trịnh Thị Mai	18/08/1951	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
412	107616000001	Nguyễn Thị Mận	20/01/1946	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
413	00107616000004	Vũ Đình Minh	05/10/1946	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
414	10762242000002	Bùi Thị Minh	01/01/1942	08 - Thôn Đông	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
415	10762238000003	Lương Thị Mít	01/01/1938	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
416	107674000001	Tăng Thị Non	25/10/1944	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
417	00107617000023	Nguyễn Danh Nụ	15/01/1947	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
418	00107630000007	Nguyễn Thị Nụ	01/01/1950	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
419	10762240000009	Nguyễn Thị Nga	01/01/1940	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
420	00107626000025	Nguyễn Thị Nghĩ	03/03/1946	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
421	00107626000024	Nguyễn Thị Nhài	10/10/1946	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
422	10762139000001	Nguyễn Thị Nhạn	01/01/1939	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
423	00107645000007	Đặng Văn Nho	20/04/1945	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
424	10762232000003	Nguyễn Thị Nhỡ	01/01/1933	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
425	10762240000003	Trần Thị Nhỡ	01/01/1940	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
426	10762244000006	Nguyễn Thị Nhỡ	01/01/1944	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
427	10762240000012	Nguyễn Thị Nhời	02/03/1940	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
428	10762231000002	Nguyễn Thị Nhớn	01/01/1931	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
429	00107630000008	Phạm Thị Nhường	01/01/1950	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
430	00107619000008	Nguyễn Danh Quế	01/01/1949	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
431	00107631000010	Nguyễn Thị Rà	01/01/1951	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
432	10762141000003	Nguyễn Thị Rà	01/01/1941	08 - Thôn Đông	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
433	00107631000057	Nguyễn Thị Rích	10/07/1951	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
434	00107629000048	Nguyễn Thị Rỉnh	23/12/1949	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
435	00107617000006	Nguyễn Hữu Rợi	08/03/1947	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
436	00107645000002	Nguyễn Ngọc Sáng	01/01/1945	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
437	10762140000002	Nguyễn Thị Sáu	01/01/1940	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
438	00107633000006	Dương Thị So	20/08/1953	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
439	00107620000009	Nguyễn Hữu Sơn	01/01/1950	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
440	10762242000006	Nguyễn Thị Sơn	24/08/1942	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
441	10762237000006	Trần Công Tản	15/07/1937	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
442	00107620000080	Vũ Bá Tiến	08/10/1950	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
443	10762232000001	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1932	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
444	10762239000004	Dương Danh Thanh	01/01/1939	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
445	10762241000007	Bùi Thị Thảo	01/01/1941	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
446	10762142000002	Dương Danh Thau	01/01/1942	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
447	10762241000009	Nguyễn Danh Thèo	20/11/1941	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
448	10762242000003	Tạ Thị Thiêm	01/01/1942	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
449	00107618000031	Nguyễn Hữu Thoại	01/01/1948	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
450	10762142000003	Nguyễn Hữu Thông	01/01/1942	08 - Thôn Đông	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
451	10762130000001	Nguyễn Thị Thơi	01/01/1932	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
452	00107619000006	Vũ Đình Thường	25/02/1949	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
453	00107646000002	Trần Công Trấn	20/11/1946	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
454	10762136000005	Trần Công Trượng	01/01/1936	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
455	00107616000022	Trần Công Ý	01/01/1946	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
456	10756230000008	Bùi Thị Ảnh	08/10/1932	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
457	00107631000051	Đào Thị Bé	10/06/1951	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
458	10756234000002	Phạm Thị Bé	01/01/1934	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
459	10756242000005	Nguyễn Thị Bé	10/10/1942	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
460	10756247000001	Đào Thị Bùi	01/01/1947	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
461	00107620000023	Bùi Quang Cao	01/01/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
462	10756231000001	Bùi Thị Cất	18/02/1931	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
463	00107617000009	Đào Viết Chi	01/02/1947	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
464	107589000001	Trịnh Thị Diệp	24/04/1949	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
465	00107629000008	Bùi Thị Duyên	08/10/1949	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
466	00107620000021	Đào Quang Đại	28/07/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
467	10756239000004	Nguyễn Thị Đến	10/04/1939	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
468	10756240000014	Bùi Thị Định	25/08/1940	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
469	10756230000007	Bùi Thị Hà	01/01/1930	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
470	00107616000011	Bùi Quang Hạ	17/02/1946	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
471	00107620000015	Nguyễn Văn Hào	12/02/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
472	10762198000013	Trịnh Thị Hiền	04/02/1951	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
473	10756144000001	Bùi Quang Huỳ	06/02/1944	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
474	10756242000002	Lê Thị Khân	01/01/1942	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
475	10756241000004	Bùi Thị Khê	01/01/1941	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
476	10756130000003	Đào Quang Khuông	07/06/1930	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
477	10756232000006	Trịnh Thị Lán	01/01/1932	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
478	10756228000004	Vũ Thị Lịch	01/01/1928	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
479	00107625000004	Nguyễn Thị Linh	25/12/1945	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
480	00107618000011	Bùi Quang Lộng	20/02/1948	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
481	10756243000004	Nguyễn Thị Lụa	25/08/1943	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
482	10756139000003	Đào Quang Nên	10/12/1939	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
483	00107628000007	Bùi Thị Nga	24/05/1948	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
484	00107631000058	Đinh Thị Nga	16/07/1951	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
485	10756241000003	Bùi Thị Nha	01/01/1941	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
486	10756233000005	Đào Thị Nhàn	10/05/1933	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
487	00107629000007	Phạm Thị Nháng	09/10/1949	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
488	10756237000001	Nguyễn Thị Nhâm	18/06/1937	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
489	10756240000009	Bùi Thị Nhâm	25/04/1940	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
490	00107629000011	Bùi Thị Nhẩm	09/09/1949	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
491	10756236000004	Đào Thị Nhiễu	19/10/1936	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
492	00107616000010	Nguyễn Văn Phan	10/12/1946	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
493	10756133000005	Bùi Quang Phức	12/10/1933	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
494	10756242000003	Đào Thị Phương	01/01/1942	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
495	10756230000011	Nguyễn Thị Sẻ	01/01/1930	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
496	10756231000003	Bùi Thị Tần	25/06/1931	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
497	10756228000002	Bùi Thị Tấn	01/01/1928	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
498	00107629000049	Nguyễn Thị Tèo	05/10/1949	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
499	00107618000010	Bùi Quang Tế	10/01/1948	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
500	10756139000002	Đào Quang Tuân	18/12/1939	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
501	00107620000076	Bùi Ngọc Túc	02/10/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
502	00107627000012	Nguyễn Thị Tuyên	21/10/1947	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
503	00107625000006	Vũ Thị Tuyến	02/04/1945	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
504	00107631000039	Trịnh Thị Thao	01/01/1951	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
505	00107620000079	Vũ Văn Thăng	01/12/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
506	00107620000013	Ngô Đức Thịnh	02/07/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
507	00107620000020	Đào Quang Thịnh	12/04/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
508	00107628000043	Bùi Thị Thọ	04/11/1948	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
509	00107630000101	Vũ Thị Thơ	28/12/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
510	00107629000012	Phạm Thị Thủy	07/01/1949	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
511	00107628000012	Nguyễn Thị Thuyên	25/01/1948	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
512	10756238000006	Bùi Thị Thưa	04/09/1938	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
513	10756232000002	Nguyễn Thị Vây	01/01/1932	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
514	10756237000002	Bùi Thị Vệt	08/05/1937	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
515	00107630000025	Nguyễn Thị Viển	20/01/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
516	10762198000029	Nguyễn Thị Vinh	02/04/1951	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
517	00107627000014	Nguyễn Thị Vở	20/12/1947	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
518	10756138000001	Nguyễn Đức Xuân	01/01/1938	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
519	00107620000014	Bùi Hữu Bê	01/05/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
520	10753242000006	Bùi Thị Bình	15/12/1942	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
521	00107620000024	Bùi Công Cấp	24/04/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
522	10756205100000	Bùi Bá Chèng	13/09/1951	10 - Thôn Minh Thành	740.000	740.000	1.480.000
523	10753240000003	Lê Thị Chiêm	22/01/1940	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
524	10753142000003	Bùi Huy Chúc	19/07/1942	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
525	10753141000003	Bùi Khắc Chung	01/01/1941	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
526	00107630000010	Bùi Thị Doãn	01/05/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
527	00107616000006	Bùi Khắc Dũng	05/05/1946	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
528	00107627000038	Bùi Thị Duyên	02/01/1947	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
529	00107595000004	Nguyễn Thị Đào	12/05/1945	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
530	00107620000067	Bùi Duy Đích	09/09/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
531	10753140000001	Bùi Bá Điểm	01/01/1940	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
532	10753232000003	Bùi Thị Điểm	01/02/1932	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
533	00107630000009	Đặng Thị Giản	01/01/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
534	00107617000007	Nguyễn Thanh Hiên	25/06/1947	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
535	10753238000004	Bùi Thị Hìu	01/01/1938	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
536	00107631000063	Lê Thị Hoa	20/08/1951	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
537	10753234000003	Bùi Thị Hồ	01/01/1934	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
538	10753238000006	Bùi Thị Hồng	05/01/1938	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
539	00107628000006	Lê Thị Hợi	10/02/1948	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
540	00107620000054	Bùi Duy Hùng	01/04/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
541	00107620000026	Bùi Quang Huy	16/03/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
542	00107626000007	Tăng Thị Kiến	01/10/1946	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
543	00107618000008	Nguyễn Đức Khôi	01/10/1948	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
544	10753239000003	Bùi Thị Lê	02/03/1939	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
545	00107628000047	Bùi Thị Lưu	07/05/1948	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
546	10756212600000	Nguyễn Thị Mùi	20/09/1951	10 - Thôn Minh Thành	740.000	740.000	1.480.000
547	00107626000015	Bùi Thị Na	29/04/1946	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
548	00107627000008	Bùi Thị Năm	01/03/1947	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
549	10753243000004	Tăng Thị Nga	20/04/1943	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
550	00107617000035	Bùi Thị Ngoãn	01/08/1947	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
551	10753131000001	Tăng Tất Nhân	03/03/1931	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
552	10753141000001	Tăng Tự Nhẫn	01/01/1941	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
553	10753239000002	Bùi Thị Nhẫn	21/01/1939	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
554	00107620000065	Bùi Thị Nhi	13/02/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
555	00107628000005	Tăng Thị Phòng	01/10/1948	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
556	00107630000027	Lê Thị Quế	25/01/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
557	00107630000019	Bùi Thị Quý	01/01/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
558	00107627000006	Bùi Thị Sang	08/05/1947	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
559	00107616000028	Bùi Đăng Sự	20/02/1946	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
560	10753237000003	Lưu Thị Sự	01/06/1937	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
561	00107630000088	Bùi Thị Tơ	20/08/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
562	10753143000003	Bùi Duy Tư	02/09/1943	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
563	10753223000001	Bùi Thị Tý	01/01/1923	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
564	10753138000001	Bùi Văn Thanh	01/06/1938	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
565	00107618000014	Nguyễn Văn Thảo	19/04/1948	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
566	00107630000015	Bùi Thị Thấm	14/02/1950	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
567	10753244000004	Bùi Thị Thêu	01/01/1944	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
568	10756205100008	Tăng Văn Thịnh	02/10/1951	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
569	10753241000007	Bùi Thị Thục	01/01/1941	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
570	10753241000006	Lê Thị Yến	07/01/1941	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
571	10756239000005	Đỗ Thị An	02/03/1939	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
572	10756141000004	Đỗ Văn Bảo	01/01/1941	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
573	10756229000001	Bùi Thị Bé	01/10/1929	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
574	00107627000035	Bùi Thị Bí	01/01/1947	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
575	00107620000016	Nguyễn Văn Chấn	19/05/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
576	00107620000025	Nguyễn Văn Chiên	01/01/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
577	01076144000002	Nguyễn Thị Chiết	10/10/1944	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
578	00107629000014	Bùi Thị Chiều	06/06/1949	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
579	00107617000008	Lê Đình Chuẩn	21/05/1947	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
580	00107619000010	Đoàn Hữu Dãi	01/01/1949	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
581	00107630000030	Đoàn Thị Dự	01/01/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
582	00107617000010	Nguyễn Đức Dương	14/09/1947	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
583	00107617000012	Nguyễn Văn Đài	20/04/1947	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
584	10756205100006	Nguyễn Đức Đẩy	27/09/1951	11 - Thôn Tường vu	740.000	740.000	1.480.000
585	00107620000073	Đoàn Hữu Đính	05/10/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
586	10756136000002	Phan Đình Đông	01/01/1936	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
587	10756142000001	Đoàn Hữu Đông	01/01/1942	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
588	00107618000034	Bùi Thị Đủ	20/08/1948	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
589	00107619000011	Đoàn Hữu Gọn	20/10/1949	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
590	00107629000006	Tạ Thị Hanh	02/04/1949	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
591	00107619000013	Đoàn Hữu Hiến	01/01/1949	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
592	00107625000005	Bùi Thị Hường	10/10/1945	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
593	10756230000003	Nguyễn Thị Hữu	01/01/1930	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
594	10756230000005	Đỗ Thị Kề	05/10/1930	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
595	10756137000001	Nguyễn Văn Khiếu	01/01/1937	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
596	00107620000074	Nguyễn Văn Khương	14/10/1950	Tường Vu	740.000		740.000
597	00107629000056	Nguyễn Thị Làn	06/02/1949	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
598	00107630000028	Nguyễn Thị Lâm	13/06/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
599	00107615000002	Hoàng Giang Long	01/08/1945	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
600	00107620000017	Nguyễn Văn Luân	05/02/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
601	00107628000016	Nguyễn Thị Màn	01/11/1948	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
602	00107626000009	Nguyễn Thị Mận	24/02/1946	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
603	107595000001	Nguyễn Thị Nụ	01/01/1945	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
604	00107631000041	Bùi Thị Nghề	01/01/1951	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
605	10756239000002	Đỗ Thị Ngoi	01/10/1939	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
606	10762198000024	Phạm Thị Nguyện	05/05/1951	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
607	00107620000078	Nguyễn Thị Ngừng	20/10/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
608	00107626000032	Nguyễn Thị Nhã	22/04/1946	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
609	00107630000029	Vũ Thị Nhài	20/08/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
610	10756241000002	Nguyễn Thị Nhỡ	02/03/1941	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
611	10756127000001	Đoàn Hữu Nhuỵ	03/03/1927	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
612	10756231000004	Đoàn Thị Phơ	01/01/1931	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
613	00107626000013	Bùi Thị Quý	26/03/1946	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
614	00107628000011	Đào Thị Rậy	10/07/1948	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
615	10756239000003	Đoàn Thị Riếp	15/03/1939	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
616	10756138000004	Nguyễn Văn Tân	01/01/1938	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
617	00107629000013	Nguyễn Thị Tích	24/02/1949	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
618	00107616000012	Nguyễn Văn Tường	03/03/1946	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
619	00107630000032	Nguyễn Thị Thảo	15/08/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
620	00107630000034	Đào Thị Thắm	04/05/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
621	00107628000015	Đoàn Thị Thoa	12/08/1948	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
622	00107631000042	Nguyễn Thị Thơm	01/01/1951	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
623	10756240000010	Lê Thị Thuyên	10/08/1940	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
624	00107630000023	Nguyễn Thị Vãnh	01/01/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
625	00107615000011	Đoàn Hữu Vẻ	02/09/1945	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
626	00107630000080	Nguyễn Thị Viễn	10/05/1950	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
627	00107626000010	Đoàn Thị Vĩnh	10/07/1946	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
628	10756234000004	Nguyễn Thị Xa	03/02/1934	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
629	10756244000005	Đỗ Thị Xin	08/08/1944	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
630	10756144000002	Kiều Doãn Xoan	10/03/1944	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
631	10768140000004	Vũ Xuân Đáng	12/01/1940	12 - Vang Phan	740.000		740.000
632	10768132000004	Bùi Văn Đặng	26/08/1932	12 - Vang Phan	740.000		740.000
633	10768237000002	Lê Thị Đê	01/01/1937	12 - Vang Phan	740.000		740.000
634	10768240000008	Lê Thị Đôi	01/01/1940	12 - Vang Phan	740.000		740.000
635	00107630000050	Nguyễn Thị Hà	01/01/1950	12 - Vang Phan	740.000		740.000
636	10768230000007	Nguyễn Thị Hạnh	10/02/1930	12 - Vang Phan	740.000		740.000
637	10768242000012	Nguyễn Thị Hiên	26/06/1942	12 - Vang Phan	740.000		740.000
638	00107620000068	Phạm Thị Hìu	16/10/1950	12 - Vang Phan	740.000		740.000
639	00107745000003	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1945	12 - Vang Phan	740.000		740.000
640	00107628000020	Phạm Thị Lan	10/10/1948	12 - Vang Phan	740.000		740.000
641	10768235000005	Nguyễn Thị Lưu	01/01/1935	12 - Vang Phan	740.000		740.000
642	00107630000045	Bùi Thị Lý	01/01/1950	12 - Vang Phan	740.000		740.000
643	00107629000022	Quán Thị Mai	01/01/1949	12 - Vang Phan	740.000		740.000
644	10768241000007	Phạm Thị Mai	24/07/1941	12 - Vang Phan	740.000		740.000
645	10768250000002	Phạm Thị Mơ	20/04/1950	12 - Vang Phan	740.000		740.000
646	10768232000006	Nguyễn Thị Mùa	01/01/1932	12 - Vang Phan	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
647	10768225000002	Phạm Thị Mỹ	01/01/1925	12 - Vang Phan	740.000		740.000
648	107735000001	Phạm Văn Nuôi	22/02/1945	12 - Vang Phan	740.000		740.000
649	10768233000003	Trần Thị Nga	25/12/1933	12 - Vang Phan	740.000		740.000
650	00107630000041	Bùi Thị Ngà	01/04/1950	12 - Vang Phan	740.000		740.000
651	10768132000003	Phạm Hữu Ngoan	01/01/1932	12 - Vang Phan	740.000		740.000
652	00107631000053	Nguyễn Thị Phận	12/04/1951	12 - Vang Phan	740.000		740.000
653	10768235000008	Nguyễn Thị Phô	01/01/1935	12 - Vang Phan	740.000		740.000
654	00107619000018	Nguyễn Ngọc Sừ	25/05/1949	12 - Vang Phan	740.000		740.000
655	00107631000024	Nguyễn Thị Tách	01/01/1951	12 - Vang Phan	740.000		740.000
656	10768236000002	Phạm Thị Tèo	01/01/1936	12 - Vang Phan	740.000		740.000
657	00107630000047	Phạm Thị Tẹo	13/02/1950	12 - Vang Phan	740.000		740.000
658	107629000001	Nguyễn Thị Tể	01/01/1949	12 - Vang Phan	740.000		740.000
659	00107620000053	Nguyễn Ngọc Tuy	10/08/1950	12 - Vang Phan	740.000		740.000
660	00107618000017	Phạm Văn Tự	19/05/1948	12 - Vang Phan	740.000		740.000
661	00107628000034	Nguyễn Thị Thêm	01/01/1948	12 - Vang Phan	740.000		740.000
662	00107628000025	Phạm Thị Thu	20/10/1948	12 - Vang Phan	740.000		740.000
663	10768137000004	Phạm Văn Trọng	01/01/1937	12 - Vang Phan	740.000		740.000
664	10768134000004	Phạm Văn Vi	01/01/1934	12 - Vang Phan	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
665	00107631000019	Phùng Thị Viển	01/01/1951	12 - Vang Phan	740.000		740.000
666	10768244000005	Tiêu Thị Vin	01/01/1944	12 - Vang Phan	740.000		740.000
667	00107619000024	Nguyễn Hồng Bạch	01/01/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
668	10768236000005	Nguyễn Thị Bay	01/01/1936	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
669	00107620000029	Nguyễn Văn Bẩy	01/01/1950	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
670	10768144000001	Nguyễn Xuân Bẩy	01/01/1944	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
671	00107616000015	Trần Văn Bích	20/08/1946	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
672	00107618000018	Vũ Văn Ca	25/10/1948	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
673	00107616000020	Trần Công Cuối	02/07/1946	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
674	10768235000003	Nguyễn Thị Cư	01/01/1935	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
675	10768141000002	Nguyễn Văn Chỉ	01/01/1941	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
676	10768239000004	Võ Thị Chiệc	01/01/1939	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
677	00107630000046	Dương Thị Chung	01/01/1950	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
678	10768229000008	Phạm Thị Chuồn	01/01/1929	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
679	00107629000033	Phạm Thị Chương	01/01/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
680	00107630000057	Lê Thị Chường	01/01/1950	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
681	00107630000056	Phạm Thị Dẻo	01/01/1950	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
682	00107619000017	Nguyễn Trọng Hiệp	21/10/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
683	10762198000012	Võ Văn Hiệu	01/01/1951	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
684	00107630000039	Nguyễn Thị Hoài	01/01/1950	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
685	00107631000023	Phạm Thị Huệ	01/01/1951	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
686	10768133000001	Nguyễn Văn Keo	01/01/1933	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
687	10768222000001	Nguyễn Thị Kề	01/01/1922	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
688	00107630000043	Nguyễn Thị Kim	20/06/1950	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
689	00107629000017	Võ Thị Kỷ	19/09/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
690	10768130000003	Nguyễn Văn Khoáy	01/01/1930	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
691	10768242000005	Nguyễn Thị Khóe	12/02/1942	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
692	00107619000022	Nguyễn Văn Khương	01/01/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
693	00107631000015	Nguyễn Thị Là	01/01/1951	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
694	10768142000005	Nguyễn Văn Liệu	12/12/1942	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
695	10768043000001	Đoàn Văn Lĩnh	20/02/1943	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
696	10768239000005	Tạ Thị Lươm	01/01/1939	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
697	00107628000042	Nguyễn Thị Lý	01/01/1948	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
698	00107628000022	Nguyễn Thị Man	05/10/1948	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
699	10768239000012	Trần Thị Miến	01/01/1939	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
700	10768239000011	Lê Thị Mĩnh	01/01/1939	13 - Xuân Mang	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
701	00107620000070	Nguyễn Hữu Mười	24/10/1950	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
702	00107629000018	Nguyễn Thị Ngà	01/01/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
703	10768228000004	Trần Thị Ngang	01/01/1928	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
704	10768240000007	Nguyễn Thị Nghĩa	01/01/1940	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
705	00107618000021	Nguyễn Văn Ngư	01/01/1948	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
706	10768237000005	Nguyễn Thị Nhần	01/01/1937	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
707	00107626000021	Phạm Thị Nhỡ	01/01/1946	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
708	00107628000018	Nguyễn Thị Nhỡ	01/01/1948	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
709	00107628000033	Trần Thị Oanh	01/01/1948	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
710	00107629000052	Nguyễn Thị Phên	01/01/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
711	00107628000028	Vũ Thị Ran	01/01/1948	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
712	00107631000025	Nguyễn Thị Rộ	01/01/1951	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
713	10768239000006	Nguyễn Thị Sen	01/01/1939	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
714	10768140000007	Trần Văn Sích	01/03/1940	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
715	00107617000016	Vũ Văn Sức	01/01/1947	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
716	10762198000007	Nguyễn Văn Tình	01/01/1951	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
717	00107617000020	Nguyễn Văn Tính	01/01/1947	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
718	10768235000009	Nguyễn Thị Thành	01/01/1935	13 - Xuân Mang	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
719	00107745000004	Nguyễn Thị Thuỷ	01/01/1945	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
720	00107628000023	Phạm Thị Thủy	12/08/1948	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
721	10768244000008	Nguyễn Thị Thúy	01/01/1944	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
722	00107619000020	Nguyễn Văn Trường	01/01/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
723	10768243000004	Võ Thị Út	01/01/1943	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
724	00107631000020	Lê Thị Uyến	01/01/1951	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
725	10768240000016	Võ Thị Ví	01/01/1940	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
726	10768244000013	Nguyễn Quang Vinh	01/01/1944	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
727	10768233000002	Nguyễn Thị Vót	01/01/1933	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
728	00107629000021	Nguyễn Thị Xuyền	01/01/1949	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
729	10768244000012	Nguyễn Thị Yến	01/01/1944	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
730	10768244000011	Phạm Thị Ân	01/01/1944	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
731	00107631000014	Nguyễn Thị Các	01/01/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
732	00107630000055	Phạm Thị Cài	17/03/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
733	10768237000003	Nguyễn Thị Căn	01/01/1937	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
734	00107629000029	Phạm Thị Cúc	01/01/1949	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
735	00107629000026	Nguyễn Thị Chài	01/01/1949	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
736	00107631000018	Phạm Thị Chắt	01/01/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
737	00107628000027	Phạm Thị Chiến	01/01/1948	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
738	10768240000011	Phạm Thị Chiều	01/01/1940	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
739	00107619000023	Ninh Văn De	01/01/1949	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
740	00107620000039	Lê Văn Dục	13/06/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
741	00107630000049	Ninh Thị Dung	01/01/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
742	00107631000060	Lê Thị Dung	20/08/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
743	10768141000003	Phạm Văn Duyến	01/01/1941	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
744	00107620000038	Phạm Hữu Duyệt	01/01/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
745	00107620000031	Nguyễn Mai Dương	10/05/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
746	10768238000009	Vũ Thị Đăng	08/03/1938	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
747	10768239000010	Ninh Thị Đăng	01/01/1939	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
748	00107620000052	Ninh Văn Được	19/08/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
749	00107631000054	Hoàng Thị Gái	12/06/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
750	00107629000031	Phạm Thị Hải	10/03/1949	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
751	00107630000044	Phạm Thị Hải	01/01/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
752	00107627000024	Nguyễn Thị Hào	16/07/1947	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
753	00107629000054	Phạm Thị Hiên	01/01/1949	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
754	10768141000005	Ninh Văn Hoan	01/01/1941	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
755	10768130000002	Vũ Văn Hội	20/10/1930	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
756	00107620000062	Vũ Văn Hùng	21/06/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
757	10768238000008	Trần Thị Kẹo	01/04/1938	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
758	10768243000003	Nguyễn Thị Kết	01/01/1943	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
759	10768235000004	Trần Thị Kính	01/01/1935	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
760	00107615000006	Nguyễn Đình Khang	11/10/1945	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
761	00107629000057	Phạm Thị Khê	01/01/1949	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
762	00107620000075	Phạm Văn Khiển	20/12/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
763	00107616000016	Phạm Văn Lai	01/01/1946	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
764	00107617000017	Phạm Văn Lãi	02/03/1947	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
765	00107631000022	Nguyễn Thị Lan	01/01/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
766	10768244000010	Tiêu Thị Làn	01/01/1944	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
767	00107631000062	Nguyễn Thị Lánh	20/08/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
768	00107626000018	Phạm Thị Liệu	01/01/1946	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
769	00107630000084	Võ Thị Loan	01/01/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
770	10762198000034	Nguyễn Văn Lộng	06/08/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
771	00107627000023	Lê Thị Lụa	01/01/1947	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
772	10756205100004	Phạm Văn Lư	25/09/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000	740.000	1.480.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
773	00107620000036	Phạm Xuân Lựu	01/01/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
774	00107630000051	Lưu Thị Ly	12/06/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
775	10768232000005	Vũ Thị Lý	01/01/1932	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
776	10768227000002	Hoàng Thị Mão	01/01/1927	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
777	10768242000008	Phạm Thị My	01/01/1942	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
778	10768242000011	Vũ Thị Nền	07/03/1942	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
779	00107626000020	Ninh Thị Nết	01/01/1946	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
780	00107630000053	Nguyễn Thị Nụ	01/01/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
781	00107620000058	Vũ Văn Núi	11/08/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
782	10762198000032	Vũ Văn Ngãi	15/07/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
783	00107630000097	Phạm Thị Ngó	24/12/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
784	10768236000003	Phạm Thị Ngũ	01/01/1936	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
785	10768240000019	Nguyễn Thị Nhâm	08/10/1940	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
786	10768241000002	Trần Thị Nhỏm	01/01/1941	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
787	00107620000040	Vũ Văn Nhỡ	03/02/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
788	10768140000003	Vũ Văn Nhự	01/01/1940	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
789	10768226000002	Nguyễn Thị Nhứng	15/06/1926	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
790	00107628000048	Phạm Thị Phi	04/03/1948	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
791	00107620000032	Vũ Văn Quỹ	01/01/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
792	10768244000007	Nguyễn Thị Sản	01/01/1944	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
793	00107620000034	Lê Văn Sang	01/01/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
794	10768241000003	Dương Thị Sáu	10/01/1941	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
795	10768230000005	Bùi Thị Song	16/06/1930	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
796	00107620000041	Ninh Văn Tạ	14/05/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
797	10762198000036	Phạm Văn Tánh	20/05/1951	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
798	10768240000017	Nguyễn Thị Tánh	16/06/1940	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
799	10768241000005	Lê Thị Tề	01/01/1941	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
800	10768144000004	Phạm Văn Tuất	05/05/1944	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
801	00107617000013	Phạm Văn Tý	01/01/1947	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
802	10768141000004	Phạm Văn Thải	01/01/1941	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
803	00107629000019	Nguyễn Thị Thái	19/11/1949	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
804	10768238000006	Nguyễn Thị Thao	01/01/1938	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
805	10768240000009	Ninh Thị Thất	01/01/1940	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
806	00107630000086	Nguyễn Thị Thoan	15/09/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
807	10768239000007	Nguyễn Thị Thu	01/01/1939	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
808	10768132000005	Vũ Văn Thuật	28/08/1932	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
809	00107630000052	Lê Thị Thư	08/02/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
810	10768137000002	Lê Văn Trung	01/01/1937	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
811	00107617000022	Vũ Văn Vĩnh	09/08/1947	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
812	00107620000030	Vũ Văn Vịnh	12/02/1950	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
813	00107629000020	Nguyễn Thị Yến	01/01/1949	14 - Tuấn Hưng	740.000		740.000
814	00107620000063	Hoàng Văn Ái	19/09/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
815	00107626000019	Nguyễn Thị Bé	01/01/1946	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
816	10768140000005	Phạm Văn Bé	01/01/1940	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
817	00107615000005	Nguyễn Đình Cam	20/07/1945	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
818	00107616000017	Vũ Văn Cần	05/01/1946	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
819	10768134000001	Nguyễn Ngọc Cây	20/03/1934	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
820	00107630000048	Phạm Thị Cúc	01/01/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
821	00107617000019	Nguyễn Văn Chau	10/10/1947	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
822	10768138000005	Nguyễn Văn Chiếng	01/01/1938	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
823	00107605000003	Nguyễn Thị Chiều	27/09/1946	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
824	00107629000023	Phạm Thị Đào	01/01/1949	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
825	10768237000004	Phạm Thị Đương	01/01/1937	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
826	10768228000002	Nguyễn Thị Gái	01/01/1928	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
827	10768240000015	Phạm Thị Ghém	01/01/1940	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
828	00107619000021	Nguyễn Văn Hải	16/02/1949	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
829	00107620000037	Nguyễn Văn Hải	26/03/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
830	10768140000006	Đỗ Văn Hàm	01/01/1940	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
831	10768230000010	Cao Thị Hoa	01/01/1930	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
832	10768236000007	Phạm Thị Hồng	01/05/1937	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
833	00107628000029	Nguyễn Thị Huê	01/01/1948	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
834	00107630000040	Phạm Thị Huyền	01/01/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
835	00107618000023	Hà Văn Kiền	01/10/1948	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
836	10768128000001	Nguyễn Văn Kính	01/01/1928	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
837	10768242000004	Lê Thị Khoa	01/01/1942	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
838	10768236000006	Nguyễn Thị Lấng	20/08/1936	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
839	00107628000032	Phạm Thị Liên	26/08/1948	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
840	10768144000005	Nguyễn Văn Liệng	02/06/1944	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
841	10768136000001	Nguyễn Văn Lĩnh	19/06/1936	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
842	10768238000007	Nguyễn Thị Loát	01/01/1938	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
843	10768239000009	Phạm Thị Mai	01/01/1939	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
844	10768239000008	Nguyễn Thị Năm	01/01/1939	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
845	00107631000021	Lê Thị Nết	01/01/1951	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
846	10768242000009	Nguyễn Thị Nụ	01/01/1942	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
847	10768243000014	Nguyễn Thị Ngát	12/10/1943	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
848	10768138000006	Phạm Đức Nhiêm	01/01/1938	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
849	10768240000014	Nguyễn Thị Nho	02/08/1940	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
850	10768228000001	Phạm Thị Nhớn	03/07/1928	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
851	10768237000008	Trần Thị Nhớn	02/10/1937	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
852	10768243000015	Nguyễn Thị Nhuệ	18/12/1943	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
853	00107627000020	Đỗ Thị Nhung	03/10/1947	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
854	00107618000022	Lưu Đức Phạm	14/12/1948	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
855	00107630000102	Phạm Thị Phúc	15/12/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
856	00107630000083	Nguyễn Thị Sen	16/08/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
857	00107627000021	Vũ Thị Tám	10/08/1947	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
858	10768239000014	Lê Thị Tân	07/05/1939	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
859	10768230000012	Nguyễn Thị Tẹo	01/01/1930	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
860	10768143000001	Đỗ Văn Tiệm	22/07/1943	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
861	10768139000002	Nguyễn Sỹ Toàn	01/01/1939	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
862	107745000001	Nguyễn Thị Tơ	01/01/1945	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
863	10768144000006	Nguyễn Đức Tuân	01/08/1944	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
864	10768139000003	Vũ Văn Tự	06/02/1939	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
865	00107620000028	Đỗ Văn Ty	04/02/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
866	10768135000003	Đỗ Văn Tý	01/01/1935	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
867	10768234000002	Tiêu Thị Tý	09/09/1934	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
868	00107629000024	Nguyễn Thị Thật	20/03/1949	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
869	00107628000021	Nguyễn Thị Tho	18/08/1948	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
870	10768131000002	Đỗ Văn Thỏa	19/03/1931	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
871	10768139000006	Phạm Đức Thọa	20/11/1939	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
872	00107631000030	Phạm Thị Thu	04/02/1951	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
873	00107629000032	Đặng Thị Thuân	04/05/1949	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
874	10768234000006	Nguyễn Thị Thường	01/01/1934	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
875	00107620000033	Nguyễn Đức Trinh	01/01/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
876	00107616000018	Nghiêm Đức Trọng	01/01/1946	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
877	10762198000008	Nguyễn Đức Trường	15/01/1951	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
878	00107630000037	Nguyễn Thị Vân	01/01/1950	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
879	00107631000017	Nguyễn Thị Vấn	01/01/1951	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
880	10768135000001	Nguyễn Văn Viên	20/10/1935	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
881	10768144000003	Phùng Văn Vinh	01/01/1944	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
882	10768230000011	Vũ Thị Xa	01/01/1930	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
883	00107617000021	Nguyễn Tiến Ái	10/02/1947	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
884	10768244000016	Nguyễn Thị Ái	05/08/1944	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
885	10768229000009	Tạ Thị Ba	01/01/1929	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
886	10768234000008	Vũ Thị Bẩy	01/01/1934	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
887	00107631000049	Nguyễn Thị Bốn	25/06/1951	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
888	00107631000027	Phạm Thị Bột	20/01/1951	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
889	00107630000038	Đinh Thị Cánh	12/04/1950	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
890	00107626000033	Phạm Thị Chiếm	10/12/1946	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
891	00107628000019	Phạm Thị Chiêu	01/01/1948	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
892	10768139000005	Ngô Gia Chiểu	18/06/1939	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
893	00107619000019	Đào Quang Chỉnh	15/07/1949	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
894	10768244000014	Phạm Thị Chua	15/06/1944	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
895	00107629000027	Bùi Thị Chuội	15/09/1949	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
896	00107617000014	Đào Xuân Diệu	12/04/1947	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
897	10768241000008	Trịnh Thị Duệ	01/05/1941	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
898	10768227000003	Nguyễn Thị Duyện	01/01/1927	16 - Việt Hưng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
899	00107617000003	Vũ Văn Dư	01/01/1947	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
900	00107618000020	Ngô Hải Đăng	20/06/1948	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
901	10768244000015	Nguyễn Thị Gọt	18/06/1944	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
902	00107627000019	Lê Thị Hoa	15/04/1947	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
903	10768244000009	Vũ Thị Hoan	01/01/1944	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
904	10768239000015	Nguyễn Thị Hoãn	01/01/1939	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
905	10768200000003	Nguyễn Thị Hơn	28/02/1937	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
906	00107620000035	Nguyễn Văn Hùng	01/07/1950	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
907	10768239000019	Vũ Thị Hữu	01/01/1939	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
908	10768243000010	Ngô Thị Khang	10/04/1943	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
909	10768242000007	Vũ Thị Khiên	01/01/1942	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
910	10768235000010	Nguyễn Thị Khoai	12/08/1935	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
911	10768243000005	Nguyễn Thị Khoai	01/01/1943	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
912	00107631000056	Phạm Thị Lá	09/05/1951	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
913	10768243000011	Bùi Thị Len	16/05/1943	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
914	00107628000024	Trịnh Thị Liên	19/05/1948	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
915	10768238000014	Vũ Thị Liên	12/06/1938	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
916	00107627000018	Nguyễn Thị Lữu	20/03/1947	16 - Việt Hưng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
917	00107618000015	Phạm Văn Mạc	14/07/1948	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
918	10768230000013	Nguyễn Thị Mặc	13/05/1930	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
919	10768139000004	Vũ Văn Miễn	01/01/1939	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
920	10768244000006	Trần Thị Năm	01/01/1944	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
921	10768042000001	Bùi Thị Nự	03/10/1942	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
922	10768242000006	Thân Thị Nghiêm	01/01/1942	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
923	00107629000028	Lại Thị Ngùng	10/07/1949	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
924	00107629000016	Vũ Thị Nhàng	01/01/1949	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
925	00107631000026	Phạm Thị Nhấn	12/01/1951	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
926	10768238000013	Trần Thị Nhật	17/02/1938	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
927	00107630000094	Nguyễn Thị Nhỡ	10/07/1950	Cam Đông	740.000		740.000
928	00107745000002	Nguyễn Thị Nhớn	01/01/1945	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
929	10768239000020	Nguyễn Thị Phương	10/03/1939	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
930	00107629000015	Phạm Thị Phượng	01/01/1949	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
931	10768243000012	Nguyễn Thị Sai	13/04/1943	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
932	00107626000017	Trịnh Thị Sen	01/01/1946	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
933	10768241000001	Vũ Thị Soạn	01/01/1941	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
934	00107627000016	Đỗ Thị Sy	01/01/1947	16 - Việt Hưng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
935	10768240000004	Nguyễn Thị Tám	01/01/1940	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
936	10768144000002	Vũ Thị Tầm	01/01/1944	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
937	00107630000042	Ninh Thị Tân	27/07/1950	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
938	10768243000006	Vũ Thị Tất	01/01/1943	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
939	10768236000010	Phạm Thị Tấu	02/03/1936	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
940	00107631000031	Vũ Thị Tìm	28/01/1951	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
941	00107628000026	Nguyễn Thị Tỉnh	18/04/1948	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
942	00107631000016	Nguyễn Thị Tuân	01/01/1951	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
943	00107628000031	Nguyễn Thị Thẹ	02/01/1948	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
944	10768233000004	Phạm Thị Thêm	01/01/1933	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
945	10762198000016	Phạm Thị Thóc	02/03/1951	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
946	10768137000005	Phạm Văn Thu	01/01/1937	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
947	10768243000007	Vũ Thị Thu	01/01/1943	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
948	00107735000002	Đào Anh Thuyền	19/05/1945	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
949	10768240000018	Vũ Thị Thứ	08/09/1940	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
950	00107620000060	Trần Thị Trong	03/08/1950	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
951	00107615000004	Nguyễn Văn Uyên	01/07/1945	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
952	00107617000015	Vũ Văn Vụ	10/10/1947	16 - Việt Hưng	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
953	00107616000026	Trần Văn Xiêm	10/10/1946	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
954	00107631000046	Hoàng Thị Xoan	07/05/1951	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
955	00107626000022	Phạm Thị Xuân	01/01/1946	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
956	00107617000018	Vũ Văn Xuyến	14/02/1947	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
957	00107628000035	Nguyễn Thị Ám	15/03/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
958	00107629000046	Trần Thị Ảnh	05/05/1949	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
959	00107618000025	Tạ Văn Bàm	01/01/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
960	00107624000007	Trần Thị Bảng	02/11/1944	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
961	00107595000009	Tạ Văn Bầm	01/11/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
962	10759237000005	Tô Thị Bé	10/09/1937	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
963	00107620000048	Nguyễn Đăng Bê	09/04/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
964	10759231000004	Nguyễn Thị Bi	23/04/1931	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
965	10759133000003	Tạ Văn Bôn	02/01/1933	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
966	00107631000055	Hoàng Thị Cang	06/07/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
967	00107617000004	Nguyễn Hữu Cấm	10/10/1947	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
968	10762198000017	Vũ Thị Coi	01/01/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
969	00107619000025	Tạ Văn Chẫm	04/02/1949	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
970	10759227000002	Nguyễn Thị Chấp	01/01/1927	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
971	00107627000026	Hoàng Thị Chồi	01/01/1947	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
972	00107627000027	Tạ Thị Chờ	02/05/1947	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
973	10759235000004	Nguyễn Thị Chúng	01/01/1935	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
974	00107630000064	Vũ Thị Diêm	12/05/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
975	00107620000010	Nguyễn Hữu Động	10/01/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
976	10759230000006	Phạm Thị Gái	02/03/1930	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
977	00107628000044	Nguyễn Thị Gọi	01/01/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
978	00107618000033	Nguyễn Hữu Giá	04/05/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
979	10759244000008	Nguyễn Thị Hằng	10/08/1944	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
980	00107628000040	Nguyễn Thị Hiền	22/02/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
981	00107629000042	Nguyễn Thị Hò	01/01/1949	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
982	00107631000048	Trần Thị Hương	10/06/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
983	10759238000007	Trần Thị Hưởng	02/06/1938	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
984	10759137000001	Tạ Văn Ích	01/01/1937	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
985	00107619000026	Tạ Đình Khang	12/07/1949	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
986	00107630000075	Nguyễn Thị Khanh	24/02/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
987	10759239000005	Phạm Thị Khép	01/01/1939	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
988	10759236000001	Phạm Thị Khíp	01/01/1936	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
989	10759230000004	Nguyễn Thị Lãm	09/08/1930	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
990	00107628000004	Nguyễn Thị Lan	12/10/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
991	10759243000002	Lê Thị Lành	08/08/1943	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
992	10759138000003	Tạ Văn Lâm	22/02/1938	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
993	00107629000045	Bùi Thị Lê	01/02/1949	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
994	10759133000004	Bùi Công Lịch	04/05/1933	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
995	00107627000004	Nguyễn Thị Liên	01/01/1947	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
996	10759156000003	Nguyễn Đình Liên	01/01/1956	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
997	10759222000002	Nguyễn Thị Liu	10/04/1922	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
998	10759238000003	Nguyễn Thị Loan	05/01/1938	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
999	10759233000002	Tạ Thị Lùn	30/12/1933	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1000	00107626000004	Nguyễn Thị Mai	12/12/1946	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1001	00107627000030	Nguyễn Thị Minh	26/02/1947	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1002	10759142000002	Nguyễn Huy Minh	03/12/1942	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1003	107619000001	Nguyễn Tiến Minh	25/12/1949	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1004	10762198000026	Nguyễn Thị Mít	22/05/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1005	10759232000005	Nguyễn Thị Mũn	13/07/1932	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1006	00107645000006	Nguyễn Thị Nông	20/05/1945	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1007	00107627000002	Phan Thị Ngà	10/12/1947	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1008	107627000001	Nguyễn Thị Nghi	01/01/1947	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1009	00107630000072	Nguyễn Thị Nghiên	22/02/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1010	00107631000034	Tạ Thị Ngút	12/02/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1011	10759239000008	Nguyễn Thị Nguyên	20/11/1939	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1012	00107628000046	Nguyễn Thị Nguyệt	05/10/1948	Thượng Đỗ 2	740.000		740.000
1013	10756205100002	Hoàng Thị Nguyệt	20/09/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000	740.000	1.480.000
1014	10759235000006	Tô Thị Nhành	11/01/1935	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1015	00107629000037	Hoàng Thị Nhắc	10/09/1949	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1016	10759229000001	Hoàng Thị Nhô	20/08/1929	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1017	10759239000006	Nguyễn Thị Nhớn	05/06/1939	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1018	10759238000009	Trịnh Thị Nhượng	03/07/1938	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1019	00107645000004	Vũ Thị Oanh	01/01/1945	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1020	00107628000041	Nguyễn Thị Phái	17/04/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1021	10759234000003	Tạ Thị Phái	25/09/1934	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1022	00107618000035	Bùi Thị Phàm	15/02/1938	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1023	10759237000002	Nguyễn Thị Phúc	10/07/1937	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1024	10759236000002	Nguyễn Thị Rắc	14/01/1936	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1025	10759239000009	Trần Thị Rinh	25/12/1939	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1026	00107618000028	Tạ Văn Sang	05/11/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1027	10759144000005	Nguyễn Hữu Sàng	14/08/1944	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1028	00107630000087	Tạ Thị Sen	19/09/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1029	00107618000027	Hoàng Vũ Sơn	10/01/1948	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1030	10759132000002	Hoàng Vũ Sự	05/04/1932	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1031	10759230000007	Lê Thị Sỹ	01/08/1935	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1032	00107627000034	Nguyễn Thị Tâm	01/01/1947	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1033	10759220000001	Trần Thị Tân	25/08/1920	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1034	10759138000006	Tạ Minh Tiến	12/08/1938	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1035	00107616000023	Nguyễn Hữu Tỉnh	20/10/1946	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1036	10759237000001	Tạ Thị Tỏ	15/03/1937	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1037	10759143000002	Hoàng Vũ Toán	14/05/1943	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1038	10759140000004	Nguyễn Quang Tuấn	08/11/1940	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1039	00107631000064	Nguyễn Thị Tuyến	10/01/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1040	00107631000037	Trần Thị Tuyết	16/02/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1041	10759232000003	Tô Thị Tý	01/01/1932	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1042	00107626000026	Nguyễn Thị Thách	15/08/1946	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1043	00107631000033	Tạ Thị Thanh	10/02/1951	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1044	10759130000002	Nguyễn Hữu Thành	05/01/1930	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1045	00107627000036	Nguyễn Thị Thi	20/06/1947	Thượng Đỗ 2	740.000		740.000
1046	00107629000036	Tô Thị Thủy	20/02/1949	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1047	00107630000067	Nguyễn Thị Thủy	01/07/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1048	10759244000005	Nguyễn Thị Trát	01/01/1944	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1049	10759137000003	Nguyễn Quý Triệu	01/01/1937	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1050	10759133000005	Nguyễn Đình Vạn	10/04/1933	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1051	10759239000010	Nguyễn Thị Vi	31/12/1939	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1052	10759238000010	Nguyễn Thị Vĩnh	20/12/1938	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1053	10759241000005	Nguyễn Thị Vui	20/05/1941	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1054	10759230000003	Nguyễn Thị Vước	10/01/1930	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1055	00107626000031	Nguyễn Thị Xoan	01/01/1946	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1056	10759241000004	Bùi Thị Y	02/03/1941	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
1057	00107618000024	Trương Xuân Bách	03/08/1948	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1058	00107620000057	Nguyễn Thị Bé	10/08/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1059	10759134000001	Nguyễn Văn Biết	15/02/1933	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1060	00107619000003	Nguyễn Quang Bui	30/12/1949	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1061	10759244000006	Ninh Thị Chinh	19/04/1944	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1062	00107631000004	Bùi Thị Dân	01/01/1951	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1063	10759130000003	Nguyễn Đình Dòn	22/10/1930	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1064	00107630000093	Phạm Thị Dung	21/10/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1065	00107630000107	Phạm Thị Dung	01/01/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1066	00107628000039	Nguyễn Thị Đào	29/12/1948	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1067	00107617000032	Bùi Xuân Định	10/04/1947	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1068	10759240000008	Phạm Thị Én	31/12/1940	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1069	00107630000104	Đặng Thị Hạnh	07/12/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1070	00107631000047	Phạm Thị Hạnh	24/05/1951	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1071	00107615000010	Trần Quang Hạp	14/06/1945	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1072	10762198000018	Trần Thành Hội	26/02/1951	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1073	00107620000044	Trần Mạnh Hưởng	08/04/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1074	00107627000029	Nguyễn Thị Hướng	10/10/1947	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1075	10759241000007	Hoàng Thị Hy	06/05/1941	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1076	1076144000001	Nguyễn Thị Kẹo	12/09/1944	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1077	00107630000063	Nguyễn Thị Kim	01/01/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1078	00107619000034	Nguyễn Văn Khoái	10/10/1949	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1079	10759136000005	Trần Văn Khoái	13/09/1936	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1080	10762198000020	Phạm Thị Khuyên	21/03/1951	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1081	00107645000005	Trần Văn Lạc	18/03/1945	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1082	10759140000003	Nguyễn Văn Lâm	20/08/1940	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1083	10759231000001	Nguyễn Thị Lịch	19/03/1931	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1084	00107630000099	Trịnh Thị Liễu	30/11/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1085	10759238000004	Nguyễn Thị Lộc	14/05/1938	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1086	10759238000005	Trần Thị Lùn	01/01/1938	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1087	10759236000004	Nguyễn Thị Lữu	16/08/1936	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1088	10759149000001	Nguyễn Đình Lý	10/09/1949	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1089	00107630000105	Bùi Thị Năm	06/12/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1090	00107618000002	Nguyễn Văn Ninh	23/10/1948	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1091	10759240000003	Bùi Thị Nịnh	01/01/1940	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1092	00107629000039	Nguyễn Thị Nở	10/07/1949	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1093	00107629000038	Bùi Thị Ngoạt	20/06/1949	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1094	00107628000003	Phạm Thị Nhiễu	18/07/1948	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1095	10759237000007	Lê Thị Phò	01/01/1937	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1096	10759241000006	Lê Thị Phú	01/01/1941	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1097	10762198000025	Nguyễn Văn Quý	01/05/1951	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1098	10759234000004	Nguyễn Thị Rung	24/11/1934	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1099	10759235000007	Phạm Thị Sen	29/10/1935	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1100	10759128000001	Phạm Văn Sọi	01/01/1928	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1101	00107630000081	Nguyễn Thị Son	02/05/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1102	00107628000038	Nguyễn Thị Suốt	01/01/1948	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1103	10759136000003	Nguyễn Văn Sự	25/01/1936	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1104	10759144000003	Nguyễn Văn Sự	20/05/1944	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1105	00107620000043	Lưu Văn Tách	03/02/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1106	10759243000003	Trần Thị Tỉu	08/10/1943	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1107	10759239000004	Bùi Thị Toan	01/01/1939	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1108	00107617000027	Bùi Văn Tổng	08/04/1947	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1109	00107618000032	Nguyễn Hoài Tuấn	22/12/1948	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1110	00107619000029	Nguyễn Văn Túc	01/01/1949	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1111	10759138000004	Nguyễn Văn Tuế	15/05/1938	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1112	107626000001	Vũ Thị Tuyên	11/09/1946	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1113	00107620000047	Nguyễn Văn Tự	05/08/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1114	00107620000045	Nguyễn Văn Ty	26/04/1950	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1115	00107627000003	Nguyễn Thị Tý	05/05/1947	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1116	10759141000003	Bùi Văn Thân	01/01/1941	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1117	00107617000029	Nguyễn Văn Thìn	25/09/1947	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1118	10759141000002	Hoàng Đình Thịnh	28/02/1941	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1119	10759248000002	Nguyễn Thị Thuyết	01/01/1948	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1120	00107617000031	Nguyễn Văn Vân	01/06/1947	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1121	10759233000001	Hoàng Thị Vi	10/06/1933	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
1122	10759244000004	Hoàng Thị Vỷ	01/01/1944	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
5.5	**(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định**				**19.980.000**	**740.000**	**20.720.000**
1	00107626000034	Bùi Duy Ngung	01/01/1956	01 - Thôn Hợp Nhất	740.000		740.000
2	00107632000002	Nguyễn Thị Duyến	25/08/1952	02 - Thôn Cam Thượng	740.000		740.000
3	00107624000003	Nguyễn Văn Ái	30/12/1954	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
4	00107636000002	Nguyễn Thị Tĩnh	08/02/1956	03 - Thôn Giữa	740.000		740.000
5	00107634000011	Bùi Thị Hiền	01/01/1954	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
6	00107633000005	Bùi Thị Lê	02/05/1953	04 - Thôn Quyết Tâm	740.000		740.000
7	10756205500000	Nguyễn Thị Minh	01/01/1955	07 - Thôn Bắc	740.000	740.000	1.480.000
8	00107625000002	Nguyễn Công Băng	10/06/1955	08 - Thôn Đông	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
9	00107626000036	Nguyễn Danh Chúc	01/03/1956	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
10	00107625000003	Nguyễn Danh Quỳnh	25/01/1955	08 - Thôn Đông	740.000		740.000
11	00107630000095	Trần Thị Viện	20/10/1950	09 - Thôn Lai Khê	740.000		740.000
12	00107626000037	Bùi Khắc Hiếu	04/06/1956	10 - Thôn Minh Thành	740.000		740.000
13	00107635000003	Nguyễn Thị Hiền	04/02/1955	11 - Thôn Tường vu	740.000		740.000
14	00107634000006	Trần Thị Chàn	01/01/1954	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
15	00107631000002	Vũ Thị De	01/01/1951	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
16	00107624000002	Nguyễn Văn Mọc	08/04/1954	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
17	00107634000005	Nguyễn Thị Ư	01/01/1954	13 - Xuân Mang	740.000		740.000
18	107605000001	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1953	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
19	00107632000003	Nguyễn Thị Khoai	01/01/1952	15 - Thôn Phạm Xá	740.000		740.000
20	00107634000003	Nguyễn Thị Lụa	01/01/1954	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
21	00107633000002	Nguyễn Thị Sào	07/08/1953	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
22	00107634000004	Trần Thị Thanh	16/02/1954	16 - Việt Hưng	740.000		740.000
23	00107620000081	Nguyễn Trọng Cương	27/12/1950	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
24	00107635000002	Nguyễn Thị Hồng	31/01/1955	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
25	00107633000003	Lê Thị Mến	22/03/1953	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000
26	00107632000007	Hoàng Thị Thăng	25/06/1952	17 - Thượng Đỗ	740.000		740.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
27	00107624000009	Nguyễn Văn Vân	01/01/1954	18 - Thượng Vũ	740.000		740.000
6.1	**NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi**				**142.800.000**		**142.800.000**
1	10753177000002	Bùi Văn Coóng	30/10/1977	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
2	10753183000003	Bùi Duy Dưỡng	07/12/1983	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
3	10753192000001	Bùi Hữu Huy	31/10/1992	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
4	10753174000003	Bùi Quang Tiệm	15/10/1974	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
5	10768187000003	Vũ Văn Duyển	13/08/1987	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
6	10762200000001	Nguyễn Trung Kiên	05/01/2000	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
7	10762198000001	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	25/09/1998	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
8	10762270000006	Đỗ Văn Tèo	01/01/1970	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
9	10753107000001	Bùi Bách Tuấn Anh	02/09/2007	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
10	10753109000001	Bùi Văn Nam Khánh	20/10/2009	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
11	00107650000003	Vũ Văn Quang	15/10/1980	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
12	10756173000001	Lâm Xuân Đức	01/01/1973	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
13	10756171000002	Lâm Kiều Phúc	01/01/1971	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
14	10756172000003	Nguyễn Quốc Thắng	01/12/1972	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
15	10759170000002	Lê Văn Lập	01/11/1970	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
16	10759206000001	Đặng Thị Thảo Linh	22/01/2006	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
17	10759205000001	Bùi Thu Trang	06/02/2005	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
18	10762167000003	Nguyễn Thị Cần	04/04/1967	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
19	10762269000002	Đặng Thị Đua	02/10/1969	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
20	10762179000001	Đỗ Văn Hải	18/11/1979	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
21	10762201000001	Nguyễn Văn Hoan	16/05/2001	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
22	10762282000003	Nguyễn Thị Lanh	01/07/1982	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
23	10762187000002	Nguyễn Khắc Luật	06/12/1987	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
24	10762272000002	Đặng Thị Nở	07/02/1972	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
25	10762297000001	Nguyễn Khắc Tiến	09/07/1997	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
26	10762195000001	Đào Thị Thuỷ	15/08/1995	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
27	10762170000002	Nguyễn Thế Trị	29/04/1970	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
28	10762195000002	Đặng Đình Trọng	01/12/1995	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
29	10762295000001	Nguyễn Thị Vân	08/09/1995	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
30	10762287000002	Nguyễn Duy Hạnh	09/04/1987	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
31	10762187000003	Nguyễn Danh Hùng	13/11/1987	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
32	10762108000003	Nguyễn Thị Huyền	16/01/2008	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
33	10762291000002	Dương Thị Liễu	03/04/1991	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
34	10762196000002	Nguyễn Danh Long	01/09/1996	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
35	10762279000002	Vũ Đình Luận	01/01/1979	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
36	10762181000001	Nguyễn Thị Nhàn	27/01/1981	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
37	10762269000003	Nguyễn Thị Tám	01/01/1969	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
38	10762102000001	Nguyễn Thị Thùy	13/05/2002	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
39	10756191000002	Nguyễn Văn Chính	18/12/1991	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
40	10756169000004	Bùi Quang Đồng	01/01/1969	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
41	10756103000001	Nguyễn Văn Nam	02/09/2003	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
42	10756279000001	Bùi Thị Thảo	01/01/1979	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
43	10753175000002	Bùi Ngọc Cường	01/11/1975	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
44	10753179000001	Bùi Công Du	04/02/1979	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
45	10753206000001	Lê Thị Hồng Nhung	24/12/2006	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
46	10756280000002	Nguyễn Thị Hòa	25/08/1980	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
47	10756180000001	Trịnh Đức Quyết	03/10/1980	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
48	10756184000001	Nguyễn Văn Thịnh	09/03/1984	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
49	10756187000001	Đoàn Thanh Xuân	06/09/1987	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
50	10768183000003	Phạm Văn Chung	04/03/1983	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
51	10768291000003	Võ Thị Hằng	08/09/1981	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
52	10768103000002	Phạm Văn Hiếu	21/03/2003	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
53	10768106000003	Nguyễn Ngọc Bảo Sơn	24/12/2006	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
54	00107659000003	Ngô Thị Vân	09/06/1979	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
55	10768181000004	Phạm Hữu Vũ	02/02/1981	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
56	10768297000001	Nguyễn Thị Hạnh	07/09/1997	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
57	10768292000002	Lê Thị Huyền Hòa	11/12/1992	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
58	10768206000001	Trần Vân Khánh	06/09/2006	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
59	10768168000003	Nguyễn Văn Lích	28/05/1968	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
60	10768275000003	Nguyễn Thị Liên	01/01/1975	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
61	10768168000002	Nguyễn Quang Như	22/05/1968	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
62	10768286000002	Nguyễn Thị Tâm	06/10/1986	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
63	10768270000001	Ninh Thị Cừ	07/03/1970	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
64	10768193000004	Lê Văn Chỉnh	30/07/1993	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
65	10768196000001	Ninh Văn Dung	02/03/1996	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
66	10768172000004	Phạm Văn Hưng	18/10/1972	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
67	10768170000004	Ninh Văn Hựu	14/02/1970	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
68	10768186000004	Nguyễn Văn Khải	05/10/1986	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
69	10768169000002	Vũ Văn Quyết	13/05/1969	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
70	107639000001	Huỳnh Cao Đạo	13/03/1969	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
71	10768281000004	Lê Thị Thu Hiền	09/05/1981	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
72	10768103000001	Phạm Đức Hiếu	21/04/2003	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
73	10768195000001	Bùi Văn Hoàn	19/10/1995	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
74	10768197000004	Ninh Văn Tài	06/12/1997	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
75	10768298000001	Tiêu Thị Trang	03/10/1998	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
76	10768273000002	Nguyễn Thị Bốn	28/12/1973	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
77	10768297000002	Bùi Thị Hồng	05/11/1997	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
78	10768188000006	Nguyễn Văn Lên	20/09/1988	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
79	10768185000001	Vũ Chính Lực	15/02/1985	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
80	10768189000005	Vũ Văn Toàn	16/10/1989	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
81	10768295000001	Vũ Thị Thêu	28/08/1995	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
82	10759271000006	Nguyễn Thị Hảo	01/01/1971	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
83	10759295000002	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/04/1995	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
84	10759283000001	Bùi Thị Hoa	25/03/1983	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
85	10759169000001	Nguyễn Đình Khánh	01/01/1969	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
86	10759210000001	Nguyễn Hà Linh	12/03/2010	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
87	10759202000001	Nguyễn Thị Luyên	19/07/2002	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
88	10759172000001	Trần Trung May	06/02/1972	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
89	10759272000004	Nguyễn Thị May	01/01/1972	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
90	10759267000002	Nguyễn Thị Những	03/08/1967	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
91	10759175000006	Nguyễn Đăng Phúc	01/01/1975	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
92	10759173000001	Bùi Công Phương	01/01/1973	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
93	10759192000001	Tạ Văn Phương	25/10/1992	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
94	10759201000001	Tạ Thị Mai Phương	29/09/2001	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
95	10759178000002	Vũ Văn Thịnh	08/03/1978	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
96	10759101000001	Đặng Văn Trường	11/11/2001	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
97	10759104000001	Nguyễn Công Chức	30/08/2004	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
98	107609000001	Phạm Quốc Duẩn	29/05/2009	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
99	10759196000002	Nguyễn Văn Hải	25/10/1996	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
100	10759209000001	Nguyễn Thị Thanh Hoài	15/08/2009	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
101	10759171000004	Phạm Văn Tiệp	10/10/1971	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
102	10759269000005	Trần Thị Tho	25/10/1969	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
6.2	**NKT đặc biệt nặng là NCT**				**206.500.000**		**206.500.000**
1	10753233000003	Bùi Thị Ân	01/01/1933	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
2	10753261000003	Nguyễn Thị Cát	08/07/1961	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
3	10753153000002	Bùi Duy Đáng	27/01/1953	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
4	10753158000003	Nguyễn Đức Long	01/07/1958	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
5	10753253000002	Bùi Thị Luyến	01/01/1953	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
6	10753255000004	Đỗ Thị Lượng	23/01/1955	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
7	10753252000002	Bùi Thị Lý	01/01/1952	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
8	10753242000001	Bùi Thị Na	01/01/1942	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
9	10753230000005	Bùi Thị Nguyệt	01/10/1930	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
10	10753251000002	Bùi Thị Nhãn	04/02/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
11	10753236000005	Bùi Thị Yên	01/01/1936	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
12	10768166000003	Vũ Văn Bình	06/02/1966	02 - Thôn Cam Thượng	1.750.000		1.750.000
13	10768260000007	Phạm Thị Hương	02/02/1960	02 - Thôn Cam Thượng	1.750.000		1.750.000
14	10768152000002	Nguyễn Văn Tuyển	05/10/1952	02 - Thôn Cam Thượng	1.750.000		1.750.000
15	10762263000003	Nguyễn Thị Bờ	10/10/1963	03 - Thôn Giữa	1.750.000		1.750.000
16	10762165000002	Nguyễn Danh Kẻ	08/04/1965	03 - Thôn Giữa	1.750.000		1.750.000
17	10762243000004	Nguyễn Thị Lan	28/08/1943	03 - Thôn Giữa	1.750.000		1.750.000
18	10762265000003	Nguyễn Danh Thân	01/01/1965	03 - Thôn Giữa	1.750.000		1.750.000
19	10762161000006	Nguyễn Thị Vày	01/01/1961	03 - Thôn Giữa	1.750.000		1.750.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
20	10753247000003	Bùi Thị Cảnh	01/01/1946	04 - Thôn Quyết Tâm	1.750.000		1.750.000
21	10753157000005	Bùi Duy Đản	12/01/1957	04 - Thôn Quyết Tâm	1.750.000		1.750.000
22	00107624000005	Bùi Duy Luân	03/02/1954	04 - Thôn Quyết Tâm	1.750.000		1.750.000
23	10753157000004	Bùi Bách Thuần	20/03/1957	04 - Thôn Quyết Tâm	1.750.000		1.750.000
24	10756157000006	Lê Văn Ấm	28/08/1957	05 - Thôn Thanh Liên	1.750.000		1.750.000
25	10756153000002	Nguyễn Đức Cường	01/01/1953	05 - Thôn Thanh Liên	1.750.000		1.750.000
26	10756153000003	Trần Văn Chính	02/06/1953	05 - Thôn Thanh Liên	1.750.000		1.750.000
27	10756252000003	Lê Thị Luyến	08/01/1952	05 - Thôn Thanh Liên	1.750.000		1.750.000
28	10756265000001	Lương Thị Vinh	04/02/1965	05 - Thôn Thanh Liên	1.750.000		1.750.000
29	10759265000004	Lê Thị Dáng	14/12/1965	06 - Vũ xá	1.750.000		1.750.000
30	10759243000004	Lương Thị Lãnh	30/12/1943	06 - Vũ xá	1.750.000		1.750.000
31	10762257000005	Nguyễn Thị Bàn	22/01/1957	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
32	00107632000005	Nguyễn Quang Chiến	05/10/1954	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
33	10762166000005	Phạm Văn Định	01/01/1966	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
34	10762138000005	Đào Văn Liệu	01/01/1938	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
35	10762134000003	Nguyễn Thị Nhỡ	10/05/1934	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
36	10762251000003	Nguyễn Quý Nhượng	08/01/1951	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
37	10762260000006	Nguyễn Thị Tần	27/07/1960	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
38	10762251000002	Đặng Thị Thơm	20/05/1951	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
39	10762248000003	Nguyễn Thị Vậy	01/01/1948	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
40	10762240000013	Nguyễn Thị Vững	24/08/1940	07 - Thôn Bắc	1.750.000		1.750.000
41	10762152000003	Nguyễn Văn Gác	01/01/1952	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
42	10762166000004	Lương Thị Ghi	01/01/1966	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
43	10762164000002	Nguyễn Thị Lích	16/08/1964	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
44	10762151000002	Lương Thị Liên	01/01/1951	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
45	10762139000004	Hoàng Thị Mên	01/01/1939	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
46	10762259000004	Nguyễn Thị Nhắn	01/01/1959	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
47	10762259000003	Nguyễn Ngọc Nhật	01/01/1959	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
48	10762253000005	Nguyễn Thị Rèn	04/02/1953	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
49	00107611000003	Hoàng Thị Toán	01/01/1931	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
50	10762247000005	Nguyễn Văn Tùng	10/08/1947	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
51	00107630000058	Lương Đình Thực	01/01/1960	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
52	10762163000007	Nguyễn Thị Xinh	01/01/1963	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
53	10756252000004	Bùi Thị Ca	01/01/1952	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
54	10756240000008	Tô Thị Dậu	08/02/1940	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
55	00107588000002	Nguyễn Đức Kiêm	06/10/1948	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
56	10756253000002	Nguyễn Thị Khánh	28/10/1953	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
57	10756244000003	Đào Thị Quế	01/02/1944	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
58	00107633000010	Trịnh Đức Quyên	20/02/1963	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
59	00107618000012	Trần Văn Sơn	29/02/1948	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
60	10756264000002	Bùi Thị Thảo	01/08/1964	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
61	10756158000002	Bùi Quang Thập	20/05/1958	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
62	10753154000001	Bùi Ngọc Dự	25/08/1954	10 - Thôn Minh Thành	1.750.000		1.750.000
63	10753152000001	Nguyễn Văn Đức	01/01/1952	10 - Thôn Minh Thành	1.750.000		1.750.000
64	10753139000002	Nguyễn Đức Hải	20/08/1939	10 - Thôn Minh Thành	1.750.000		1.750.000
65	10753200000002	Tăng Thị Năm	05/10/1938	10 - Thôn Minh Thành	1.750.000		1.750.000
66	10753257000006	Nguyễn Thị Sinh	20/05/1957	10 - Thôn Minh Thành	1.750.000		1.750.000
67	10753150000002	Nguyễn Đức Toàn	02/09/1950	10 - Thôn Minh Thành	1.750.000		1.750.000
68	107597000001	Nguyễn Thị Thanh	01/02/1957	10 - Thôn Minh Thành	1.750.000		1.750.000
69	10756147000002	Nguyễn Văn Hải	01/01/1947	11 - Thôn Tường vu	1.750.000		1.750.000
70	10756153000004	Đoàn Hữu Hạnh	20/10/1953	11 - Thôn Tường vu	1.750.000		1.750.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
71	10756235000002	Đoàn Thị Nở	01/01/1935	11 - Thôn Tường vu	1.750.000		1.750.000
72	10756233000007	Bùi Thị Trong	04/12/1933	11 - Thôn Tường vu	1.750.000		1.750.000
73	10756246000002	Đỗ Thị Trong	22/10/1946	11 - Thôn Tường vu	1.750.000		1.750.000
74	10756256000001	Đoàn Thị Yến	01/01/1956	11 - Thôn Tường vu	1.750.000		1.750.000
75	10768150000001	Phạm Văn Bang	16/05/1950	12 - Vang Phan	1.750.000		1.750.000
76	10768154000007	Nguyễn Hữu Cước	08/10/1954	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000
77	10768254000006	Nguyễn Thị Mơ	01/01/1954	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000
78	10768156000006	Nguyễn Văn Sỹ	01/01/1956	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000
79	10768225000003	Đoàn Thị Tẹo	01/01/1925	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000
80	10768164000002	Nguyễn Văn Tộ	14/01/1964	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000
81	10768231000006	Nguyễn Thị Bàn	01/01/1931	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
82	10768239000022	Phạm Thị Dui	01/01/1939	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
83	10768230000015	Lê Thị Én	01/01/1930	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
84	10768222000002	Vũ Thị Na	01/01/1922	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
85	10768265000007	Nguyễn Thị Nhạn	23/08/1965	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
86	10768163000008	Phạm Văn Tâm	01/01/1963	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
87	10768257000007	Nguyễn Thị Tất	02/01/1957	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
88	10768262000010	Phạm Thị Thao	01/01/1962	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
89	10768241000009	Vũ Thị Then	22/05/1941	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
90	10768238000016	Nguyễn Thị Thoa	25/10/1938	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
91	10768255000004	Nguyễn Thị Đươm	19/01/1955	15 - Thôn Phạm Xá	1.750.000		1.750.000
92	10768259000005	Vũ Thị Miên	08/02/1959	15 - Thôn Phạm Xá	1.750.000		1.750.000
93	00107627000017	Nguyễn Thị Nhàn	01/01/1947	15 - Thôn Phạm Xá	1.750.000		1.750.000
94	10768229000012	Trần Thị Cạnh	01/01/1929	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
95	10768159000005	Vũ Văn Chản	10/06/1959	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
96	10762198000005	Nguyễn Thị Doãn	12/01/1941	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
97	10768158000005	Vũ Văn Học	01/01/1958	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
98	00107750000002	Phạm Văn Khơ	01/02/1962	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
99	10768250000005	Bùi Thị Mai	25/06/1950	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
100	10768163000009	Phạm Văn Minh	20/08/1963	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
101	10768162000004	Trịnh Văn Ngát	19/04/1962	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
102	10768236000012	Trần Thị Tân	01/01/1936	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
103	00107644000002	Bùi Thị Thủy	27/07/1964	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
104	10768237000013	Vũ Thị Trung	10/08/1937	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
105	10768260000005	Vũ Thị Vấn	05/10/1960	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
106	10768249000002	Nguyễn Thị Vớ	01/01/1949	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
107	10768233000006	Nguyễn Thị Vũ	05/10/1933	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
108	10759153000001	Nguyễn Hữu Chuyển	10/01/1953	17 - Thượng Đỗ	1.750.000		1.750.000
109	10759165000004	Nguyễn Khắc Dũng	17/02/1965	17 - Thượng Đỗ	1.750.000		1.750.000
110	10759222000003	Nguyễn Thị Ngó	12/06/1922	17 - Thượng Đỗ	1.750.000		1.750.000
111	10759244000003	Tạ Thị Phẩy	20/03/1944	17 - Thượng Đỗ	1.750.000		1.750.000
112	10759237000008	Vũ Thị Phiến	01/01/1937	17 - Thượng Đỗ	1.750.000		1.750.000
113	10759245000002	Hoàng Thị Tròn	08/04/1945	17 - Thượng Đỗ	1.750.000		1.750.000
114	10759244000002	Nguyễn Thị Lãng	01/01/1944	18 - Thượng Vũ	1.750.000		1.750.000
115	00107645000009	Nguyễn Thị Liền	01/01/1965	Bộ Hổ	1.750.000		1.750.000
116	10759149000002	Phạm Văn Sơn	01/01/1949	18 - Thượng Vũ	1.750.000		1.750.000
117	10759265000003	Nguyễn Thị Tâm	17/02/1965	18 - Thượng Vũ	1.750.000		1.750.000
118	10759238000012	Nguyễn Thị Xuân	17/02/1938	18 - Thượng Vũ	1.750.000		1.750.000
6.3	**NKT nặng từ 16-60 tuổi**				**319.200.000**		**319.200.000**
1	10753170000002	Tăng Tất Du	11/12/1977	01 - Thôn Hợp Nhất	1.050.000		1.050.000
2	00107661000003	Tăng Tất Điện	20/07/1991	01 - Thôn Hợp Nhất	1.050.000		1.050.000
3	10753200000001	Bùi Thị Điều	10/10/1987	01 - Thôn Hợp Nhất	1.050.000		1.050.000
4	10753186000001	Bùi Duy Khởi	21/08/1986	01 - Thôn Hợp Nhất	1.050.000		1.050.000
5	10753186000003	Nguyễn Đức Lập	29/10/1986	01 - Thôn Hợp Nhất	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
6	10753108000001	Bùi Duy Phúc	15/06/2008	01 - Thôn Hợp Nhất	1.050.000		1.050.000
7	10753183000002	Lục Văn Thành	01/01/1983	01 - Thôn Hợp Nhất	1.050.000		1.050.000
8	10753283000002	Bùi Thị Thúy	06/10/1983	01 - Thôn Hợp Nhất	1.050.000		1.050.000
9	10768202000001	Phạm Thị Thu Hiền	15/10/2002	02 - Thôn Cam Thượng	1.050.000		1.050.000
10	10768208000001	Nguyễn Thị Hiền	23/01/2008	02 - Thôn Cam Thượng	1.050.000		1.050.000
11	10768200000002	Bùi Thị Thanh Hoa	25/06/2000	02 - Thôn Cam Thượng	1.050.000		1.050.000
12	10768199000001	Nguyễn Thành Thái	01/08/1999	02 - Thôn Cam Thượng	1.050.000		1.050.000
13	10768100000003	Nguyễn Xuân Trường	13/07/2000	02 - Thôn Cam Thượng	1.050.000		1.050.000
14	10762196000001	Nguyễn Danh An	08/09/1996	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
15	10762267000002	Nguyễn Thị An	01/01/1967	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
16	107671000001	Trần Văn Cường	01/10/1971	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
17	10762203000001	Nguyễn Quỳnh Chi	19/08/2003	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
18	10762296000001	Nguyễn Công Chúc	27/09/1996	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
19	10762278000003	Nguyễn Thị Chuyền	19/10/1978	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
20	10762177000002	Nguyễn Thị Hà	01/01/1977	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
21	10762270000007	Nguyễn Thị Hoa	20/08/1970	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
22	10762268000001	Nguyễn Quí Huân	03/02/1968	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
23	00107645000010	Nguyễn Danh Lý	06/02/1975	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
24	10762270000004	Nguyễn Thị Thêm	01/01/1971	03 - Thôn Giữa	1.050.000		1.050.000
25	10753183000001	Bùi Duy Biên	31/05/1983	04 - Thôn Quyết Tâm	1.050.000		1.050.000
26	10753193000001	Bùi Khắc Hạnh	24/09/1993	04 - Thôn Quyết Tâm	1.050.000		1.050.000
27	10753207000002	Bùi Thị Xuân Hồng	12/11/2007	04 - Thôn Quyết Tâm	1.050.000		1.050.000
28	10753170000001	Bùi Quang Khôi	01/10/1970	04 - Thôn Quyết Tâm	1.050.000		1.050.000
29	10753173000003	Lê Văn Sơn	17/07/1973	04 - Thôn Quyết Tâm	1.050.000		1.050.000
30	10753106000001	Bùi Văn Tùng	27/05/2006	04 - Thôn Quyết Tâm	1.050.000		1.050.000
31	10753205000001	Bùi Phương Thảo	01/04/2005	04 - Thôn Quyết Tâm	1.050.000		1.050.000
32	10753268000002	Bùi Thị Trà	26/07/1968	04 - Thôn Quyết Tâm	1.050.000		1.050.000
33	10756298000002	Trần Thị Phương Anh	30/06/1998	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
34	10756182000002	Nguyễn Đức Công	22/08/1982	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
35	10756268000002	Lê Thị Cươm	20/08/1968	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
36	10756272000002	Trần Thị Chín	09/05/1972	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
37	10756168000002	Nguyễn Đức Duyên	17/03/1968	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
38	10756191000001	Vũ Bình Dương	06/10/1991	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
39	10756183000004	Nguyễn Mạnh Đức	11/05/1983	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
40	10756272000001	Nguyễn Thị Hà	01/01/1972	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
41	10756209000001	Trần Bảo Hoa	28/08/2009	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
42	10756206000002	Phạm Thị Thùy Linh	23/06/2006	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
43	10756270000003	Nguyễn Thị Lý	10/08/1970	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
44	10756108000001	Trần Đình Minh	06/05/2008	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
45	10756294000001	Trần Thị Ngân	07/07/1994	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
46	10756201000001	Nguyễn Thị Ngọc	13/12/2001	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
47	10756100000001	Lâm Xuân Quý	06/11/2000	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
48	10756183000001	Vũ Văn Tuân	15/03/1983	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
49	00107595000010	Tạ Văn Tuấn	24/12/2025	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
50	10756182000003	Phạm Đắc Thái	08/08/1982	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
51	10756186000001	Nguyễn Đức Thao	01/01/1986	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
52	10756195000001	Đinh Văn Vượng	28/03/1995	05 - Thôn Thanh Liên	1.050.000		1.050.000
53	10759269000003	Đặng Thị Bé	21/12/1969	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
54	10759208000001	Lương Thị Ngọc Duyên	13/10/2008	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
55	10759271000003	Lương Thị Dừng	11/10/1971	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
56	10759171000006	Nguyễn Văn Huy	10/05/1971	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
57	10759299000001	Lê Thị Mai Linh	06/11/1999	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
58	10759171000003	Lê Văn Lộc	06/11/1971	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
59	10759175000003	Lê Văn Minh	01/01/1975	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
60	10759291000001	Lê Thị Ngân	30/10/1991	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
61	10759271000004	Lê Thị Nguyên	24/06/1971	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
62	10759175000004	Nguyễn Hữu Quang	03/07/1975	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
63	10759197000001	Đoàn Văn Sơn	14/01/1997	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
64	10759108000003	Lương Văn Toàn	25/09/2008	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
65	10759188000002	Lê Văn Tú	15/12/1988	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
66	10759189000001	Đoàn Văn Trường	05/11/1989	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
67	10759170000001	Nguyễn Đức Vân	25/12/1970	06 - Vũ xá	1.050.000		1.050.000
68	10762186000001	Nguyễn Quốc Công	11/01/1986	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
69	10762190000001	Nguyễn Quốc Cường	13/05/1990	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
70	10762173000001	Nguyễn Tiến Dũng	14/12/1973	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
71	10762108000002	Trần Văn Dương	20/12/2008	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
72	10762175000001	Nguyễn Thị Đăng	05/11/1975	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
73	10762207000001	Bùi Ngọc Thanh Đức	03/05/2007	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
74	10768199000003	Nguyễn Thị Giang	29/06/1981	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
75	10762271000002	Trần Văn Hải	10/10/1971	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
76	10762284000004	Nguyễn Quang Hải	16/10/1984	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
77	10762174000003	Nguyễn Khắc Hậu	14/01/1974	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
78	10762104000001	Nguyễn Thu Hiền	01/11/2004	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
79	10762204000001	Nguyễn Thị Hồng	30/06/2004	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
80	10762284000003	Đào Thị Hồng	19/04/1984	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
81	10762294000001	Nguyễn Thị Loan	19/10/1994	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
82	10762287000001	Lương Thị Luyên	05/06/1987	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
83	10762271000001	Phạm Văn Lương	24/08/1971	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
84	10762172000003	Lương Đình Nhâm	20/02/1972	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
85	10762280000004	Nguyễn Thế Phẳng	01/01/1980	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
86	10762180000001	Nguyễn Quý Phong	08/08/1980	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
87	10762172000001	Nguyễn Thị Phương	06/01/1972	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
88	10762184000003	Nguyễn Khắc Quân	26/04/1984	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
89	10762275000003	Nguyễn Khắc Tân	27/05/1975	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
90	10762197000001	Nguyễn Khắc Tú	10/08/1997	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
91	10762168000002	Đặng Văn Tư	01/01/1968	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
92	10762289000002	Nguyễn Thị Thành	28/07/1989	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
93	10762182000002	Vũ Bá Thăng	30/11/1982	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
94	10762270000003	Nguyễn Thị Thuận	01/01/1970	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
95	10762286000001	Đặng Thị Thuỳ	06/06/1986	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
96	10762267000001	Nguyễn Thị Vui	01/01/1967	07 - Thôn Bắc	1.050.000		1.050.000
97	10762183000002	Nguyễn Thị Anh	11/06/1983	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
98	10762174000004	Vũ Đình Chương	10/11/1974	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
99	10762290000002	Nguyễn Thị Dung	15/11/1990	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
100	10762205000002	Hoàng Trọng Dũng	13/09/2005	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
101	10762107000001	Nguyễn Ngọc Đức	18/09/2007	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
102	10762284000007	Nguyễn Thị Hải	16/10/1984	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
103	10762270000005	Lương Thị Hằng	07/10/1970	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
104	10762277000003	Nguyễn Thị Hằng	27/06/1977	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
105	10762289000003	Bùi Thị Hoa	11/10/1989	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
106	10762183000001	Nguyễn Hữu Hồng	27/10/1983	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
107	10762183000003	Nguyễn Văn Hợi	25/03/1983	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
108	10762184000002	Nguyễn Hữu Linh	24/08/1984	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
109	10762187000001	Nguyễn Danh Linh	02/01/1987	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
110	107668000001	Nguyễn Thị Lý	24/10/1968	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
111	10762109000001	Nguyễn Ngọc Mạnh	15/12/2009	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
112	10762178000001	Nguyễn Thị Mùi	02/02/1978	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
113	10762108000001	Trần Thị Nhung	10/05/2008	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
114	10762174000002	Nguyễn Hữu Quảng	01/01/1974	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
115	10762172000002	Nguyễn Bá Sỹ	01/10/1972	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
116	10762282000001	Nguyễn Thị Tuyết	20/08/1982	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
117	107672000001	Nguyễn Ngọc Thắm	15/07/1972	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
118	10762266000003	Nguyễn Thị Thi	21/10/1966	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
119	10762282000002	Nguyễn Thị Thuý	27/08/1982	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
120	10762205000001	Dương Hiền Trang	07/06/2005	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
121	107670000001	Vũ Đình Y	07/04/1970	08 - Thôn Đông	1.050.000		1.050.000
122	10756106000001	Bùi Quang Việt Anh	06/12/2006	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
123	10756109000001	Nguyễn Đức Kiên Anh	29/09/2009	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
124	10756173000002	Vũ Đức Bình	01/01/1973	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
125	10756107000001	Bùi Quang Cường	23/07/2007	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
126	10756183000002	Đào Viết Huy	16/12/1983	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
127	10756293000002	Bùi Thị Hương	03/09/1993	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
128	10756210000001	Nguyễn Ngọc Lan	24/08/2010	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
129	10756266000001	Bùi Thị Lê	01/10/1966	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
130	10756286000002	Vũ Thị Lệ	09/12/1986	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
131	10756192000001	Nguyễn Đức Nam	23/08/1992	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
132	10756200000001	Bùi Thị Bích Ngọc	13/10/2000	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
133	10756185000001	Nguyễn Văn Phụng	01/01/1985	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
134	10756182000001	Nguyễn Đức Phương	30/06/1982	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
135	10756206000001	Bùi Khánh Quỳnh	01/01/2006	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
136	10756169000002	Đào Quang Tài	18/01/1968	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
137	10756185000002	Trịnh Đức Tiến	01/01/1985	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
138	10756183000003	Bùi Quang Toàn	28/02/1983	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
139	10756190000002	Bùi Quang Thái	30/07/1990	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
140	10756270000001	Đào Thị Thanh	01/02/1970	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
141	10756281000002	Tăng Thị Then	18/10/1981	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
142	10756286000004	Đào Thị Thu	01/07/1986	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
143	10756283000001	Ngô Thị Thủy	05/08/1983	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
144	10756190000003	Nguyễn Đức Thủy	02/09/1990	09 - Thôn Lai Khê	1.050.000		1.050.000
145	10753174000002	Tăng Văn Mười	08/10/1974	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
146	10753203000001	Nguyễn Thị Phương	23/09/2003	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
147	10753191000001	Bùi Đức Sang	20/07/1991	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
148	10753273000003	Bùi Thị Soan	01/01/1973	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
149	10753182000001	Tăng Văn Tiến	17/12/1982	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
150	10753186000002	Bùi Huy Tuyến	05/10/1986	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
151	10753269000003	Lê Thị Thu	01/08/1970	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
152	10753187000001	Bùi Bách Trường	01/07/1987	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
153	10753283000003	Bùi Thị Kim Xoa	06/12/1983	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
154	10756266000004	Nguyễn Thị Chín	30/12/1966	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
155	10756269000001	Đỗ Thị Diện	23/08/1969	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
156	107646000001	Nguyễn Văn Điều	06/11/1976	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
157	10756176000001	Nguyễn Văn Đông	03/06/1986	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
158	10756203000001	Bùi Ánh Hồng	02/09/2003	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
159	10756190000001	Nguyễn Văn Huy	10/03/1990	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
160	10756276000001	Bùi Thị Hương	14/04/1976	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
161	10756169000001	Nguyễn Văn Luân	01/01/1969	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
162	10756280000001	Nguyễn Thị Nhuần	13/03/1980	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
163	10756282000001	Nguyễn Thị Siêng	28/03/1982	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
164	10756182000004	Trịnh Đức Tiến	04/09/1982	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
165	10756188000001	Nguyễn Văn Tuân	16/09/1988	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
166	10756169000003	Nguyễn Văn Tuấn	05/03/1969	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
167	10756290000002	Vũ Thị Thơm	02/01/1990	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
168	10756168000001	Bùi Kim Thủy	01/01/1968	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
169	10756268000001	Vũ Thị Thúy	10/10/1968	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
170	10756298000001	Đỗ Thị Trang	18/02/1998	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
171	00107653000003	Nguyễn Đức Trung	17/04/1983	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
172	10768174000003	Lê Văn Dương	15/05/1974	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
173	10768167000001	Phạm Văn Hào	27/07/1967	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
174	10768180000002	Phạm Thanh Hòa	30/07/1980	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
175	10768173000003	Dương Công Huế	28/07/1973	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
176	10768184000001	Phạm Xuân Hưng	07/04/1984	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
177	10768286000001	Phạm Thị Thu Hương	04/04/1986	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
178	10768173000002	Phạm Văn Mạnh	05/01/1973	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
179	10768177000001	Vũ Văn Nhận	08/09/1977	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
180	10768180000001	Nguyễn Văn Phước	03/07/1980	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
181	10768189000002	Phạm Văn Sáng	01/08/1989	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
182	10768187000002	Nguyễn Anh Tuấn	12/04/1987	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
183	10768172000003	Lê Văn Tự	02/05/1972	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
184	10768189000001	Nguyễn Văn Thanh	09/01/1989	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
185	10768177000003	Phạm Văn Thất	07/07/1977	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
186	10768283000004	Bùi Thị Yến	24/11/1983	12 - Vang Phan	1.050.000		1.050.000
187	10768200000001	Lê Thị Lan Anh	10/07/2000	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
188	10768178000001	Đinh Văn Bình	03/09/1978	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
189	10768186000002	Nguyễn Hữu Cầu	04/12/1986	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
190	10768191000002	Võ Văn Đức	20/07/1991	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
191	10768294000001	Vũ Thị Hà	01/04/1994	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
192	10768107000001	Nguyễn Hoàng Hải	20/05/2007	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
193	10768188000002	Nguyễn Tiến Lại	08/09/1988	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
194	10768281000002	Võ Thị Len	09/10/1981	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
195	10768275000002	Nguyễn Thị Luyên	15/05/1975	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
196	10768191000001	Võ Văn Minh	23/10/1991	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
197	10768283000005	Nguyễn Thị Nguyệt	12/05/1983	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
198	10768277000001	Lê Thị Phương	18/07/1977	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
199	10768197000001	Nguyễn Văn Quyền	02/03/1997	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
200	10768282000001	Nguyễn Thị Toan	19/07/1982	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
201	10768188000004	Nguyễn Văn Thành	12/01/1988	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
202	10768105000001	Ninh Đức Anh	23/06/2005	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
203	107697000001	Lê Tuấn Anh	15/01/2007	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
204	10768167000002	Vũ Văn Dũng	10/10/1967	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
205	10768187000001	Bùi Văn Hà	02/09/1987	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
206	10768186000001	Vũ Văn Hấn	03/07/1986	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
207	10768277000002	Trịnh Thị Hòa	18/11/1977	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
208	10768292000001	Phạm Thị Hòa	24/12/1991	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
209	10768168000001	Vũ Quang Hưng	12/02/1968	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
210	10768296000001	Ninh Thị Thu Sen	08/11/1996	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
211	10768181000003	Trịnh Văn Tuấn	01/01/1981	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
212	10768188000003	Ninh Văn Tứ	06/05/1988	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
213	10768183000001	Vũ Đức Thành	29/08/1983	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
214	10768281000003	Vũ Thị Thuyến	01/01/1981	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000
215	10768197000002	Vũ Xuân Trường	12/09/1997	14 - Tuấn Hưng	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
216	10768266000004	Bùi Thị Bé	06/03/1967	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
217	10768106000001	Phạm Vũ Khánh Duy	25/09/2006	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
218	10768193000001	Nguyễn Văn Điện	18/08/1993	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
219	10768194000001	Trần Văn Hậu	10/08/1994	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
220	10768272000006	Nguyễn Thị Hiến	10/01/1972	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
221	10768176000001	Nguyễn Văn Kiểm	18/07/1976	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
222	10768164000001	Phạm Văn Kỹ	20/10/1966	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
223	10768272000005	Tiêu Thị Lan	22/08/1972	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
224	10768291000002	Phạm Thị Luyên	25/01/1991	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
225	10768193000002	Nguyễn Văn Mạnh	02/01/1993	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
226	10768178000002	Phạm Văn Nam	20/02/1978	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
227	10768276000001	Nguyễn Thị Nay	15/06/1976	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
228	10768172000002	Nguyễn Bá Nghề	01/01/1972	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
229	10768296000002	Tô Thị Mai Oanh	20/03/1996	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
230	10768177000002	Đỗ Văn Phú	08/02/1977	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
231	00107644000006	Nguyễn Ngọc Phước	28/03/1974	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
232	10768181000002	Nguyễn Văn Phương	30/08/1981	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
233	10768172000001	Phạm Văn Quang	13/11/1972	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
234	10768180000003	Nguyễn Hồng Quảng	20/02/1980	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
235	10768201000001	Nguyễn Thị Sao	29/09/2001	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
236	107640000001	Đỗ Văn Sợi	06/02/1970	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
237	10768104000001	Nguyễn Văn Tâm	21/11/2004	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
238	10768186000003	Nguyễn Văn Tuyền	19/03/1986	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
239	10768193000003	Phạm Văn Tuyến	13/01/1993	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
240	10768205000001	Phạm Phương Thanh	14/06/2005	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
241	10768190000001	Nguyễn Bá Thành	19/05/1990	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
242	00107655000005	Phạm Văn Thao	20/02/1985	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
243	10768175000001	Ngô Văn Thắng	20/02/1975	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
244	10768189000003	Phạm Văn Trưởng	31/08/1989	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
245	10768184000002	Phạm Văn Chiến	10/12/1984	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
246	10768192000001	Vũ Văn Đại	19/08/1992	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
247	10768167000003	Phạm Văn Đức	12/12/1967	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
248	10768183000002	Trịnh Văn Hai	09/12/1983	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
249	10768100000001	Trần Anh Hiếu	07/06/2000	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
250	10768293000003	Nguyễn Thị Hoa	18/09/1993	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
251	10768197000003	Nguyễn Văn Huân	18/04/1997	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
252	10768182000002	Đoàn Văn Khởi	01/07/1982	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
253	10768189000004	Nguyễn Văn Lịch	30/10/1989	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
254	10768167000004	Vũ Văn Linh	01/01/1967	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
255	10768106000002	Ngô Duy Mạnh	13/05/2006	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
256	10768110000002	Vũ Tuấn Minh	26/06/2010	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
257	10768188000005	Nguyễn Văn Quân	27/01/1988	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
258	10768100000002	Vũ Duy Sang	09/08/2000	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
259	10768182000001	Vũ Ngọc Sáng	12/11/1982	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
260	10768199000002	Phạm Văn Sĩ	12/12/1999	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
261	00107647000002	Vũ Văn Tiến	08/06/1977	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
262	10768109000001	Trịnh Công Tuấn	17/09/2009	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
263	10768174000004	Phạm Văn Thủy	06/11/1974	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
264	10768185000005	Nguyễn Văn Việt	31/12/1985	16 - Việt Hưng	1.050.000		1.050.000
265	10759171000002	Nguyễn Hữu An	01/01/1971	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
266	10759275000001	Nguyễn Thị Bé	30/12/1975	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
267	10759108000001	Tạ Văn Đức	23/02/2008	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
268	10759175000005	Nguyễn Hữu Được	09/02/1975	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
269	10759272000002	Nguyễn Thị Hương	01/01/1972	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
270	10759182000001	Phạm Văn Kiên	06/05/1982	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
271	10759108000002	Hoàng Nam Khánh	02/02/2008	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
272	10759294000001	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/09/1994	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
273	10759269000001	Nguyễn Thị Mây	10/10/1969	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
274	10759269000004	Nguyễn Thị Mẽ	13/03/1969	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
275	10759184000002	Phạm Công Minh	01/05/1984	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
276	10759268000002	Nguyễn Thị Nga	01/01/1968	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
277	10759174000001	Bùi Xuân Nhất	26/04/1974	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
278	10759273000002	Hoàng Thị Phương	10/03/1973	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
279	107698000001	Tạ Văn Sơn	13/10/1998	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
280	10759184000003	Nguyễn Đức Tú	13/08/1984	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
281	107666000001	Nguyễn Hữu Thỉnh	02/10/1966	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
282	00107678000002	Phan Thị Thu	09/10/1968	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
283	10759105000001	Tô Minh Vũ	16/06/2005	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
284	10759196000001	Tô Văn Vượng	21/08/1996	17 - Thượng Đỗ	1.050.000		1.050.000
285	00107693000002	Nguyễn Ngọc Anh	10/01/1993	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
286	10759269000002	Nguyễn Thị Chuyên	20/08/1969	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
287	10759298000001	Nguyễn Thị Hạnh	28/02/1998	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
288	00107696000002	Nguyễn Thị Hằng	02/05/1986	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
289	10759200000001	Nguyễn Thị Hiển	14/12/2000	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
290	10759272000003	Nguyễn Thị Hoa	07/08/1972	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
291	10759168000005	Lê Văn Khả	07/08/1968	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
292	10759200000002	Nguyễn Thị Linh	03/03/2000	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
293	10759282000001	Trần Thị Luận	21/11/1982	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
294	10759274000002	Vũ Thị Luyên	01/01/1974	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
295	10759178000001	Nguyễn Văn Minh	19/12/1978	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
296	10759271000005	Nguyễn Thị Ngân	01/06/1971	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
297	00107696000003	Nguyễn Thị Ngọc	10/08/1986	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
298	10759278000001	Phạm Thị Nhượng	28/12/1978	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
299	10759289000001	Nguyễn Thị Quyên	15/08/1989	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
300	10759187000001	Nguyễn Văn Sinh	14/07/1987	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
301	107602000001	Phạm Hữu Trung Tiến	26/12/2002	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
302	10759181000002	Bùi Văn Toán	01/01/1981	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
303	10759295000001	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/11/1995	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
304	10759167000001	Đỗ Văn Viển	03/02/1967	18 - Thượng Vũ	1.050.000		1.050.000
6.4	**NKT nặng là NCT**				**620.200.000**	**700.000**	**620.900.000**

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
1	10753249000002	Bùi Thị Ánh	01/01/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
2	10753263000002	Bùi Thị Băng	27/07/1963	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
3	10753163000001	Bùi Duy Cường	01/01/1963	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
4	10753163000003	Nguyễn Đức Chiến	01/01/1963	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
5	107637000001	Ngô Thị Chĩn	13/06/1957	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
6	10753149000001	Nguyễn Đức Đà	20/10/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
7	10753253000001	Bùi Thị Đàng	01/01/1953	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
8	10753256000003	Bùi Thị Đào	01/04/1956	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
9	10753161000001	Bùi Duy Đằm	01/02/1961	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
10	10753231000001	Bùi Thị Điệp	01/01/1931	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
11	10753157000002	Bùi Ngọc Đồng	05/07/1957	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
12	10753162000004	Nguyễn Văn Hải	01/01/1962	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
13	10753262000003	Lê Thị Hậu	01/06/1962	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
14	10753164000001	Tăng Tất Hiên	25/02/1964	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
15	10753255000001	Nguyễn Thị Hướng	06/01/1955	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
16	10753250000001	Bùi Thị Là	01/03/1950	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
17	10753244000001	Bùi Thị Loan	04/02/1944	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
18	10753165000002	Bùi Ngọc Mạnh	10/05/1965	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
19	10753251000001	Tăng Thị Ngọc	21/01/1951	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
20	10753153000001	Bùi Duy Sách	03/10/1953	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
21	10753243000002	Vũ Thị Tuy	01/01/1943	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
22	10753264000003	Bùi Thị Tươi	02/03/1964	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
23	10753254000003	Bùi Thị Tỵ	01/05/1954	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
24	10753139000001	Lê Văn Thoan	01/01/1939	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
25	10753249000001	Nguyễn Thị Thủy	01/01/1949	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
26	10753165000001	Bùi Minh Thức	01/02/1965	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
27	10753158000002	Nguyễn Văn Trung	25/07/1958	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
28	10753257000004	Tăng Thị Vân	04/04/1957	01 - Thôn Hợp Nhất	1.400.000		1.400.000
29	10768238000003	Phạm Thị Đính	20/04/1938	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
30	10768230000002	Phạm Thị Hỗ	05/02/1930	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
31	10768163000002	Ninh Văn Hợp	02/03/1963	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
32	10768164000003	Vũ Văn Lưỡng	01/01/1964	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
33	10768231000001	Ngô Thị Ngắn	31/12/1931	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
34	10768238000002	Lê Thị Nhớn	01/07/1938	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
35	10768165000006	Vũ Văn Quân	05/05/1965	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
36	10768250000004	Linh Thị Quất	01/01/1950	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
37	10774038000003	Nguyễn Văn Sóc	20/10/1950	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
38	00107637000002	Trần Thị Tuyết	19/06/1957	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
39	10768233000001	Lê Thị Thơm	01/01/1933	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
40	10762254000004	Nguyễn Thị Ãm	01/01/1954	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
41	10762155000002	Nguyễn Thị Bi	08/08/1955	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
42	10762255000006	Nguyễn Thị Bóng	03/08/1955	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
43	10762258000002	Trần Công Cần	05/07/1958	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
44	107661000001	Nguyễn Văn Cương	01/01/1961	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
45	10762154000003	Nguyễn Thị Chiệng	11/10/1954	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
46	10762157000001	Dương Thị Chình	01/01/1957	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
47	10762154000007	Nguyễn Danh Chúng	01/01/1954	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
48	10762163000006	Nguyễn Văn Chức	01/01/1963	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
49	107650000001	Nguyễn Thị Diệu	01/01/1950	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
50	10762262000002	Nguyễn Văn Dung	02/10/1961	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
51	10762257000006	Nguyễn Thị Hạ	06/03/1957	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
52	00107644000004	Nguyễn Thị Lan	20/10/1964	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
53	10762156000003	Ngô Thị Nga	15/08/1956	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
54	10762255000002	Tạ Thị Nghít	01/05/1955	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
55	10762166000002	Nguyễn Thị Ngọ	04/03/1966	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
56	10762255000005	Nguyễn Thị Nhỉ	08/09/1955	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
57	10762165000004	Nguyễn Văn Phượng	01/04/1965	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
58	10762260000001	Nguyễn Danh Quân	01/05/1962	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
59	10762136000001	Nguyễn Thị Rìu	01/01/1936	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
60	10762159000004	Nguyễn Thị Teo	09/02/1958	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
61	10762263000002	Trần Thị Tới	08/02/1963	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
62	10762155000001	Nguyễn Thị Thái	01/01/1955	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
63	10762247000003	Tô Thị Thái	01/01/1947	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
64	10762154000004	Nguyễn Danh Thùy	04/01/1954	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
65	10762259000001	Nguyễn Thị Vụ	01/01/1959	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
66	10753143000001	Bùi Bách Kiến	01/01/1943	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
67	10753265000001	Lê Thị Liễu	01/07/1965	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
68	10753162000003	Bùi Ngọc Luyến	01/01/1962	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
69	10753235000001	Bùi Thị Ly	06/06/1935	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
70	10753264000001	Bùi Thị Lý	01/01/1964	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
71	10753161000002	Lê Văn Phúc	20/11/1961	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
72	10753153000003	Nguyễn Đức Quang	07/02/1953	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
73	10753152000002	Tăng Tự Sang	07/10/1952	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
74	10756245000002	Nguyễn Thị Bảo	01/01/1945	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
75	10756257000002	Phạm Thị Cúc	01/02/1957	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
76	10756154000002	Nguyễn Thanh Cường	06/10/1954	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
77	10756163000006	Hoàng A Chín	11/07/1963	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
78	10756263000002	Nguyễn Thị Chung	15/07/1963	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
79	10756266000005	Nguyễn Thị Dân	20/06/1966	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
80	10756240000004	Nguyễn Thị Dậu	08/07/1940	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
81	10756255000002	Phạm Thị Đông	12/12/1955	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
82	10756139000001	Lê Văn Êm	08/04/1939	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
83	10756160000004	Nguyễn Đức Hải	04/01/1960	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
84	107643000001	Đào Thị Hải	04/05/1963	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
85	10756254000003	Nguyễn Thị Hoa	02/10/1954	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
86	10756259000001	Phạm Thị Hợi	06/05/1959	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
87	10756258000003	Nguyễn Thị Hợp	12/05/1958	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
88	00107634000002	Đào Thị Lại	14/12/1954	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
89	10756254000006	Bùi Thị Lan	02/07/1954	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
90	10756165000001	Nguyễn Đức Lĩnh	01/01/1965	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
91	10756260000004	Lương Thị Lộc	01/01/1960	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
92	10756162000004	Nguyễn Đức Miên	01/10/1962	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
93	10756157000005	Đoàn Đình Miền	16/11/1957	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
94	10756157000003	Nguyễn Đình Minh	22/08/1957	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
95	10756240000003	Bùi Thị Mơ	01/01/1940	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
96	10756157000002	Nguyễn Văn Na	10/09/1957	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
97	10756240000002	Bùi Thị Nụ	01/01/1940	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
98	10756245000003	Ngô Thị Nga	01/01/1945	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
99	10756250000002	Bùi Thị Ngoạn	15/04/1950	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
100	10756162000001	Nguyễn Văn Phú	16/03/1962	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
101	10756149000004	Nguyễn Văn Quyết	02/07/1949	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
102	10756238000001	Lê Thị Sáu	01/01/1938	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
103	10756255000004	Nguyễn Thị Sen	02/02/1955	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
104	10756251000001	Nguyễn Thị Tại	05/10/1951	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
105	10756163000003	Trần Quốc Tạo	20/09/1963	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
106	10756240000005	Trịnh Thị Toan	07/05/1940	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
107	10756161000005	Phạm Viết Toàn	03/04/1961	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
108	10756159000003	Phạm Hữu Tuấn	12/12/1959	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
109	107601000001	Lương Thị Thịnh	23/05/1951	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
110	10756252000001	Nguyễn Thị Thọ	05/07/1952	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
111	10756254000002	Đào Thị Thủy	02/09/1954	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
112	10756250000001	Nguyễn Thị Thường	02/03/1950	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
113	10756246000001	Nguyễn Thị Xung	12/05/1946	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
114	10756257000003	Bùi Thị Yên	01/01/1957	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
115	10756140000001	Lê Văn Yệt	15/08/1940	05 - Thôn Thanh Liên	1.400.000		1.400.000
116	10759260000004	Tạ Thị Bàng	10/10/1960	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
117	10759150000001	Đặng Văn Cảnh	21/05/1950	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
118	10759147000002	Nguyễn Xuân Cường	01/01/1947	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
119	10759166000004	Đặng Văn Cường	03/03/1966	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
120	10759166000005	Lương Văn Chuẩn	26/07/1966	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
121	10762297000003	Nguyễn Văn Chung	07/02/1952	Vũ Xá	1.400.000		1.400.000
122	10759160000002	Lê Văn Dĩnh	01/01/1960	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
123	10759162000003	Lê Văn Đức	26/05/1962	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
124	10759265000002	Lương Thị Huyền	02/05/1965	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
125	10759260000003	Triệu Thị Hưng	08/06/1960	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
126	10759161000002	Vũ Đình Nõn	26/06/1961	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
127	10759251000001	Bùi Thị Nghê	03/10/1951	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
128	10759260000005	Nguyễn Thị Nhi	10/07/1960	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
129	10759261000002	Đặng Thị Phượng	01/01/1961	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
130	10759152000001	Phạm Văn Quý	20/02/1952	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
131	10759161000003	Tô Văn Quyến	02/08/1961	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
132	10759254000003	Lê Thị Quynh	12/02/1954	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
133	10759260000002	Phạm Thị Sinh	25/03/1960	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
134	10759243000001	Lê Thị Sủng	01/01/1943	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
135	107649000001	Lương Văn Tam	01/01/1949	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
136	10759150000002	Lê Văn Toàn	01/04/1950	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
137	10759254000004	Tạ Thị Thủy	12/10/1954	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
138	10759254000007	Nguyễn Thị Thưa	25/10/1954	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
139	10759251000003	Nguyễn Thị Uyển	24/08/1951	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000
140	10759256000001	Hoàng Thị Xinh	30/07/1956	06 - Vũ xá	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
141	10762157000003	Nguyễn Duy An	01/01/1957	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
142	10762243000002	Lương Đình Ất	01/01/1943	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
143	10762253000006	Nguyễn Thị Ba	01/01/1953	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
144	10762256000002	Nguyễn Thị Be	07/07/1956	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
145	10762162000004	Nguyễn Quí Công	10/03/1962	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
146	10762152000001	Nguyễn Quý Cương	30/06/1952	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
147	10762156000002	Nguyễn Văn Cường	01/01/1956	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
148	10762256000005	Nguyễn Thị Chỉ	05/08/1956	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
149	10762261000003	Nguyễn Thị Chỉ	15/11/1961	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
150	10762161000004	Nguyễn Thế Chiết	01/01/1961	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
151	10762258000003	Đào Văn Chơi	01/01/1958	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
152	10762148000001	Đào Văn Chuộng	01/05/1948	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
153	10762258000005	Đỗ Thị Đào	01/01/1958	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
154	10762148000002	Nguyễn Ngọc Đặt	01/03/1948	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
155	10762161000003	Nguyễn Quý Đón	01/01/1961	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
156	10762252000001	Nguyễn Thị Đưa	01/01/1949	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
157	10762250000002	Nguyễn Thị Gánh	01/01/1950	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
158	10762252000002	Nguyễn Thị Hoa	01/01/1952	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
159	10762159000001	Bùi Thị Hoài	10/02/1959	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
160	10762258000001	Nguyễn Quý Hoàn	30/06/1958	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
161	10762245000005	Nguyễn Thị Hới	09/01/1945	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
162	00107653000002	Nguyễn Thế Huân	13/08/1953	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
163	10762154000006	Nguyễn Quang Hùng	01/03/1954	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
164	10762260000003	Nguyễn Thị Kỳ	06/10/1959	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
165	10762152000002	Nguyễn Quý Khi	01/01/1952	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
166	00107674000003	Nguyễn Thị Lựu	08/03/1964	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
167	10762247000002	Đào Thị Mếch	01/01/1947	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
168	10762245000004	Nguyễn Thị Ngẫm	02/08/1945	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
169	10762236000001	Nguyễn Thị Nhạt	01/01/1936	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
170	10762243000001	Nguyễn Thị Nhì	01/09/1946	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
171	10762156000001	Nguyễn Thị Nhượng	10/10/1956	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
172	00107634000010	Nguyễn Khắc Phẩm	20/05/1964	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
173	107647000001	Đặng Văn Phổ	10/08/1947	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
174	10762158000003	Vũ Thị Quyền	16/07/1958	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
175	10762255000004	Nguyễn Thị Sang	01/01/1955	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
176	10762245000002	Nguyễn Thị Sượng	10/06/1945	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
177	10762241000001	Nguyễn Khắc Tản	01/01/1941	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
178	10762161000005	Nguyễn Thế Tạo	01/01/1961	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
179	10762145000001	Nguyễn Khắc Tẹm	26/08/1945	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
180	10762151000001	Nguyễn Danh Tiếng	01/01/1951	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
181	10762154000002	Nguyễn Hữu Tính	20/02/1954	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
182	10762260000002	Nguyễn Thị Tuyết	17/08/1960	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
183	10762166000003	Nguyễn Thị Tươi	01/01/1966	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
184	10762257000002	Nguyễn Khắc Thiếu	20/06/1957	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
185	10762254000002	Đặng Văn Thu	01/01/1954	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
186	10762254000006	Nguyễn Quang Thuân	06/08/1954	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
187	10762158000001	Nguyễn Thị Thụy	01/01/1958	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
188	10762255000003	Nguyễn Thị Vinh	01/01/1955	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
189	10762163000005	Nguyễn Quốc Vinh	01/01/1963	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
190	10762247000001	Đặng Thị Yến	01/01/1947	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
191	10762250000001	Vũ Đình Bản	25/05/1950	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
192	10762259000002	Nguyễn Danh Bình	20/11/1959	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
193	10762160000001	Nguyễn Thị Bính	11/01/1960	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
194	10762150000002	Nguyễn Duy Cảnh	16/02/1950	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
195	10762257000003	Nguyễn Hữu Công	01/01/1957	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
196	10762148000003	Nguyễn Đạt Cù	14/02/1948	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
197	10762240000002	Nguyễn Thị Cúc	01/01/1940	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
198	107659000001	Nguyễn Thị Cừ	01/01/1949	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
199	00107626000035	Hoàng Văn Chinh	01/01/1956	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
200	10762249000002	Nguyễn Thị Dần	16/05/1949	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
201	10762159000002	Dương Thị Dinh	01/01/1959	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
202	10762154000005	Nguyễn Đình Đàn	08/04/1954	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
203	10762157000004	Hoàng Văn Đô	12/12/1957	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
204	10762133000001	Nguyễn Thị Gạo	01/01/1933	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
205	00107632000006	Lê Văn Hiệt	01/01/1962	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
206	10762258000004	Nguyễn Thị Hỏi	12/10/1958	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
207	10762253000007	Vũ Thị Lánh	18/04/1953	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
208	10762247000004	Nguyễn Thị Lùn	01/01/1947	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
209	10762163000004	Nguyễn Ngọc Mích	06/08/1963	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
210	10762262000003	Lương Thị Mỵ	22/10/1962	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
211	10762150000001	Nguyễn Đạt Núi	01/01/1950	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
212	10762248000001	Nguyễn Văn Nước	01/01/1948	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
213	10762246000002	Nguyễn Thị Ngắm	19/03/1946	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
214	10762146000003	Nguyễn Thị Ngặt	01/01/1946	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
215	10762161000002	Dương Thị Nhanh	01/12/1961	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
216	10762166000001	Nguyễn Đạt Nhẹ	01/01/1966	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
217	10762162000001	Vũ Thị Phương	01/01/1962	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
218	10762163000003	Nguyễn Thị Sáng	24/10/1963	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
219	10762140000001	Dương Danh Sen	10/05/1940	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
220	10762254000007	Nguyễn Thị Sót	02/06/1954	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
221	10762254000008	Hoàng Thị Tỉnh	20/05/1954	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
222	10762244000001	Nguyễn Thị Tính	01/01/1944	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
223	10762266000002	Dương Thị Toan	01/01/1966	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
224	10762143000001	Nguyễn Danh Toản	01/01/1943	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
225	10762157000002	Nguyễn Thị Toán	12/08/1957	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
226	10762264000002	Dương Danh Tuân	12/09/1964	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
227	10762257000004	Nguyễn Khắc Thám	01/01/1957	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
228	10762255000001	Nguyễn Ngọc Thật	01/01/1955	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
229	10762159000005	Nguyễn Đình Thi	25/10/1959	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
230	10762245000003	Nguyễn Hữu Thiệp	01/01/1945	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
231	10762162000002	Trần Công Thụ	23/01/1962	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
232	10762160000002	Nguyễn Thị Thuận	28/10/1960	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
233	10762159000003	Trần Công Thụy	26/04/1959	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
234	10762158000002	Vũ Bá Trữ	27/04/1958	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
235	10762251000001	Nguyễn Thị Yên	01/01/1951	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
236	10756230000001	Nguyễn Thị Bình	01/01/1930	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
237	10756231000005	Trần Thị Bình	04/03/1931	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
238	107606000001	Đào Thị Bình	26/10/1956	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
239	10756252000002	Nguyễn Thị Cúc	20/12/1952	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
240	10756155000004	Đào Quang Chướng	28/06/1955	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
241	10756159000001	Đào Quang Dân	07/12/1959	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
242	10756159000002	Bùi Quang Dinh	17/07/1959	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
243	10756156000001	Bùi Quang Đán	16/05/1956	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
244	10756260000002	Đào Thị Đặn	02/02/1960	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
245	10756149000005	Trần Văn Độ	10/09/1949	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
246	10756249000002	Nguyễn Thị Gái	15/03/1949	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
247	10756161000002	Vũ Đức Hồng	01/01/1961	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
248	10756160000003	Đoàn Hữu Hưởng	17/05/1960	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
249	10756260000003	Vũ Thị Lan	17/07/1960	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
250	10756155000005	Bùi Quang Lập	05/12/1955	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
251	10756255000003	Nguyễn Thị Liễu	20/11/1955	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
252	10756253000001	Lê Thị Linh	25/02/1953	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
253	10756154000001	Nguyễn Đức Quang	06/12/1954	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
254	00107595000003	Bùi Khắc Sinh	01/02/1955	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
255	01076008000002	Bùi Quảng Toản	10/07/1960	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
256	107634000001	Bùi Thị Tư	10/01/1954	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
257	00107633000009	Trần Thị Thảo	05/02/1953	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
258	10756136000001	Nguyễn Đức Thông	05/05/1936	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
259	10756163000004	Vũ Văn Xuân	01/12/1963	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
260	10753163000002	Tăng Tất Ban	15/04/1963	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
261	10753226000001	Bùi Thị Bệ	09/05/1926	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
262	10753230000001	Bùi Thị Cúc	13/02/1930	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
263	10753157000003	Bùi Đỗ Cường	01/02/1957	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
264	10753155000002	Bùi Khắc Du	01/05/1955	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
265	10753159000003	Bùi Đức Hiền	01/10/1959	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
266	10753159000002	Bùi Công Hưng	01/07/1959	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
267	10753245000001	Nguyễn Thị La	15/02/1945	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
268	10753249000004	Nguyễn Thị Lâm	01/01/1949	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
269	10753264000002	Tăng Thị Ly	01/01/1964	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
270	10753234000001	Bùi Thị Lý	01/01/1934	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
271	10753262000001	Mai Thị Mầu	25/11/1962	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
272	00107634000013	Bùi Khắc Phi	20/05/1964	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
273	10753260000003	Bùi Thị Sinh	01/01/1960	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
274	10753257000005	Bùi Thị Thà	01/11/1957	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
275	10756161000004	Đỗ Văn Cẩm	10/02/1961	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
276	10756230000002	Đào Thị Côi	01/01/1933	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
277	10756266000002	Đoàn Thị Chinh	12/07/1966	11 - Thôn Tường vu	1.400.000	700.000	2.100.000
278	10756258000004	Đoàn Thị Chuyển	12/09/1958	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
279	10756163000002	Đỗ Văn Chừ	20/10/1963	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
280	10756141000001	Nguyễn Văn Dụng	01/01/1941	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
281	10756236000001	Đoàn Thị Gượm	01/01/1936	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
282	10756162000002	Đoàn Hữu Khiển	01/01/1962	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
283	10756233000001	Nguyễn Thị Khớ	03/09/1933	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
284	10756164000003	Đỗ Văn Liên	28/04/1964	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
285	10756249000001	Đoàn Thị Liệng	25/09/1949	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
286	10756161000003	Đoàn Hữu Ly	01/01/1961	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
287	10756266000003	Bùi Thị Mão	05/05/1966	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
288	10756238000002	Đoàn Thị Mát	01/10/1938	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
289	10756145000003	Nguyễn Văn Nhương	15/10/1945	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
290	10756264000001	Đoàn Thị Phượng	20/04/1964	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
291	10756258000002	Nguyễn Thị Tạo	20/01/1958	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
292	10756262000003	Nguyễn Thị Toan	03/02/1962	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
293	10756153000006	Đoàn Hữu Tý	06/04/1953	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
294	10756163000007	Đỗ Văn Thư	10/03/1963	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
295	10756158000001	Đoàn Hữu Thương	01/01/1958	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
296	10756232000003	Bùi Thị Va	17/09/1932	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
297	10768261000001	Lê Thị Bé	01/01/1961	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
298	10768163000004	Lê Văn Cảnh	01/01/1963	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
299	10768244000004	Nguyễn Thị Đoàn	01/01/1944	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
300	10768142000001	Phạm Văn Lạp	09/03/1942	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
301	10768163000003	Phạm Văn Nhân	01/01/1963	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
302	10768257000005	Vũ Thị Nhung	01/01/1957	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
303	10768165000004	Lê Văn Quang	01/01/1965	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
304	10768246000001	Phạm Thị Sáu	01/01/1946	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
305	10768156000004	Phạm Hữu Sơn	01/11/1956	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
306	10768255000001	Vũ Thị Tin	01/01/1955	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
307	10768232000001	Phạm Thị Trì	01/01/1932	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
308	10768158000004	Phạm Văn Trọng	01/01/1958	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
309	10768251000001	Trần Thị Bưởng	01/01/1951	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
310	10768159000001	Võ Văn Bý	01/01/1959	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
311	10768261000003	Nguyễn Thị Dung	20/04/1961	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
312	10768157000004	Nguyễn Văn Giang	05/08/1957	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
313	10768262000005	Nguyễn Thị Kiệu	04/05/1961	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
314	10768165000002	Trần Văn Mạnh	01/01/1965	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
315	107631000001	Nguyễn Thị Nhỉ	01/01/1951	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
316	10768230000003	Võ Thị Nhường	01/01/1930	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
317	10768252000002	Nguyễn Thị Phách	05/08/1952	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
318	10768250000003	Đào Thị Tèo	15/10/1950	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
319	10768156000005	Nguyễn Văn Tuấn	01/01/1956	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
320	10768262000004	Nguyễn Thị Thúy	01/01/1962	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
321	10768249000001	Phạm Thị Xuyên	01/01/1949	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
322	107744000001	Phạm Thanh Ba	02/05/1954	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
323	10768257000003	Phạm Thị Bẩy	08/02/1957	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
324	10768240000012	Phạm Thị Bé	01/01/1940	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
325	10768236000001	Phạm Thị Cảnh	01/01/1936	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
326	00107744000002	Nguyễn Thị Cương	01/01/1954	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
327	00107630000108	Vũ Văn Dĩnh	18/11/1960	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
328	10768239000002	Vũ Thị Dĩnh	01/01/1939	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
329	10768243000001	Vũ Thị Đợi	01/01/1943	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
330	10768251000002	Vũ Thị Hạ	01/01/1951	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
331	10768242000003	Phạm Thị Hằng	25/07/1942	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
332	10768161000002	Vũ Văn Hiếu	10/06/1961	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
333	10768265000006	Vũ Thị Hoà	01/01/1965	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
334	10768252000001	Vũ Thị Liên	03/02/1952	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
335	10768140000001	Vũ Văn Lộ	28/05/1940	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
336	10768260000002	Nguyễn Thị Luật	01/01/1960	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
337	10768262000007	Phạm Thị Mài	07/12/1962	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
338	10768138000002	Phạm Văn Mạo	01/01/1938	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
339	10768229000001	Bùi Thị Mỵ	01/01/1929	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
340	00107630000109	Nguyễn Văn Nền	01/01/1960	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
341	10768257000004	Vũ Thị Nhát	01/01/1957	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
342	10768159000002	Vũ Văn Oanh	01/08/1959	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
343	10768258000003	Bùi Thị Toàn	28/05/1958	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
344	10768165000003	Vũ Văn Thành	30/10/1965	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
345	10768261000002	Nguyễn Thị Thú	01/01/1961	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
346	10768252000003	Nguyễn Thị Xuân	01/01/1952	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
347	10768238000001	Vũ Thị Bé	08/02/1938	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
348	10768258000006	Nguyễn Thị Bé	10/05/1958	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
349	10768160000002	Nguyễn Ngọc Củ	01/02/1960	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
350	10768165000005	Nguyễn Văn Chiến	26/08/1965	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
351	10768266000005	Nguyễn Thị Chiến	01/01/1966	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
352	10768254000004	Phạm Thị Diên	16/12/1954	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
353	107760000001	Phạm Thị Dương	29/09/1960	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
354	10768264000001	Phạm Thị Hà	27/07/1964	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
355	10768158000002	Đỗ Văn Khải	02/06/1958	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
356	10768154000003	Phạm Đức Lợi	19/04/1954	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
357	10768255000006	Nguyễn Thị Nũ	15/10/1955	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
358	10768240000001	Nguyễn Thị Nhỡ	01/01/1940	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
359	10768132000002	Phạm Văn Nhớn	01/01/1932	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
360	10768260000004	Phạm Thị Phương	10/05/1960	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
361	10768260000001	Phạm Thị Quý	20/01/1960	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
362	10768162000001	Phạm Văn Tuấn	01/01/1962	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
363	10768259000003	Nguyễn Thị Tý	01/01/1959	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
364	10768255000002	Lê Thị Thanh	18/06/1955	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
365	10768165000007	Nguyễn Văn Thạo	15/09/1965	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
366	10768159000006	Phạm Văn Thương	08/10/1959	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
367	10768258000005	Nguyễn Thị Trịnh	07/03/1958	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
368	10768161000001	Phùng Văn Trường	02/03/1961	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
369	10768258000004	Nguyễn Thị Vân	10/10/1958	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
370	00107628000049	Nguyễn Văn Vấn	04/08/1958	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
371	10768161000003	Phạm Văn Vĩnh	20/06/1961	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
372	00107624000004	Phạm Đức Vũ	14/03/1954	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
373	10768162000002	Ngô Văn Băng	26/02/1962	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
374	10768260000003	Phạm Thị Ca	02/03/1960	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
375	10768244000002	Vũ Thị Cấp	30/10/1944	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
376	10768160000003	Phạm Văn Cương	01/10/1960	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
377	10768254000003	Phạm Thị Diện	02/10/1954	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
378	10768145000001	Nguyễn Đức Dục	12/06/1945	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
379	00107632000009	Phạm Thị Duyên	01/01/1962	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
380	10768155000003	Ngô Văn Hạ	01/01/1955	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
381	10768163000007	Nguyễn Văn Huệ	01/01/1963	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
382	10768163000005	Vũ Văn Hùng	01/01/1963	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
383	10768235000002	Tô Thị Lư	21/05/1935	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
384	10768231000002	Vũ Thị Nữ	03/10/1931	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
385	10768157000003	Phạm Đức Ngận	10/09/1957	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
386	10768159000004	Vũ Văn Ngũ	01/01/1959	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
387	10768159000003	Nguyễn Văn Phong	01/01/1959	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
388	10768243000002	Trần Thị Rợp	06/01/1943	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
389	10768147000001	Trần Văn Tá	12/10/1947	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
390	10768244000003	Nguyễn Thị Tăng	07/04/1944	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
391	10768136000004	Vũ Văn Toán	12/08/1936	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
392	10768248000001	Phạm Thị Thanh	10/10/1948	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
393	00107634000008	Vũ Văn Thoại	23/08/1964	Cam Đông	1.400.000		1.400.000
394	10768159000008	Nguyễn Văn Trường	01/05/1959	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
395	10768163000006	Nguyễn Văn Ước	11/01/1963	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
396	10768245000001	Vũ Thị Xuyên	01/09/1945	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
397	10759239000002	Hoàng Thị Cân	10/02/1939	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
398	10759252000005	Nguyễn Thị Côi	20/08/1952	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
399	10759226000001	Tạ Thị Dần	01/01/1926	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
400	10759258000001	Trần Thị Dấu	08/04/1958	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
401	10759258000003	Đào Thị Doãn	01/01/1962	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
402	10759145000001	Tạ Văn Dợ	12/03/1945	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
403	10759166000002	Hoàng Vũ Dũng	01/01/1966	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
404	10759240000001	Nguyễn Thị Gái	01/01/1940	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
405	10759156000002	Nguyễn Văn Gần	14/04/1956	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
406	10759260000006	Nguyễn Thị Hiển	02/12/1960	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
407	10759262000002	Nguyễn Thị Hoãn	19/05/1962	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
408	10759257000002	Nguyễn Thị Lương	01/01/1957	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
409	10759162000002	Trần Trung Miền	27/07/1962	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
410	10759262000001	Tạ Thị Niên	01/01/1962	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
411	10759258000002	Nguyễn Thị Nguyệt	07/07/1958	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
412	10759252000004	Nguyễn Thị Nhắng	01/01/1952	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
413	10759162000001	Hoàng Vũ Nhương	06/08/1962	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
414	10759254000006	Nguyễn Thị Rơi	01/01/1954	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
415	10759255000002	Tạ Thị Soi	09/12/1955	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
416	10759230000002	Nguyễn Thị Tên	13/08/1930	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
417	10759157000001	Trần Trung Tình	07/06/1957	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
418	10759166000003	Nguyễn Quý Tình	01/01/1966	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
419	10759259000002	Nguyễn Thị Tỉnh	01/01/1959	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
420	10759163000002	Tạ Văn Tuyên	16/11/1963	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
421	10759259000001	Nguyễn Thị Ty	01/01/1959	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
422	10759254000005	Nguyễn Thị Thản	02/10/1954	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
423	107653000001	Nguyễn Đình Thao	01/06/1953	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
424	10759263000001	Nguyễn Thị Thi	25/12/1963	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
425	10759156000004	Tạ Văn Viêm	25/09/1956	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
426	107651000001	Tô Văn Xuyệt	15/06/1951	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
427	10759249000001	Lê Thị Ánh	01/01/1949	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
428	10759147000001	Nguyễn Văn Chép	02/05/1947	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
429	10759165000002	Nguyễn Văn Chiến	01/01/1965	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
430	00107632000008	Nguyễn Đình Dưỡng	19/05/1962	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
431	00107664000002	Bùi Văn Đối	01/01/1964	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
432	10759252000006	Nguyễn Thị Hiên	27/12/1952	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
433	10759164000002	Nguyễn Văn Khiên	22/08/1964	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
434	107657000001	Phạm Thị Loong	01/01/1947	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
435	10759248000003	Nguyễn Thị Mận	04/02/1948	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
436	10759142000001	Nguyễn Thanh Miện	02/08/1942	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
437	10759160000003	Nguyễn Thị Minh	08/01/1960	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
438	10759252000003	Nguyễn Thị Mỵ	20/02/1952	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
439	10759165000003	Hoàng Văn Sai	05/10/1965	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
440	00107633000008	Nguyễn Văn Sang	16/06/1963	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
441	10759157000002	Nguyễn Văn Tuyên	03/02/1957	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
442	10759154000002	Bùi Thịnh Thế	23/03/1954	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
443	10759144000001	Nguyễn Văn Vinh	06/03/1944	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
6.5	**NKT nặng/đặc biệt nặng đang mang thai hoặc nuôi con một dưới 36 tháng tuổi**				**2.100.000**		**2.100.000**
1	107747000001	Nguyễn Hữu Cược	01/01/1957	13 - Xuân Mang	1.050.000		1.050.000
2	10768191000003	Nguyễn Văn Nhớ	31/05/1991	15 - Thôn Phạm Xá	1.050.000		1.050.000
6.7	**NKT đặc biệt nặng là trẻ em**				**31.500.000**		**31.500.000**
1	10753112000001	Bùi Khánh Toàn	11/10/2012	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
2	10753111000001	Trần Anh Tuấn	04/08/2011	01 - Thôn Hợp Nhất	1.750.000		1.750.000
3	10759114000001	Tô Việt Lâm	09/01/2014	06 - Vũ xá	1.750.000		1.750.000
4	10762216000001	Dương Danh Việt Cường	23/08/2016	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
5	10762214000001	Vũ Đình An Tường	04/10/2014	08 - Thôn Đông	1.750.000		1.750.000
6	10756120000002	Nguyễn Nhật Minh	01/01/2020	09 - Thôn Lai Khê	1.750.000		1.750.000
7	10768217000002	Nguyễn Mỹ Anh	19/05/2017	12 - Vang Phan	1.750.000		1.750.000
8	10768111000005	Phạm Vũ Dương	17/07/2011	12 - Vang Phan	1.750.000		1.750.000
9	10768121000001	Nguyễn Minh Khang	26/09/2021	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000
10	10768212000001	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	01/11/2012	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000
11	10768119000001	Nguyễn Thái Sơn	04/10/2019	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
12	10768215000001	Nguyễn Phương Thảo	17/09/2015	13 - Xuân Mang	1.750.000		1.750.000
13	10768216000002	Lưu Thị Ngọc Diệp	29/01/2016	14 - Tuấn Hưng	1.750.000		1.750.000
14	10768219000003	Nguyễn Thuỳ Nhung	20/07/2019	15 - Thôn Phạm Xá	1.750.000		1.750.000
15	10768212000002	Nguyễn Thị Tường Vi	01/08/2012	15 - Thôn Phạm Xá	1.750.000		1.750.000
16	10768121000002	Nguyễn Minh Hiếu	07/11/2021	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
17	10768213000002	Phạm Thu Huyền	22/09/2013	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
18	10768110000001	Vũ Bá Phú	17/12/2010	16 - Việt Hưng	1.750.000		1.750.000
6.8	**NKT nặng là trẻ em**				**64.400.000**		**64.400.000**
1	10768113000001	Nguyễn Tùng Dương	27/08/2013	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
2	10768211000001	Nguyễn Thị Khánh Linh	17/06/2011	02 - Thôn Cam Thượng	1.400.000		1.400.000
3	00107585000004	Nguyễn Lê Bảo Anh	04/08/2015	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
4	10762297000002	Nguyễn Danh Huy	20/06/2022	03 - Thôn Giữa	1.400.000		1.400.000
5	10753215000001	Bùi Minh Anh	28/10/2015	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
6	00107585000003	Lê Đức Cường	29/05/2015	04 - Thôn Quyết Tâm	1.400.000		1.400.000
7	10762112000002	Nguyễn Văn Bảo Nam	28/04/2012	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
8	10762117000001	Nguyễn Quý Tú	30/04/2017	07 - Thôn Bắc	1.400.000		1.400.000
9	10762112000001	Nguyễn Thị Linh Nhi	15/08/2012	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
10	107611000001	Vũ Hoàng Phúc	23/09/2011	08 - Thôn Đông	1.400.000		1.400.000
11	10756212000001	Nguyễn Bảo Dương	31/12/2012	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
12	10756216000001	Hoàng Thu Hiền	15/08/2016	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
13	10756213000001	Bùi Lệ Quyên	26/04/2013	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
14	10756117000001	Ngô Quang Tiến	12/12/2017	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
15	10756118000001	Nguyễn Đức Minh Tiệp	18/12/2018	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
16	10756214000001	Đỗ Bảo Trâm	01/01/2014	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
17	00107589000002	Nguyễn Quang Trường	19/09/2019	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
18	107584000001	Bùi Quang Vinh	28/10/2014	09 - Thôn Lai Khê	1.400.000		1.400.000
19	107590000001	Hoàng Anh Tú	07/09/2020	10 - Thôn Minh Thành	1.400.000		1.400.000
20	00107585000002	Nguyễn Tuấn Anh	14/03/2015	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
21	10756111000001	Đoàn Hữu Hiếu	28/08/2011	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
22	10756216000002	Nguyễn Hà My	10/07/2016	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
23	10759197000003	Đinh Huyền Trang	21/06/2011	11 - Thôn Tường vu	1.400.000		1.400.000
24	10768116000001	Nguyễn Trung Kiên	25/09/2016	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
25	10768219000001	Phạm Vũ An Nhiên	17/10/2019	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
26	107708000001	Lê Hoàng Thái	25/12/2018	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000
27	00107599000003	Nguyễn Quỳnh Trang	14/01/2019	12 - Vang Phan	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
28	10768111000001	Nguyễn Hữu Thành Nam	05/11/2011	13 - Xuân Mang	1.400.000		1.400.000
29	00107588000003	Vũ Gia Huy	03/05/2018	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
30	10768213000001	Nguyễn Yến Nhi	06/05/2013	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
31	10768217000001	Trần Thị Thu Thoa	11/02/2017	14 - Tuấn Hưng	1.400.000		1.400.000
32	10768114000004	Nguyễn Đình Hải Anh	14/02/2014	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
33	10768118000001	Nguyễn Gia Bảo	27/03/2018	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
34	107718000001	Nguyễn Linh Đan	27/12/2018	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
35	10768111000003	Phạm Gia Khiêm	14/06/2011	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
36	10768114000002	Vũ Phúc Lâm	08/08/2014	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
37	10768216000001	Nguyễn Thị Trà My	31/01/2016	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
38	10768111000002	Nguyễn Thiên Phong	27/10/2011	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
39	10768114000003	Nguyễn Quang Vinh	17/04/2014	15 - Thôn Phạm Xá	1.400.000		1.400.000
40	10768114000001	Vũ Đức Duy	25/12/2014	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
41	00107589000003	Vũ Bảo Hân	20/12/2019	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
42	10768112000001	Phạm Nhật Nam	21/06/2012	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
43	10768111000004	Nguyễn Thế Vinh	01/12/2011	16 - Việt Hưng	1.400.000		1.400.000
44	00107581000004	Nguyễn Hải Hoà	21/10/2011	17 - Thượng Đỗ	1.400.000		1.400.000
45	00107595000007	Nguyễn Khánh Huy	13/02/2025	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
46	10762198000003	Lưu Đăng Khoa	26/12/2021	18 - Thượng Vũ	1.400.000		1.400.000
7.2	**Chăm sóc: Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng**				**2.100.000**		**2.100.000**
1	10753259000003	Nguyễn Thị Thưa	01/02/1959	10 - Thôn Minh Thành	1.050.000		1.050.000
2	10756171000001	Nguyễn Quốc Kỳ	18/06/1971	11 - Thôn Tường vu	1.050.000		1.050.000
7.7	**Chăm sóc: NKT đặc biệt nặng được nuôi dưỡng trực tiếp, chăm sóc**				**172.200.000**	**700.000**	**172.900.000**
1	00107657000004	Bùi Dung Công	27/10/1987	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
2	10753162000002	Tăng Tự Cường	16/12/1962	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
3	00107642000003	Nguyễn Văn Dũng	10/12/1972	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
4	107652000001	Bùi Văn Đuông	23/08/1982	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
5	10753290000001	Tăng Thị Thu Hằng	09/04/1990	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
6	10753189000001	Bùi Duy Hoàng	04/04/1989	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
7	10753263000001	Bùi Thị Hợi	31/08/1963	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
8	10753295000001	Nguyễn Thị Hương	20/06/1995	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
9	10753282000003	Lương Thị Lâm	23/04/1982	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
10	10753261000001	Bùi Thị Luyên	15/01/1961	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
11	10753269000001	Bùi Thị Sáu	01/02/1969	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
12	10753162000001	Bùi Duy Sinh	25/12/1962	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
13	10753283000001	Bùi Thị Tâm	19/07/1983	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
14	10753159000001	Bùi Hữu Toán	06/01/1959	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
15	10753159000001	Bùi Hữu Toán	06/01/1959	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
16	10753156000001	Tăng Đức Thành	20/01/1956	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
17	10753254000002	Bùi Thị Thảnh	01/01/1954	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
18	10753275000001	Nguyễn Thị Thơm	05/07/1975	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
19	10753289000001	Nguyễn Thị Thủy	06/08/1989	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
20	10753181000002	Bùi Ngọc Trang	17/12/1981	01 - Thôn Hợp Nhất	700.000		700.000
21	10768275000004	Bùi Thị Lan	10/06/1975	02 - Thôn Cam Thượng	700.000		700.000
22	10768259000001	Ninh Thị Tĩnh	05/11/1959	02 - Thôn Cam Thượng	700.000		700.000
23	10768157000002	Phạm Khắc Tờ	20/06/1957	02 - Thôn Cam Thượng	700.000		700.000
24	10768188000001	Nguyễn Văn Thiên	20/06/1988	02 - Thôn Cam Thượng	700.000		700.000
25	10762167000002	Đào Thị Cúc	05/02/1967	03 - Thôn Giữa	700.000		700.000
26	10762171000001	Nguyễn Thị Cúc	03/11/1971	03 - Thôn Giữa	700.000		700.000
27	10762261000001	Nguyễn Thị Du	26/04/1961	03 - Thôn Giữa	700.000		700.000
28	10762165000001	Nguyễn Thị Đô	16/11/1965	03 - Thôn Giữa	700.000		700.000
29	10762270000002	Nguyễn Thị Phượng	07/12/1970	03 - Thôn Giữa	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
30	10762263000001	Hoàng Văn Sịch	07/08/1963	03 - Thôn Giữa	700.000		700.000
31	10762280000001	Phạm Thị Thắm	19/09/1980	03 - Thôn Giữa	700.000		700.000
32	10753273000002	Tăng Thị Huế	19/10/1973	04 - Thôn Quyết Tâm	700.000		700.000
33	00107639000002	Bùi Thị Mượt	08/08/1959	04 - Thôn Quyết Tâm	700.000		700.000
34	10753185000001	Bùi Văn Nam	29/10/1985	04 - Thôn Quyết Tâm	700.000		700.000
35	10753254000001	Bùi Thị Oánh	05/01/1954	04 - Thôn Quyết Tâm	700.000		700.000
36	10753259000001	Vũ Thị Tuyền	22/12/1959	04 - Thôn Quyết Tâm	700.000		700.000
37	00107661000004	Nguyễn Thị Thoa	09/02/1981	04 - Thôn Quyết Tâm	700.000		700.000
38	10756164000001	Nguyễn Văn Ba	30/04/1964	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
39	10756155000001	Phạm Văn Cải	25/05/1955	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
40	10756149000001	Nguyễn Hữu Cần	30/05/1949	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
41	10756172000004	Nguyễn Văn Huấn	01/12/1972	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
42	107620000001	Nguyễn Thị Ly	10/01/1970	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
43	00107602000002	Nguyễn Thị Nhánh	16/10/1952	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
44	10756257000001	Phạm Thị Nhuận	10/08/1957	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
45	10756165000002	Hoàng Trọng Sinh	22/07/1965	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
46	10756271000001	Phạm Thị Thắm	02/07/1971	05 - Thôn Thanh Liên	700.000		700.000
47	10759155000001	Lê Quang Đạo	16/03/1955	06 - Vũ xá	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
48	10759285000001	Lê Thị Nguyệt	19/01/1985	06 - Vũ xá	700.000		700.000
49	10759271000001	Nguyễn Thị Nhận	14/09/1971	06 - Vũ xá	700.000		700.000
50	10759185000001	Tô Văn Quyền	05/12/1985	06 - Vũ xá	700.000		700.000
51	10759168000002	Lê Văn Tân	05/05/1968	06 - Vũ xá	700.000		700.000
52	10759273000001	Tạ Thị Thủy	18/12/1973	06 - Vũ xá	700.000		700.000
53	00107663000002	Nguyễn Thị Vượng	04/03/1983	Vũ Xá	700.000		700.000
54	10762253000002	Nguyễn Thị Chín	01/01/1953	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
55	10762181000002	Nguyễn Danh Du	11/11/1981	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
56	10762262000001	Lưu Văn Dùng	20/05/1962	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
57	10762168000001	Nguyễn Thị Định	17/08/1968	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
58	10762185000002	Nguyễn Viết Đoàn	08/02/1985	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
59	10762274000001	Nguyễn Khắc Giáp	12/12/1974	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
60	10762271000004	Hoàng Thị Hằng	20/11/1971	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
61	10762284000001	Nguyễn Thị Hằng	08/03/1984	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
62	10762269000001	Đặng Thị Huệ	10/03/1969	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
63	10762174000001	Đào Thị Hường	14/04/1974	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
64	10762168000003	Nguyễn Ngọc Khánh	01/02/1968	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
65	10762256000001	Nguyễn Hữu Lô	01/01/1956	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
66	10762170000003	Nguyễn Đình Lượng	07/01/1970	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
67	10762254000001	Phạm Thị Má	08/05/1954	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
68	10762257000001	Nguyễn Công Mạnh	03/01/1957	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
69	10762291000001	Nguyễn Quang Minh	26/05/1991	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
70	10762245000001	Đào Văn Mô	01/01/1945	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
71	10762275000002	Đặng Đình Nhường	08/01/1975	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
72	10762280000002	Nguyễn Quý Quảng	07/02/1980	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
73	10762277000001	Nguyễn Thị Thuý	01/08/1977	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
74	10762274000006	Nguyễn Thị Thương	14/12/1974	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
75	107665000001	Nguyễn Thị Vân	15/06/1985	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
76	10762274000002	Nguyễn Thế Viên	25/12/1974	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
77	10762276000001	Nguyễn Thị Vui	12/06/1976	07 - Thôn Bắc	700.000		700.000
78	00107644000003	Nguyễn Đình Ắt	03/02/1974	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
79	107658000001	Nguyễn Thị Bảo	19/12/1978	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
80	10762239000001	Nguyễn Ngọc Bởi	01/05/1939	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
81	10762256000004	Nguyễn Thị Cơ	04/06/1956	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
82	10762184000001	Dương Danh Cương	17/04/1984	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
83	10762185000001	Nguyễn Tiến Chung	11/08/1985	08 - Thôn Đông	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
84	107702000001	Tạ Thị Hương	08/12/1992	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
85	10762177000001	Vũ Đình Lai	15/07/1977	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
86	107642000001	Nguyễn Thị Lại	01/01/1962	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
87	10762167000001	Dương Thị Lần	01/01/1967	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
88	10762280000005	Bùi Thị Luyến	13/03/1980	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
89	00107647000003	Nguyễn Danh Minh	22/05/1977	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
90	107663000001	Dương Thị Nay	13/01/1963	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
91	10762179000003	Nguyễn Ngọc Nguyệt	10/10/1979	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
92	10762264000001	Nguyễn Thị Nhuần	01/01/1964	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
93	10762163000002	Nguyễn Thị Oanh	21/05/1963	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
94	10762171000002	Nguyễn Thị Quyên	19/03/1971	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
95	10762274000004	Nguyễn Danh Tám	04/04/1974	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
96	10762164000001	Trần Thị Tơ	08/10/1964	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
97	10762275000001	Trần Thị Tuyết	06/01/1975	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
98	10762270000001	Nguyễn Thị Thơm	12/11/1970	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
99	10762170000001	Nguyễn Thị Thúy	08/06/1970	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
100	10762265000001	Trần Công Viễn	07/05/1965	08 - Thôn Đông	700.000		700.000
101	10762154000001	Phạm Thị Vinh	01/01/1954	08 - Thôn Đông	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
102	10756258000001	Bùi Thị Ánh	01/01/1958	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
103	00107642000002	Trần Văn Hồng	29/12/1972	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
104	10756279000002	Nguyễn Thị Linh	06/06/1979	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
105	107624000001	Nguyễn Thị Luận	13/12/1974	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
106	10756293000001	Nguyễn Thị My	08/10/1993	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
107	10756290000001	Bùi Thị Nhung	06/02/1990	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
108	10756166000001	Đoàn Hữu Phức	05/07/1966	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
109	10756172000002	Vũ Văn Sơn	11/07/1972	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
110	10756150000001	Bùi Ngọc Túc	02/10/1950	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
111	10756172000001	Bùi Quang Tuyên	30/09/1972	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
112	00107665000002	Trịnh Đức Thắng	08/01/1995	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
113	10756155000002	Bùi Quang Thất	04/07/1955	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
114	10756155000002	Bùi Quang Thất	04/07/1955	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
115	10756274000001	Vũ Thị Thanh Vân	22/08/1974	09 - Thôn Lai Khê	700.000		700.000
116	107645000001	Lê Thị Chi	22/07/1995	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
117	10753173000002	Nguyễn Đức Học	06/08/1973	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
118	10753257000001	Nguyễn Thị Liên	07/02/1957	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
119	10753257000003	Tăng Thị Lượt	14/02/1957	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
120	10753282000001	Nguyễn Thị Lý	06/01/1982	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
121	10753247000002	Bùi Thị Ngoãn	01/08/1947	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
122	10753257000002	Phạm Thị Phức	01/01/1957	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
123	10753181000001	Lê Văn Tuyên	11/01/1981	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
124	10753278000001	Tăng Thị Thúy	16/08/1978	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
125	10753158000001	Bùi Ngọc Trai	01/02/1958	10 - Thôn Minh Thành	700.000		700.000
126	10756245000001	Bùi Thị Hường	10/10/1945	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
127	10756145000002	Đỗ Ngọc Ánh	18/10/1945	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
128	10756254000001	Lê Thị Ân	08/02/1954	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
129	00107644000005	Bùi Quang Dũng	12/09/1974	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
130	10756179000001	Nguyễn Văn Đông	03/06/1979	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
131	10756286000001	Nguyễn Thị Lan	06/08/1986	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
132	10756157000001	Nguyễn Văn Mạnh	13/06/1957	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
133	00107659000002	Nguyễn Văn Minh	14/04/1989	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
134	10756261000001	Nguyễn Thị Nhuần	01/09/1961	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
135	10756262000001	Nguyễn Thị Xưa	01/09/1962	11 - Thôn Tường vu	700.000		700.000
136	10768254000001	Nguyễn Thị Bình	01/01/1954	12 - Vang Phan	700.000		700.000
137	10768275000001	Đỗ Thị Dung	27/02/1975	12 - Vang Phan	700.000		700.000
138	00107655000003	Phạm Văn Dực	14/12/1985	12 - Vang Phan	700.000		700.000
139	10768179000002	Phạm Văn Hoan	20/07/1979	12 - Vang Phan	700.000		700.000
140	00107584000003	Phạm Thị Thanh Huyền	21/07/2004	12 - Vang Phan	700.000		700.000
141	10768293000001	Phạm Thị Mỹ Linh	21/11/1993	12 - Vang Phan	700.000		700.000
142	00107645000008	Phạm Văn Oánh	01/05/1975	12 - Vang Phan	700.000		700.000
143	10768181000001	Phạm Văn Phong	26/02/1981	12 - Vang Phan	700.000		700.000
144	10768182000003	Phạm Văn Thoòng	08/02/1982	12 - Vang Phan	700.000		700.000
145	10756207000000	Vũ Thị Thủy	27/06/1970	12 - Vang Phan	700.000	700.000	1.400.000
146	10768141000002	Nguyễn Văn Chỉ	01/01/1941	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
147	10768265000002	Trần Thị Dung	23/04/1965	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
148	10768179000001	Nguyễn Văn Đông	16/08/1979	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
149	10768269000002	Nguyễn Thị Gấm	11/10/1969	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
150	10768284000001	Nguyễn Thị Hoa	14/02/1984	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
151	10768283000001	Hoàng Thị Hoài	13/05/1983	13 - Xuân Mang	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
152	10768281000001	Phạm Thị Hường	15/01/1981	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
153	10768256000002	Lê Thị Nhì	01/01/1956	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
154	10768280000001	Nguyễn Thị Nhinh	15/08/1980	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
155	10768266000002	Đỗ Thị Ót	17/04/1966	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
156	10768265000001	Phạm Thị Sinh	04/06/1965	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
157	10768265000001	Phạm Thị Sinh	04/06/1965	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
158	10768258000008	Phạm Thị Thái	20/08/1958	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
159	10768272000001	Võ Thị Thúy	18/07/1972	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
160	10768287000002	Phạm Thị Thúy	06/09/1987	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
161	10768158000001	Nguyễn Hữu Vụ	10/07/1958	13 - Xuân Mang	700.000		700.000
162	10768157000001	Phạm Văn Doanh	01/11/1957	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
163	10768278000002	Nguyễn Thị Hà	10/06/1978	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
164	10768271000002	Phạm Thị Hạnh	12/12/1971	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
165	107641000001	Trần Thị Hồng	20/08/1971	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
166	10768156000002	Vũ Văn Hùng	15/10/1956	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
167	10768262000012	Phạm Thị Kiu	01/01/1962	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
168	10768267000001	Vũ Thị Lại	25/03/1967	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
169	10768266000001	Trần Thị Lan	14/08/1966	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
170	10768158000006	Vũ Thị Luyện	09/03/1958	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
171	10768166000001	Vũ Văn Miên	01/12/1966	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
172	10768262000011	Vũ Văn Miên	29/09/1962	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
173	10768272000002	Ninh Thị Nguyệt	05/10/1972	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
174	00107661000002	Ninh Thị Oanh	26/02/1981	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
175	10768285000001	Nguyễn Thị Phượng	15/02/1985	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
176	10768271000003	Vũ Thị Tám	25/06/1971	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
177	10768148000001	Lê Thanh Từ	20/10/1948	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
178	10768169000001	Phạm Văn Thái	16/05/1969	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
179	10768266000003	Ninh Thị Thự	27/12/1966	14 - Tuấn Hưng	700.000		700.000
180	10768154000001	Nguyễn Văn Bình	05/06/1954	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
181	10768173000001	Phạm Văn Duy	20/04/1973	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
182	10768182000004	Nguyễn Xuân Hùng	12/11/1982	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
183	10768284000003	Tô Thị Nụ	01/12/1984	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
184	107667000001	Phạm Thị Nhị	03/06/1987	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
185	10768272000003	Trần Thị Phượng	20/08/1972	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
186	10768165000001	Ninh Văn Toàn	01/08/1965	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
187	10768194000002	Nguyễn Văn Tuấn	14/06/1994	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
188	10768262000001	Tiêu Thị Thắm	12/02/1962	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
189	00107650000002	Phạm Thị Thúy	20/10/1970	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
190	10768268000001	Vũ Thị Xâm	16/08/1968	15 - Thôn Phạm Xá	700.000		700.000
191	00107634000007	Phạm Văn Công	27/07/1964	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
192	10768161000004	Phạm Văn Chủng	02/01/1961	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
193	10768283000002	Vũ Thị Dung	20/08/1983	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
194	10768185000002	Nguyễn Văn Dương	12/04/1985	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
195	10768265000004	Đỗ Thị Hải	04/04/1965	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
196	00107639000003	Phạm Văn Hãnh	13/02/1969	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
197	10768263000001	Ninh Thị Hạnh	25/02/1963	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
198	10768257000002	Vũ Thị Hiên	08/12/1957	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
199	10768258000002	Nguyễn Thị Hiền	03/02/1958	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
200	107746000001	Đào Duy Hiền	01/05/1956	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
201	10768272000004	Nguyễn Thị Hoa	08/09/1972	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
202	10768152000001	Phạm Xuân Hòa	01/01/1952	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
203	107654000001	Ngô Thế Hùng	20/02/1984	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
204	10768265000005	Vũ Thị Hưng	22/02/1965	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
205	00107777000004	Phạm Văn Khánh	20/08/1987	16 - Việt Hưng	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
206	10768291000001	Lại Thị Lý	19/07/1991	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
207	10768262000003	Nguyễn Thị Mai	01/01/1962	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
208	10768278000001	Nguyễn Thị Mai	19/04/1978	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
209	10768256000004	Vũ Thị Ngạch	01/01/1956	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
210	10768159000009	Phạm Thanh Tầm	25/09/1959	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
211	10768265000003	Vũ Thị Tín	02/02/1965	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
212	10768281000006	Nguyễn Thị Tuyên	13/05/1981	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
213	10768262000002	Lê Thị Thảo	14/05/1962	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
214	10768273000003	Vũ Thị Thận	30/08/1973	16 - Việt Hưng	700.000		700.000
215	10759267000003	Bùi Thị Cất	10/02/1967	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
216	10759160000001	Nguyễn Đức Cổn	24/12/1960	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
217	10759166000006	Tạ Văn Dự	03/08/1966	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
218	10759188000003	Nguyễn Khắc Giang	04/06/1988	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
219	10759280000001	Nguyễn Thị Mai Huệ	24/09/1980	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
220	10759171000005	Nguyễn Đình Hùng	06/05/1971	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
221	10759104000003	Bùi Ngọc Huy	17/07/2004	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
222	10759285000002	Đặng Thị Hương	26/08/1985	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
223	10759252000002	Vũ Thị Lý	07/10/1952	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
224	10759271000002	Nguyễn Thị Lý	21/09/1971	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
225	10759136000001	Nguyễn Đăng Ninh	01/03/1936	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
226	10759161000001	Tô Văn Quyết	02/10/1961	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
227	10759184000001	Nguyễn Đình Tiến	09/06/1984	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
228	10759270000001	Nguyễn Thị Túy	01/01/1970	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
229	10759163000001	Nguyễn Hữu Thanh	08/08/1963	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
230	10759165000001	Nguyễn Đình Thành	06/10/1965	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
231	10759181000001	Nguyễn Hữu Thành	23/11/1981	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
232	10759170000003	Nguyễn Hữu Thắng	02/09/1970	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
233	10759272000001	Nguyễn Thị Thêm	12/08/1972	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
234	10759254000002	Nguyễn Thị Thoa	26/06/1954	17 - Thượng Đỗ	700.000		700.000
235	00107595000006	Nguyễn Văn Ba	28/02/1989	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
236	00107629000051	Vũ Văn Bồi	01/01/1959	Bộ Hổ	700.000		700.000
237	10759266000002	Nguyễn Thị Cận	20/04/1966	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
238	10759274000001	Bùi Thị Dinh	20/04/1974	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
239	10768199000004	Phạm Văn Dũng	02/01/1981	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
240	10759168000003	Nguyễn Quang Hạ	02/01/1968	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
241	10759168000001	Trần Văn Phức	20/08/1968	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000

STT	Mã đối tượng	Họ và tên đối tượng	Ngày sinh	Địa chỉ	Số tiền		
					Trợ cấp, trợ giúp tháng này	Truy lĩnh	Tổng số tiền
242	10759175000002	Phạm Hồng Sâm	06/10/1975	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
243	10759166000001	Nguyễn Văn Tuấn	12/08/1966	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
244	10759188000001	Bùi Văn Thanh	25/12/1988	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
245	10759279000001	Bùi Thị Thấm	07/11/1979	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
246	10759288000001	Vũ Thị Trang	02/09/1988	18 - Thượng Vũ	700.000		700.000
				Tổng cộng:	**2.446.610.000**	**8.060.000**	**2.454.670.000**

Phụ lục III
DANH SÁCH TĂNG, GIẢM ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG THÁNG 10/2026
(Kèm theo Thông báo số: 1235/TB-VHXH ngày 02/10/2026 của Phòng Văn hoá - Xã hội xã)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Tỷ lệ thương tật	Số sổ lĩnh tiền	Số tiền	Ghi chú
Thương binh						
1	Nguyễn Hữu Tiệp	Lai Khê	24	25679	2.144.000	Chết ngày 06/5/2025
Bệnh binh						
1	Nguyễn Văn Chu	Lai Khê	61	29513	4.622.000	Chết ngày 19/04/2025
2	Bùi Quang Bất	Lai Khê	81	53746A	9.167.000	Chết ngày 04/9/2026
Người phục vụ BB từ 81% trở lên ĐBN ở gia đình						
1	Bùi Quang Bất				3.582.000	Chết ngày 04/9/2026
Tuất liệt sỹ						
1	Bùi Thị Cây	Lai Khê		6322	2.789.000	Chết ngày 15/01/2022
2	Nguyễn Thị Gái	Vũ Dũng		6022	2.789.000	Chết
3	Nguyễn Thị Hàng	Vũ Dũng		6023	2.789.000	Chết
4	Mai Thị Sợi	Lai Khê		6316	2.789.000	Chết ngày 04/3/2025
5	Phạm Thị Ủn	Tân Hưng		6474	2.789.000	Chết ngày 07/9/2025
6	Nguyễn Thị Thán	Vũ Dũng		6426	2.789.000	Chết ngày 26/4/2024
Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB						
1	Trần Thị Thưa	Việt Hưng		14874	1.565.000	Chết ngày 04/9/2026
Tuất CĐHH						
1	Nguyễn Thị Giẻo	Vũ Dũng	61	50003	1.565.000	Chết ngày 05/10/2023
Tuất cán bộ TKN						
1	Bùi Thị Hịch	Lai Khê		50803	1.565.000	Chết ngày 26/5/2022
Tuất Bệnh binh từ 61% trở lên hưởng ĐXCB						
1	Trần Thị Thóa	Tuấn Việt		46218	1.565.000	Chết ngày 26/5/2024
	Cộng				**42.509.000**	

Phụ lục IV
DANH SÁCH TĂNG, GIẢM ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI THÁNG 10/2026

(Kèm theo Thông báo số: 1235 /TB-VHXH ngày 02/10/2026 của Phòng Văn hoá - Xã hội xã)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	Số tiền	Lý do thôi hưởng	Hưởng MTP
1	Bùi Thị Còm	05/02/1938	Quyết Tâm	Người cao tuổi KT nặng	1.400.000	Chết ngày 02/9/2026	BTXH
2	Nguyễn Thị Nhung	3/9/1960	Bắc	Người cao tuổi KT nặng	1.400.000	Chết ngày 01/09/2026	BTXH
3	Bùi Quang Bất	5/20/1950	Lai Khê	Hưu trí xã hội	700.000	Chết ngày 04/9/2026	NCC
4	Vũ Ngọc Sáng	5/8/1954	Cam Thượng	Người cao tuổi KT nặng	1.400.000	Chết ngày 12/9/2026	QĐ số 142
5	Trần Thị Thưa	9/19/1936	Việt Hưng	Hưu trí xã hội	700.000	Chết ngày 20/9/2026	HHC
6	Nguyễn Thị Thanh	1/1/1938	Phạm Xá	Hưu trí xã hội	700.000	Chết ngày 23/9/2026	BTXH
7	Lương Thị Quế	8/8/1948	Giữa	Người cao tuổi KT ĐB nặng	1.750.000	Chết ngày 23/9/2026	QĐ số 49
8	Nguyễn Danh Sỹ	8/2/1974	Giữa	Nuôi dưỡng Người KT ĐBN	700.000	Người KT đặc biệt nặng chết	
9	Nguyễn Quốc Vinh	1/1/1936	Bắc	Hưu trí xã hội	700.000	Chết ngày 19/9/2026	
10	Hoàng Thị Bé	1/1/1950	Giữa	Hưu trí xã hội	700.000	Chết ngày 10/9/2026	HTXH
11	Hoàng Văn Luyện	2/4/1985	Bộ Hổ	Người KT nặng	700.000	Chết ngày 05/9/2026	BTXH
12	Phạm Nguyễn Bình An	9/14/2011	Tường Vu	Người KT nặng	1.400.000	Chuyển học trung tâm theo Quyết định số 912/QĐ-TTNDBTXH ngày 23/9/2026 của Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ xã hội Hải Dương	
13	Đoàn Thị Yến Nhi	8/26/2011	Cam Thượng	Người KT nặng	1.400.000	Chuyển học trung tâm theo Quyết định số 889/QĐ-TTNDBTXH ngày 11/9/2026 của Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ xã hội Hải Dương	
Tổng cộng					**13.650.000**		

DANH SÁCH BIẾN ĐỘNG TĂNG ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG TCXH HÀNG THÁNG

Tháng 10 năm 2026

Phường / Xã : ***Xã Lai Khê***

STT	Mã thành viên	Họ và tên	Năm sinh	Thôn/Tổ	Loại hưởng	Hệ số	Số tiền	Truy lĩnh	Tháng hưởng trợ cấp	Quyết định	Lý do
1	10756205500000	Nguyễn Thị Minh	01/01/1955	07 - Thôn Bắc	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2337	
2	10756205100005	Nguyễn Bá San	25/09/1951	02 - Thôn Cam Thượng	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2369	
3	10756205100001	Nguyễn Quý Khác	22/09/1951	03 - Thôn Giữa	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2351	
4	10756205100003	Bùi Thị Nhâm	24/09/1951	06 - Vũ xá	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2367	
5	10756205100000	Bùi Bá Chèng	13/09/1951	10 - Thôn Minh Thành	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2213	

6	10756212600000	Nguyễn Thị Mùi	20/09/1951	10 - Thôn Minh Thành	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2349	
7	10756205100008	Tăng Văn Thịnh	02/10/1951	10 - Thôn Minh Thành	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	0		2462	
8	10756205100006	Nguyễn Đức Đẩy	27/09/1951	11 - Thôn Tường vu	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2438	
9	10756205100004	Phạm Văn Lư	25/09/1951	14 - Tuấn Hưng	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2372	
10	10756205100002	Hoàng Thị Nguyệt	20/09/1951	17 - Thượng Đỗ	(NĐ176) Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định	1	740.000	740.000	1	2350	
11	10756207000000	Vũ Thị Thủy	27/06/1970	12 - Vang Phan	Chăm sóc: NKT đặc biệt nặng được nuôi dưỡng trực tiếp, chăm sóc	1	700.000	700.000	1	2352	
12	10756266000002	Đoàn Thị Chinh	12/07/1966	11 - Thôn Tường vu	NKT nặng là NCT	2	1.400.000	700.000	2	2212	
						Tổng cộng:	**9.500.000**	**8.060.000**			